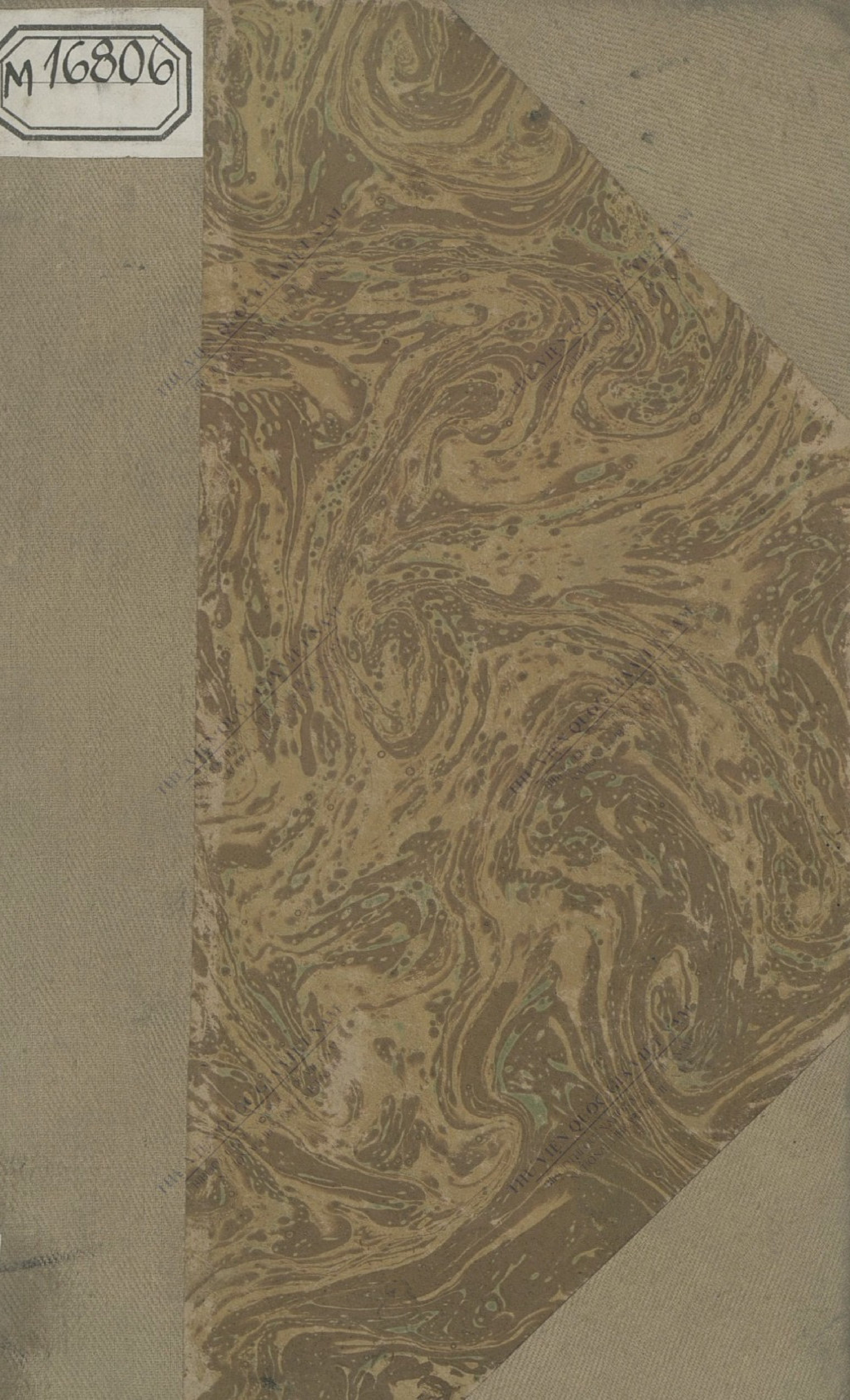


LES FABLES DE LA FONTAINE

THƠ NGỤ NGÔN LA FONTAINE



LES FABLES DE LA FONTAINE

Traduites par Nguyên-Van-VINH

THƠ NGỤ-NGÔN LA FONTAINE

Dịch-giả : Nguyễn-Văn-Vĩnh



ÉDITIONS ALEXANDRE DE RHODES

1943

TIỂU-SỬ ÔNG LA FONTAINE

LA FONTAINE. — Ông Jean de la FONTAINE, sinh tại Château-Thierry năm 1621, chết tại Paris năm 1695. Cụ thân-sinh ra ông vốn làm kiểm-lâm, trước định cho ông đi học để làm nhà thầy, song ông không có đủ tư-cách theo đạo tu-hành, cho nên lại bỏ trường nhà dòng mà học khoa hình-luật. Cha thấy tính bông-lông bèn lấy vợ và nhường chức kiểm-lâm cho, nhưng ông La Fontaine không phải là một bậc quan-lại hoàn-toàn tư-cách, mà cũng chẳng phải là một người giữ được gia-đạo. Sau bỏ cả chức và quên cả vợ. Nguyên ông La Fontaine có ba tật, khiến nên người gia-trưởng rất xấu, một là tật mê gái, hai là tật biếng-lười, ba là tật hay làm thơ.

Thích làm thơ từ thuở 22 tuổi. Về sau gặp được quan hộ-bộ Fouquet là một người quyền-thế to, lắm của mà lại hay hậu-đãi những người hay chữ và có tài, mới cấp cho ông La Fontaine mỗi năm 1000 livres. *Cứ ba tháng một kỳ lĩnh tiền, bắt phải vịnh một bài thơ làm biên-lai.*

Từ lúc ông La Fontaine yên được nơi ăn chốn ở, mới làm ra những thơ này, dị-thường như trò đùa-bỡn, mà xem ra nghĩa-lý sâu sắc vô cùng, ngày nay ở bên nước Pháp lấy làm sách học, ai ai đều biết thuộc lòng.

MẤY LỜI CỦA DỊCH-GIẢ

Tập dịch-văn này tôi làm ra kể đã lâu năm lắm rồi, khi còn tí tuổi, chưa làm văn vần bao giờ, mà đọc qua thơ La Fontaine *cũng phải cảm-hứng, chấp chảnh nên vần, tuy lắm câu văn còn lấc-cấc lắm, nhưng các bạn độc-giả, cũng nhiều ông xét quá rộng cho là dụng công dịch lấy đúng. Đúng đây là đúng cái tinh-thần, chứ không có nề gì những chữ* hổ *đổi làm* sư-tử, *cái* gậy *đổi ra* con chó, *khiến cho những người thắt-mắt được một cuộc vui, ngồi soi-bói từng câu từng chữ, mà kể được ra có ba bốn chỗ dịch làm.*

Những chỗ sai lầm đó, trong bản in này cũng xin cứ để nguyên không dám chữa. Lại in thêm cả nguyên-văn tiếng Pháp ra cho ai nấy có thể khảo xét.

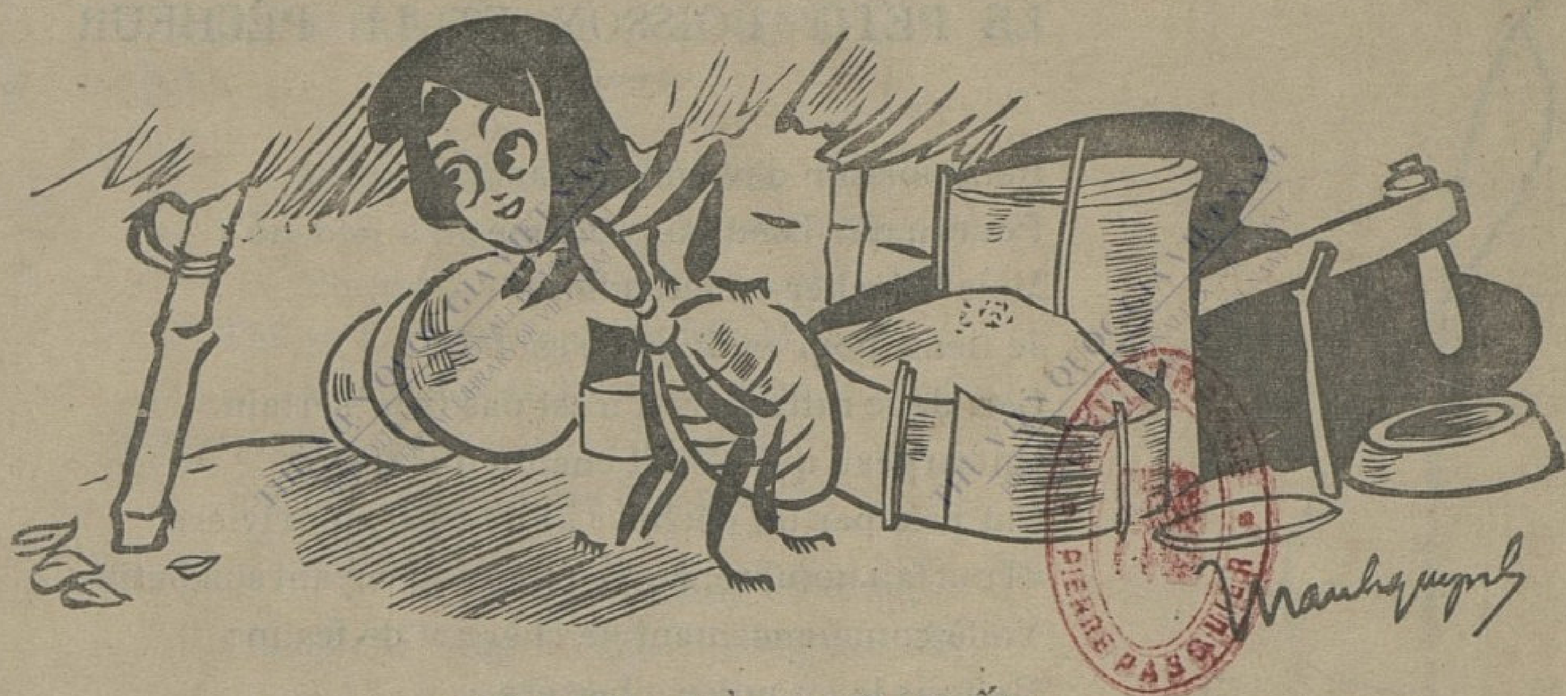
NGUYỄN-VĂN-VĨNH



LA CIGALE ET LA FOURMI



La Cigale ayant chanté
tout l'été,
Se trouva fort dépourvue,
Quand la bise fut venue ;
Pas un seul petit morceau
De mouche ou de vermisseau ;
Elle alla crier famine
Chez la fourmi sa voisine,
La priant de lui prêter
Quelque grain pour subsister
Jusqu'à la saison nouvelle.
« Je vous paierai, lui dit-elle,
Avant l'oût, foi d'animal,
Intérêt et principal ».
La fourmi n'est pas prêteuse ;
C'est là son moindre défaut.
« Que faisiez-vous au temps chaud ?
Dit-elle à cette emprunteuse.
— Nuit et jour, à tout venant
Je chantais, ne vous déplaise.
— Vous chantiez ? J'en suis fort aise.
Et bien dansez maintenant ».



CON VE VÀ CON KIẾN

Ve sầu kêu ve ve,
Suốt mùa hè,
Đến kỳ gió bấc thổi,
Nguồn cơn thật bối-rối.
Một miếng cũng chẳng còn,
Ruồi bọ không một con.
Vác miệng chịu khúm-núm,
Sang chị kiến hàng-xóm.
Xin cùng chị cho vay,
Giăm ba hạt qua ngày.
— Từ nay sang tháng hạ,
Em lại xin đem trả.
Trước thu, thề Đất Trời!
Xin đủ cả vốn lời.
Tính kiến ghét vay cậy,
Thói ấy chẳng hề chi.
— Nắng ráo chú làm gì?
Kiến hỏi Ve như vậy.
Ve rằng:
— Luôn đêm ngày,
Tôi hát, thiệt gì bác,
Kiến rằng:
— Xưa chú hát!
Nay thử múa coi đây.

LE PETIT POISSON ET LE PÊCHEUR

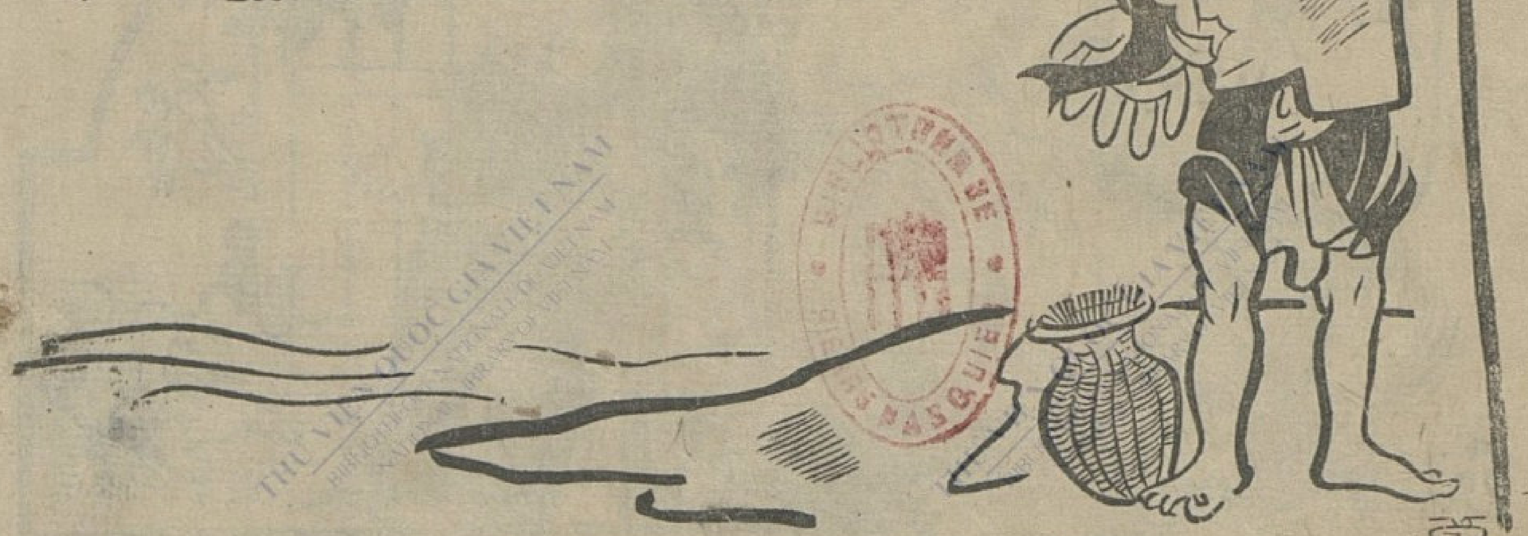
Petit poisson deviendra grand,
Pourvu que Dieu lui prête vie ;
Mais le lâcher en attendant,
Je tiens, pour moi, que c'est folie :
Car, de le rattraper, il n'est pas trop certain.
Un carpeau qui n'était encore que fretin,
Fut pris par un pêcheur au bord d'une rivière.
«Tout fait nombre, dit l'homme, en voyant son butin ;
Voilà commencement de chère et de festin ;
Mettons-le en notre gibecière ».
Le pauvre carpillon lui dit en sa manière :
« Que feriez-vous de moi ? je ne saurais fournir
Au plus qu'une demi-bouchée ?
Laissez-moi carpe devenir :
Je serai par vous repêchée.
Quelque gros partisan m'achètera bien cher ;
Au lieu qu'il vous en faut chercher
Peut-être encor cent de ma taille
Pour faire un plat : Quel plat ! croyez-moi, rien qui vaille.
— Rien qui vaille ? Et bien ! soit, repartit le pêcheur ;
Poisson, mon bel ami, qui faites le prêcheur :
Vous irez dans la poêle ; et vous aurez beau dire,
Dès ce soir on vous fera frire »,
Un tiens vaut, ce dit-on, mieux que deux tu l'auras :
L'un est sûr, l'autre ne l'est pas.





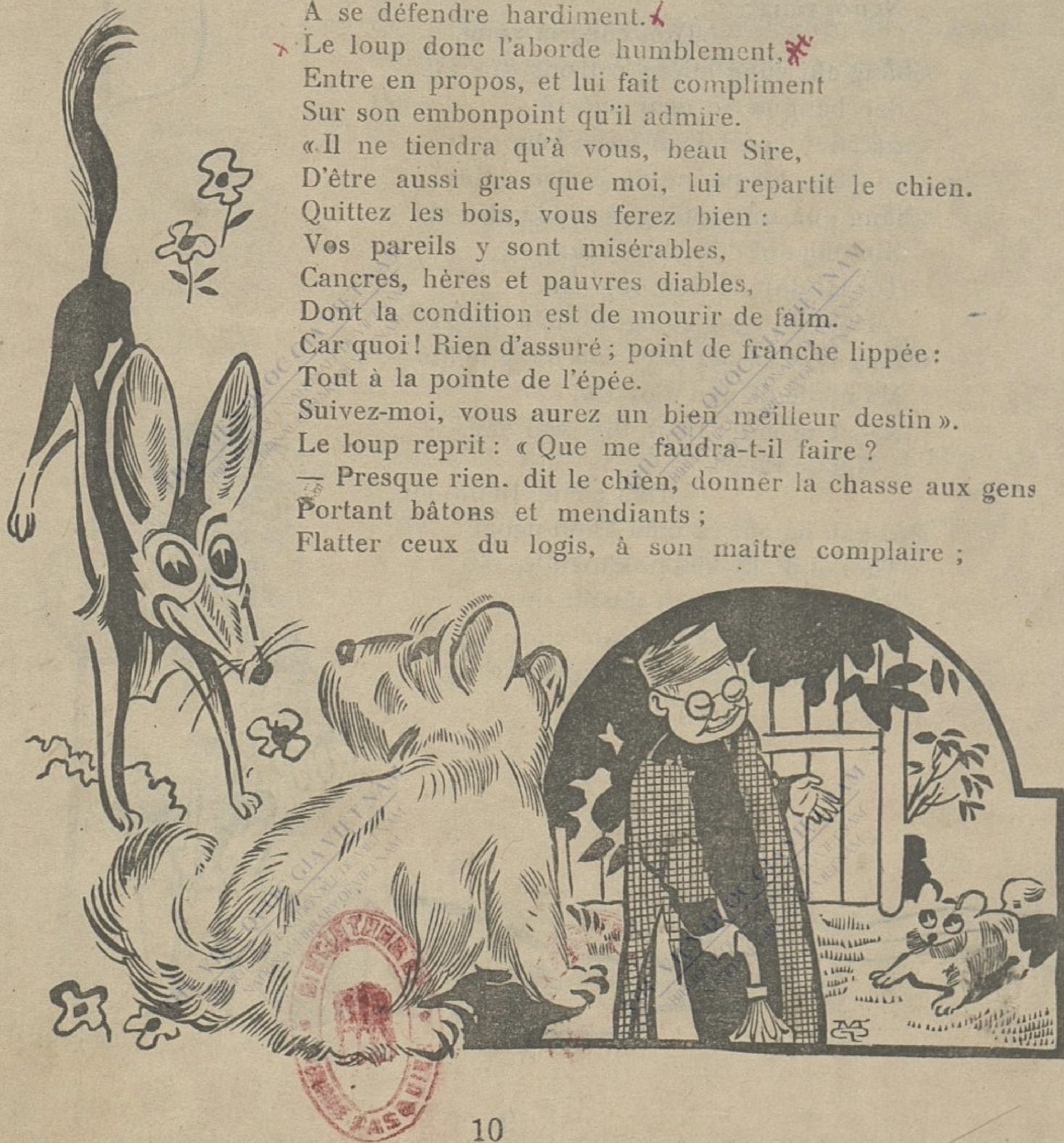
CON CÁ NHỎ VÀ NGƯỜI ĐÁNH CÁ

Miễn là cá sống dưới hồ,
Cỏn-con cũng có ngày to kếch-xù.
Nhưng mà cá đã cắn cu (*câu*),
Thả ra tôi nghĩ còn ngu nào tầy!
Mỗi chốc câu lại được ngay,
Cá chép nọ lúc ngày còn nhỏ.
Mắc lưỡi câu anh nọ bên sông.
Người rằng:
— Thôi cũng là xong,
Chẳng chi cũng miếng ở trong đĩa đầy.
Sao bằng ta bỏ ngay vào rổ.
Cá chép con lại nỏ mồm kêu:
— Thân tôi phỏng được bao nhiêu.
Chẳng qua nửa miếng là nhiều chứ chi?
Xin ông đợi đến khi tôi lớn,
Tôi lại đây để đón ông câu.
Đắt tiền cũng có người thầu (*mua*).
Chẳng hơn cá oắt phải câu hàng nghìn.
Mà hồ dễ đã nên một đĩa,
Ăn chua mồm thấm-thía vào đâu.
Người rằng:
— Dầu chẳng thấm đâu.
Hỡi anh cá oắt ra mầu khôn-ngoan.
Thôi anh hãy khoan khoan lời tán,
Bữa chiều nay tạm rán ăn chơi.
Gà chuồng ai thả đuổi chơi,
Biết đâu cá nước chim trời mà tin.



LE LOUP ET LE CHIEN

Un loup n'avait que les os et la peau,
Tant les chiens faisaient bonne garde.
Ce loup rencontre un dogue aussi puissant que beau,
Gras, poli, qui s'était fourvoyé par mégarde.
L'attaquer, le mettre en quartiers,
Sire loup l'eût fait volontiers.
Mais il fallait livrer bataille,
Et le mâtin était de taille
A se défendre hardiment.
Le loup donc l'aborde humblement,
Entre en propos, et lui fait compliment
Sur son embonpoint qu'il admire.
« Il ne tiendra qu'à vous, beau Sire,
D'être aussi gras que moi, lui repartit le chien.
Quittez les bois, vous ferez bien :
Vos pareils y sont misérables,
Cancres, hères et pauvres diables,
Dont la condition est de mourir de faim.
Car quoi ! Rien d'assuré ; point de franche lippée :
Tout à la pointe de l'épée.
Suivez-moi, vous aurez un bien meilleur destin ».
Le loup reprit : « Que me faudra-t-il faire ?
— Presque rien, dit le chien, donner la chasse aux gens
Portant bâtons et mendiants ;
Flatter ceux du logis, à son maître complaire ;



CHÓ RỪNG VÀ CHÓ GIỮ NHÀ

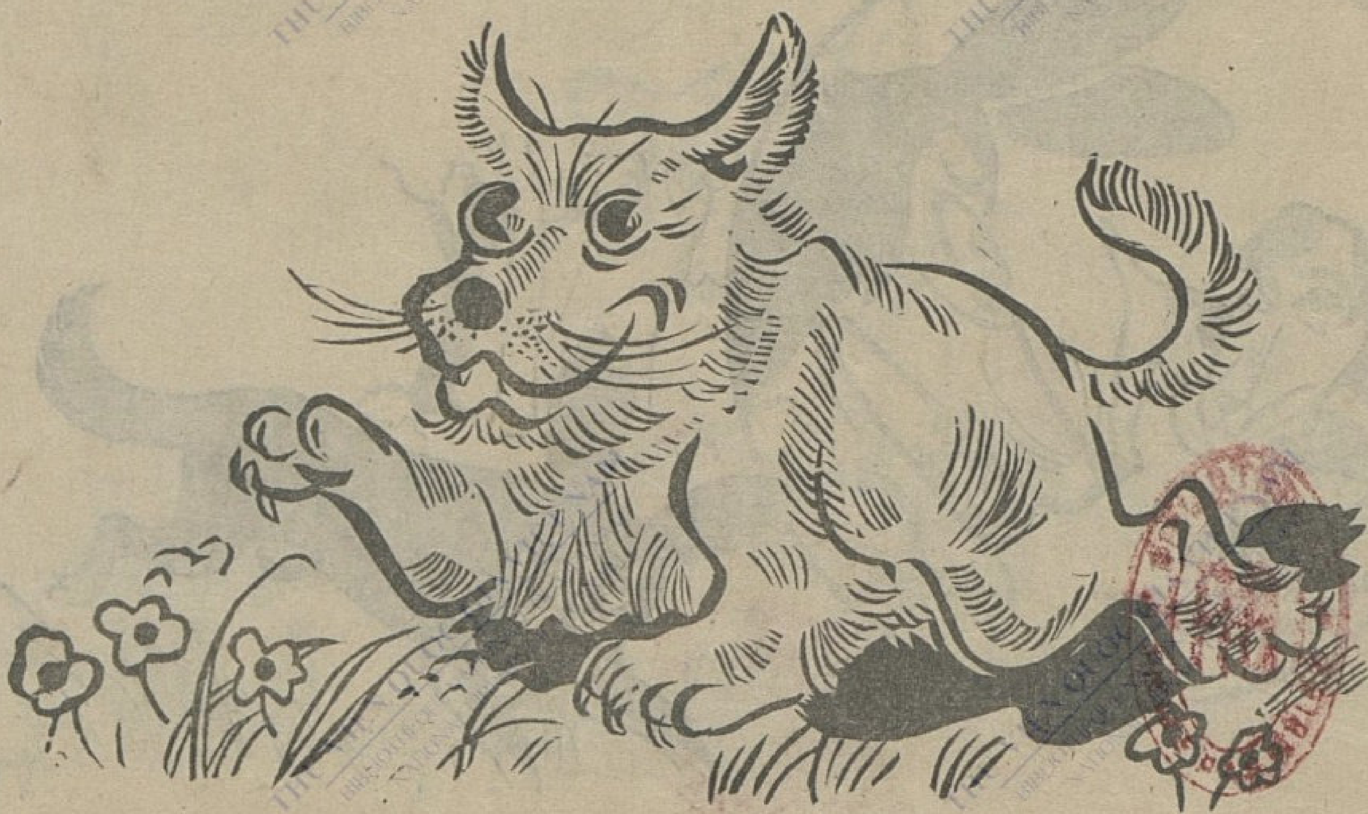
Chó rừng kia xương ngoài da bọc,
Bởi chó nhà săn-sóc trông nom
Bữa kia gặp một chó xồm,
Tròn quay béo mượt, phải hôm chạy quàng
Chó rừng cũng tính choang một mẻ,
Vồ anh kia mà xé thịt ra.
Ngặt rằng chó lớn thực-thà,
Ví bằng đấu sức ai đà dám đoan
Rằng chó rừng quyết toan được trận,
Sơn-cẩu ta đành phận khiêm-cung.
Lại gần rủ-rỉ nói cùng,
Khen anh chó nọ mượt lông đẫy mình.
Chó rằng: — Vì tiên-sinh muốn vậy,
Có khó chi việc ấy mà thèm,
Ngài nên từ chốn sơn-nham,
Là nơi kham khổ ở làm chi đây.
Gầy lõ thịt một dây cùng kiết,
Các ông đây thảm-thiết đói dài.
Được bữa hôm khó bữa mai,
Tháng ngày chăm chắm miệng nhai vẫn thèm
Cứ theo ta thử xem một chuyến.
Chó rừng bèn gạ chuyện một khi:
Muốn được vậy, phải làm gì ?
Đáp rằng: — Công việc khó chi đâu mà:
Đồ rách-rưới đi qua cửa ngõ,
Thì sủa ran đuổi nó đi xa;
Ngày ngày nịnh hót chủ nhà,
Vẫy đuôi mừng rỡ ai mà chẳng thương.



Moyennant quoi votre salaire
Sera force reliefs de toutes les façons :
Os de poulets, os de pigeons,
Sans parler de mainte caresse ».
Le loup déjà se forge une félicité
Qui le fait pleurer de tendresse.
Chemin faisant il vit le col du chien pelé.
« Qu'est-ce là ? lui dit-il. -- Rien. — Quoi
|rien ? — Peu de chose.
— Mais encor ? — Le collier dont je suis
[attaché
De ce que vous voyez est peut-être la
[cause.
— Attaché ? dit le loup ; vous ne courez
[donc pas
Où vous - voulez ? — Pas toujours ; mais
[qu'importe ?
— Il importe si bien que de tous vos repas
Je ne veux en aucune sorte,
Et ne voudrais pas même à ce prix un
[trésor ».
Cela dit, maître loup s'enfuit, et court
[encore.



Chỉ có vậy bữa thường cơm cháo,
Thịt cùng gà xương-xẩu thiếu chi.
Lại còn chủ mến vuốt-ve.
Chó rừng ưng vậy theo đi nửa đường.
Chợt nom thấy một khoang cổ chó.
Hỏi khoang gì, thì nó chối không.
Hỏi đi hỏi lại kỳ cùng,
Cho ra cái vết trụi lông là gì.
Chó một mực lì lì chẳng nói :
Cái vặt này, ngài hỏi làm chi ?
Tái tam hỏi lại hỏi đi,
Thì ra vết xích còn ghi rành rành.
— Chết nỗi ! thế ra anh phải buộc !
Muốn chạy dong không được hay sao ?
Chó rằng : — Buộc mãi đâu nào,
Họa là mới xích chẳng bao lâu mà.
— Dẫu chẳng mấy cũng là phải xích,
Cái tự-do, gì thích cho tầy !
Thôi thôi, mặc bữa no say,
Ngàn vàng hồ dễ sánh tầy thảnh-thơi !
Chó rừng chạy riết một thôi.



LE LOUP ET LE CHIEN MAIGRE

Autrefois Carpillon fretin
Eut beau prêcher, il eut beau dire,
On le mit dans la poêle à frire.
Je fis voir que lâcher ce qu'on a dans la main,
Sous espoir de grosse aventure,
Est imprudence toute pure.
Le pêcheur eut raison ; Carpillon n'eut pas tort.
Chacun dit ce qu'il peut pour défendre sa vie.
Maintenant il faut que j'appuie
Ce que j'avançai lors, de quelque trait encor.
Certain loup, aussi sot que le pêcheur fut sage,
Trouvant un chien hors du village,
S'en allait l'emporter ; le chien représenta
Sa maigreur : « Jà ne plaise à votre seigneurie
De me prendre en cet état-là ;
Attendez : mon maître marie
Sa fille unique ; et vous jugez
Qu'étant de noce, il faut malgré moi que j'engraisse ».

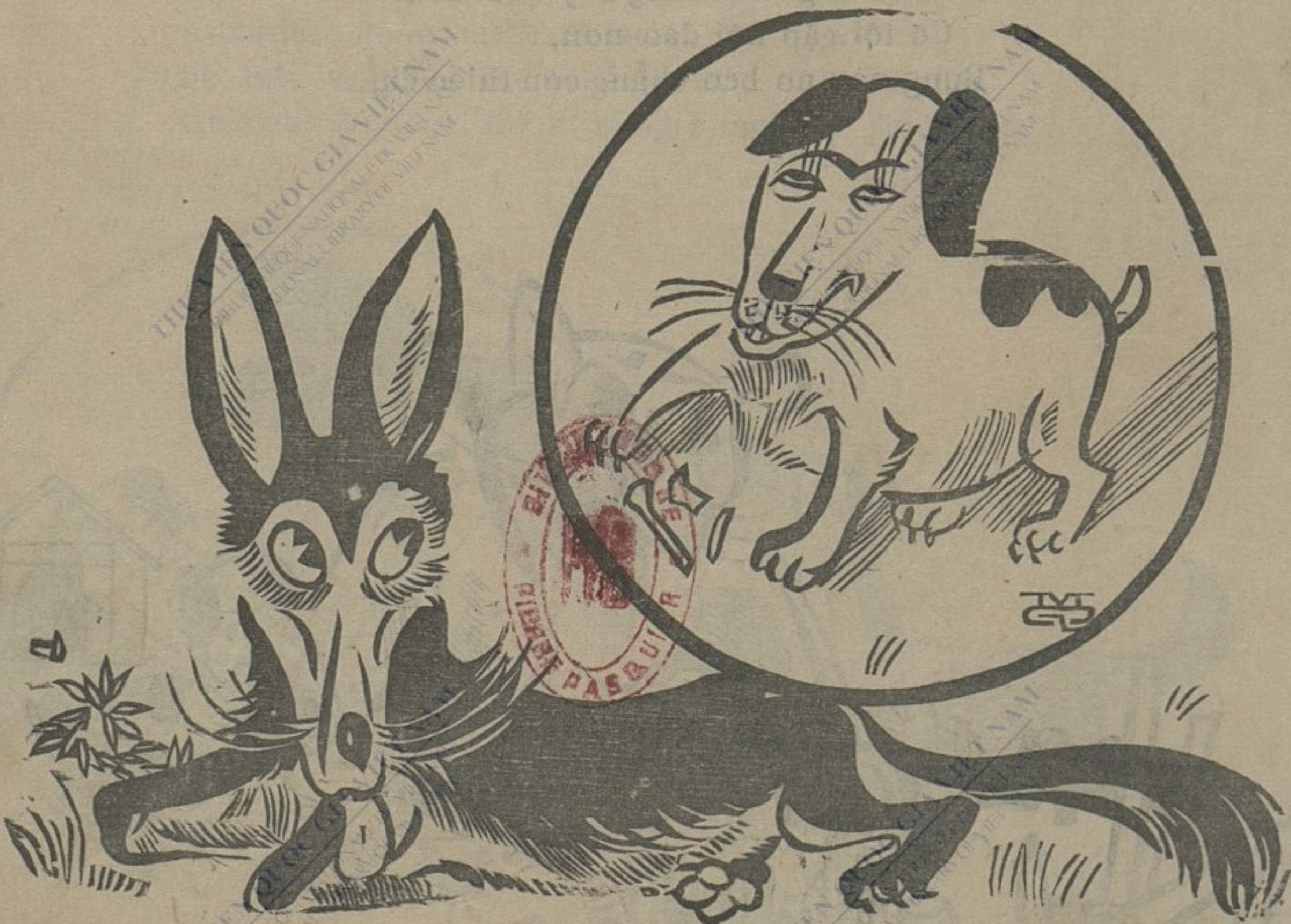


CHÓ RỪNG VÀ CHÓ GIỮ NHÀ CÒM

Mới rồi kể chuyện cá con,
Kêu-ca tán-tụng nỉ-non hết lời,
Mà sau cũng phải vào nồi.
Con gà đã nhốt chuồng rồi chớ tha
Thả ra mà đuổi ai mà,
Dại ngây vô giá, thực là nên chê.
Người khôn cá chẳng dại gì,
Thủ-thân là nghĩa, ai thì chẳng siêng.
Giải cho nghĩa ấy phân miêng,
Nên đem chuyện nữa kể thêm sau này:
Chó rừng kia mới dại thay!
Gặp muông gia-cầu ở ngay cổng làng
Đã toan quắp lấy gọn-gàng,
Nỏ mồm chó lại kêu van còn gầy:
— Xin ngài hãy xá thân này,
Để chờ ông chủ tháng này cưới con.
Cô tôi gặp hội đào-non,
Bụng này no béo chẳng còn thiếu chi.



Le loup le croit, le loup le laisse ;
Revient voir si son chien n'est point meilleur
[à prendre.
Mais le drôle était au logis.
Il dit au loup par un treillis :
« Ami, je vais sortir ; et, si tu veux attendre,
Le portier du logis et moi
Nous serons tout à l'heure à toi ».
Ce portier du logis était un chien énorme,
Expédiant les loups en forme.
Celui-ci s'en douta. « Serviteur au portier »,
Dit-il. Et de courir. Il était fort agile ;
Mais il n'était pas fort habile :
Ce loup ne savait pas encor bien son
[métier.



Chó rừng tin vậy tha đi,
Cách chừng mấy bữa rồi thì lại sang.
Xem gầy hay béo cho tường,
Ai hay chó lẩn gậm giường nọ ra.
Cách trong bờ giậu nói qua :
— Đợi đây một lát tôi ra bây giờ.
Anh bằng lại có lòng chờ,
Cả anh Thủ-hộ cũng đưa ra chào.
Thủ-hộ là chó dữ sao,
Chó rừng vùng ấy con nào cũng kinh.
Anh kia nghe vậy biết tình,
Chào qua Thủ-hộ chạy nhanh vô rừng.
Đã nhanh mà dại vô chừng,
Sài-lang mà lại chưa từng mưu-gian.





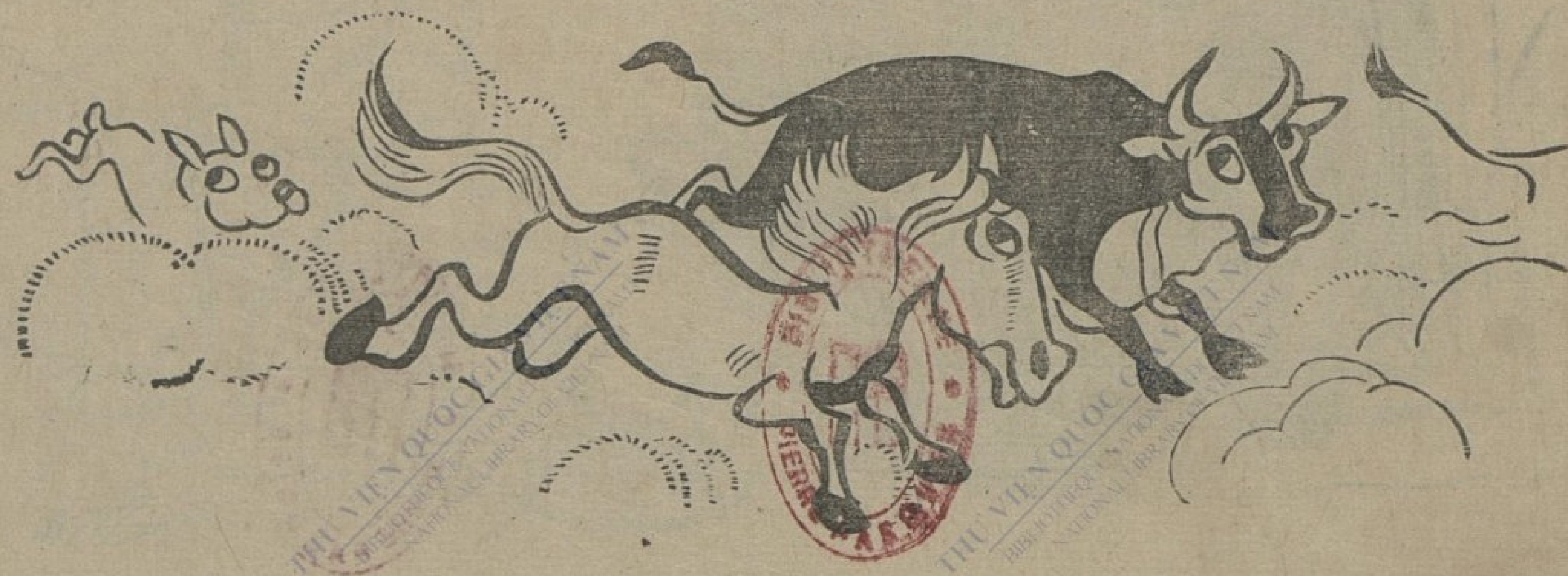
L'ÂNE VÊTU DE LA PEAU DU LION

De la peau du lion l'âne s'étant vêtu
Etait craint partout à la ronde ;
Et, bien qu'animal sans vertu,
Il faisait trembler tout le monde.
Un petit bout d'oreille échappa par malheur,
Découvrit la fourbe et l'erreur,
Martin fit alors son office.
Ceux qui ne savaient pas la ruse et la malice
S'étonnaient de voir que Martin
Chassât les lions au moulin.
Force gens font du bruit en France
Par qui cet apologue est rendu familier.
Un équipage cavalier
Fait les trois quarts de leur vaillance.

Tromperie basse et odieuse.

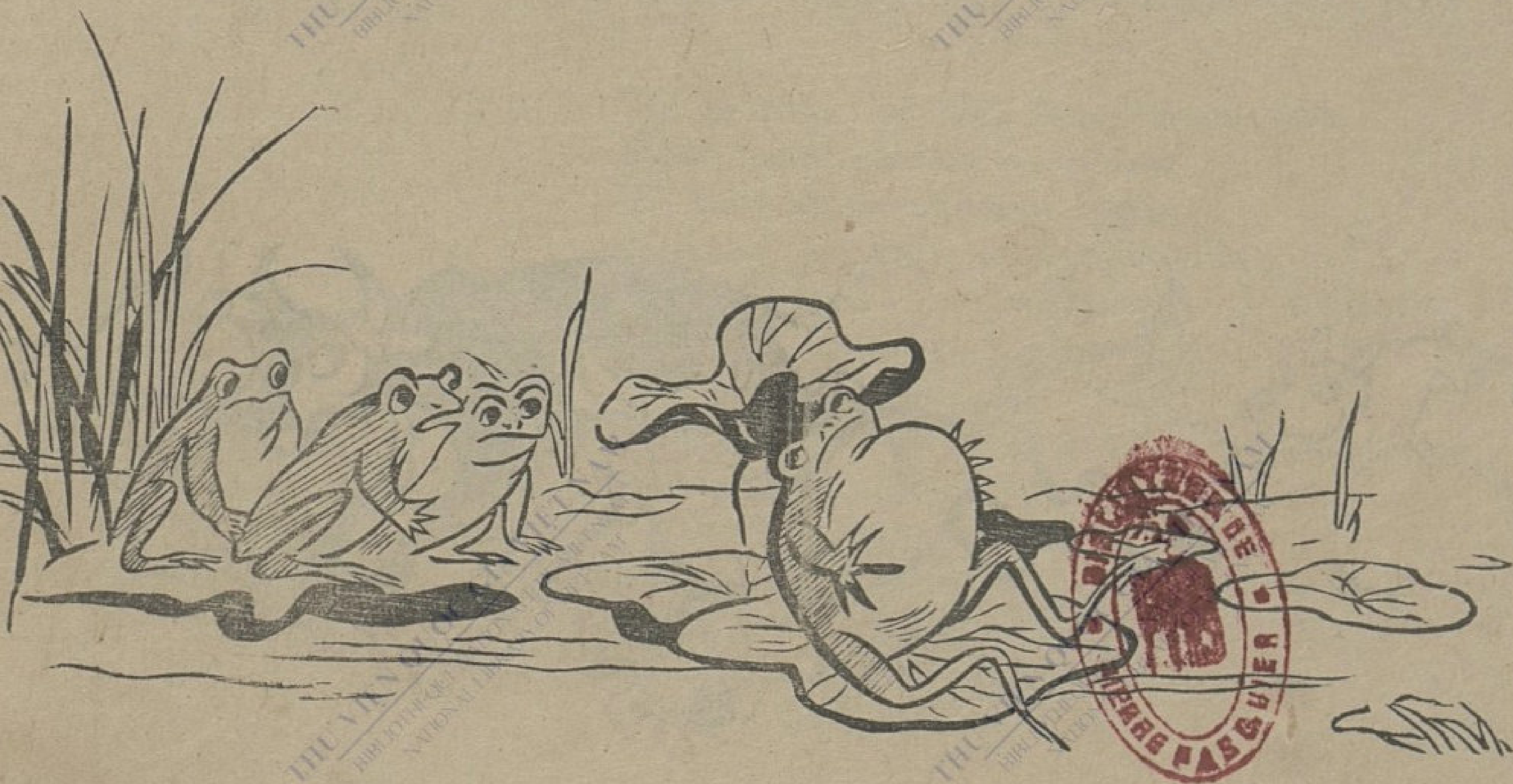
CON LỪA ĐỘI LỐT SƯ-TỬ

Con lừa kia đội da sư-tử,
Khắp một vùng tưởng dữ đều kinh.
Tuy rằng là vật đáng khinh,
Mà ai cũng sợ oai linh con lừa.
Rủi phải khi tai thò một mẩu,
Lòi ngay ra điên-đảo khi-man.
Chó kia chạy đuổi sủa ran,
Làm cho ai nấy nỗi cơn tức cười.
Cách giả-hình mấy người đã biết,
Thấy mãnh-sư chạy riết trong đồng.
Thì ai cũng lấy lạ-lùng,
Mãnh-sư để chó đuổi cùng thế nhưng?
Xét lắm kẻ lẫy lừng trong cõi,
Cũng chẳng qua giả-dối như lừa.
Nghênh-ngang hống-hách gió mưa,
Chẳng qua đội lốt để lừa người ngây.



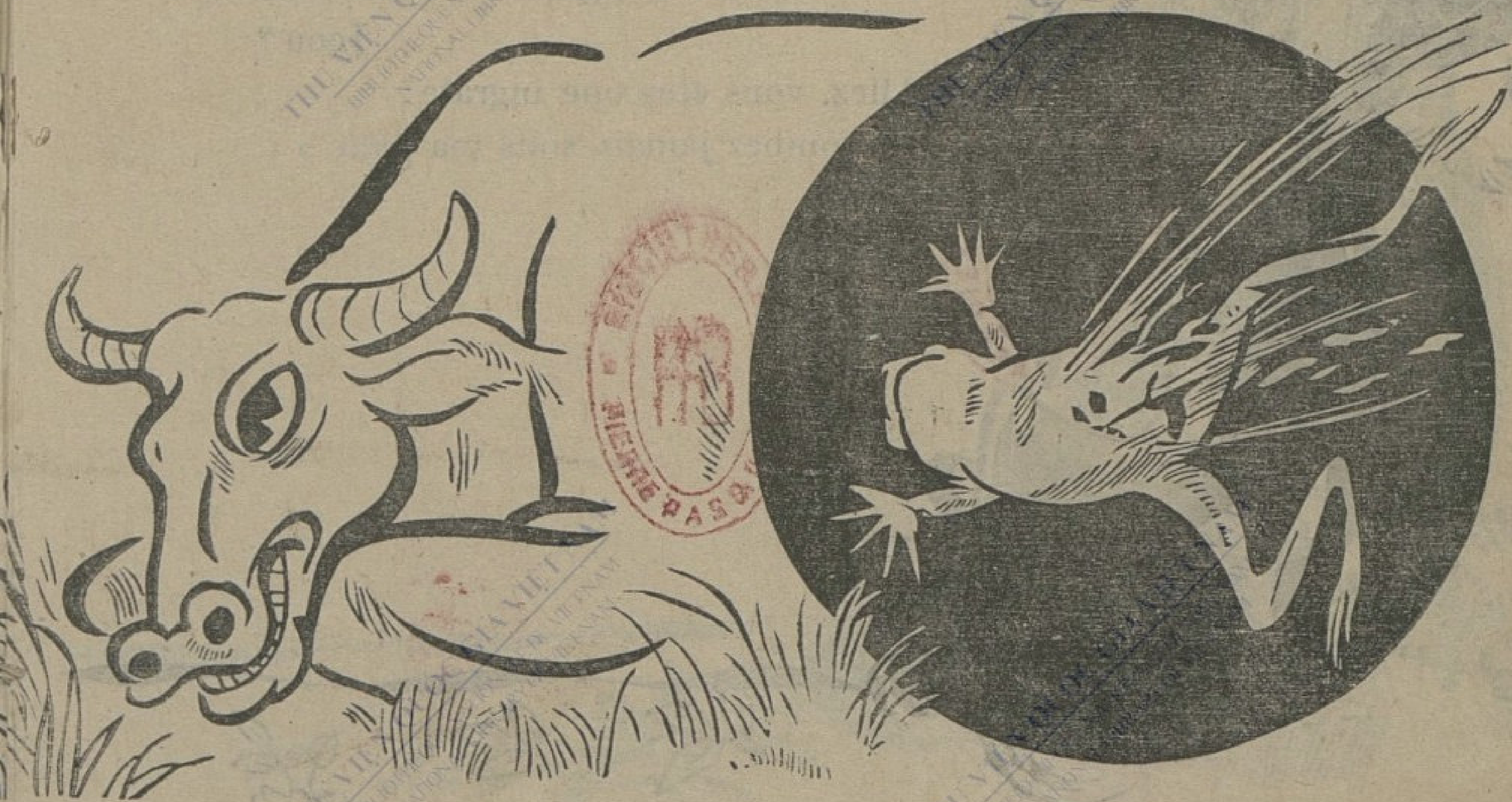
LA GRENOUILLE QUI SE VEUT FAIRE AUSSI GROSSE QUE LE BŒUF

Une grenouille vit un bœuf
Qui lui sembla de belle taille.
Elle, qui n'était pas grosse en tout comme un œuf,
Envieuse, s'étend, et s'enfle, et se travaille
Pour égaler l'animal en grosseur,
Disant : « Regardez bien, ma sœur,
Est-ce assez ? Dites-moi. N'y suis-je point encore ?
-- Nenny. — M'y voici donc ? — Point du tout.
[— M'y voilà ?
— Vous n'en approchez point ». La chétive pécore
S'enfla si bien qu'elle creva.
Le monde est plein de gens qui ne sont pas plus sages:
Tout bourgeois veut bâtir comme les grands
[seigneurs ;
Tout petit prince a des ambassadeurs ;
Tout marquis veut avoir des pages.



CON NHÁI MUỐN TO BẰNG CON BÒ

Con nhái nom thấy con bò,
Hình-dung đẹp-đẽ, mình to béo tròn.
Nhái bằng quả trứng ti-hon.
Lại toan cố sức bằng con bò vàng.
Ngậm hơi, cổ bạnh, bụng trương;
Kêu: — Chị em đến xem tường cho ta.
Đã bằng chưa, chị trông, nà!
Bạn rằng: — Còn kém. — Nhái đà phồng thêm;
Hỏi rằng: — Được chửa, chị em?
Bạn rằng: — Chưa được; phồng thêm it nhiều,
— Chị ơi! còn kém bao nhiêu?
Bạn rằng: — Còn phải phồng nhiều. Kém xa!
Tức mình, chị nhái oắt ta,
Lại phồng bụng quá vỡ ra chết liền.
Ở đời lắm kẻ thật điên,
Sức hèn lại muốn tranh tiên với người.
Dại thay những thói đua đòi
Vinh gì cuộc rượu trận cười mà ganh.
Để cho cơ-nghiệp tan-tành.



LE LOUP ET LA CIGOGNE



Les loups mangent gloutonnement.
Un loup donc, étant de frairie,
Se pressa, dit-on, tellement
Qu'il en pensa perdre sa vie.
Un os lui demeura bien avant au gosier.
De bonheur pour ce loup, qui ne
[pouvait crier,
Près de là passe une cigogne.
Il lui fait signe, elle accourt.
Voilà l'opératrice aussitôt en besogne.
Elle retira l'os; puis pour un si bon
[tour
Elle demanda son salaire.
« Votre salaire? dit le loup,
Vous riez, ma bonne commère.
Quoi ! ce n'est pas encore beaucoup
D'avoir de mon gosier retiré votre
[cou ?
Allez, vous êtes une ingrate :
Ne tombez jamais sous ma patte »

CON CHÓ RỪNG VÀ CON CÒ

Chó rừng tham ăn hay nuốt vội,
Nhân một khi vui hội anh em.
Miếng ngon đương lúc miệng thèm,
Chưa trôi miếng gối đã thêm miếng đầu,
Phải cái xương mắc sâu trong họng,
Phúc mười đời cò bỗng đi qua.
Chó rừng mới gạt chị ta,
Đến ngay thò mỏ gắp ra một hòn.
Xong công việc, cò còn tính giá,
Chó rừng đà chẳng trả tiền công,
Lại còn ơn vỗ như không:
— Đầu mày trong cổ họng ông mới rồi.
Đã thoát khỏi thì thôi, phúc-đức!
Lại chửa mừng còn chực đòi công.
Bội ơn! cút thẳng cho xong,
Chớ hề đến trước mặt ông mà ngầy!





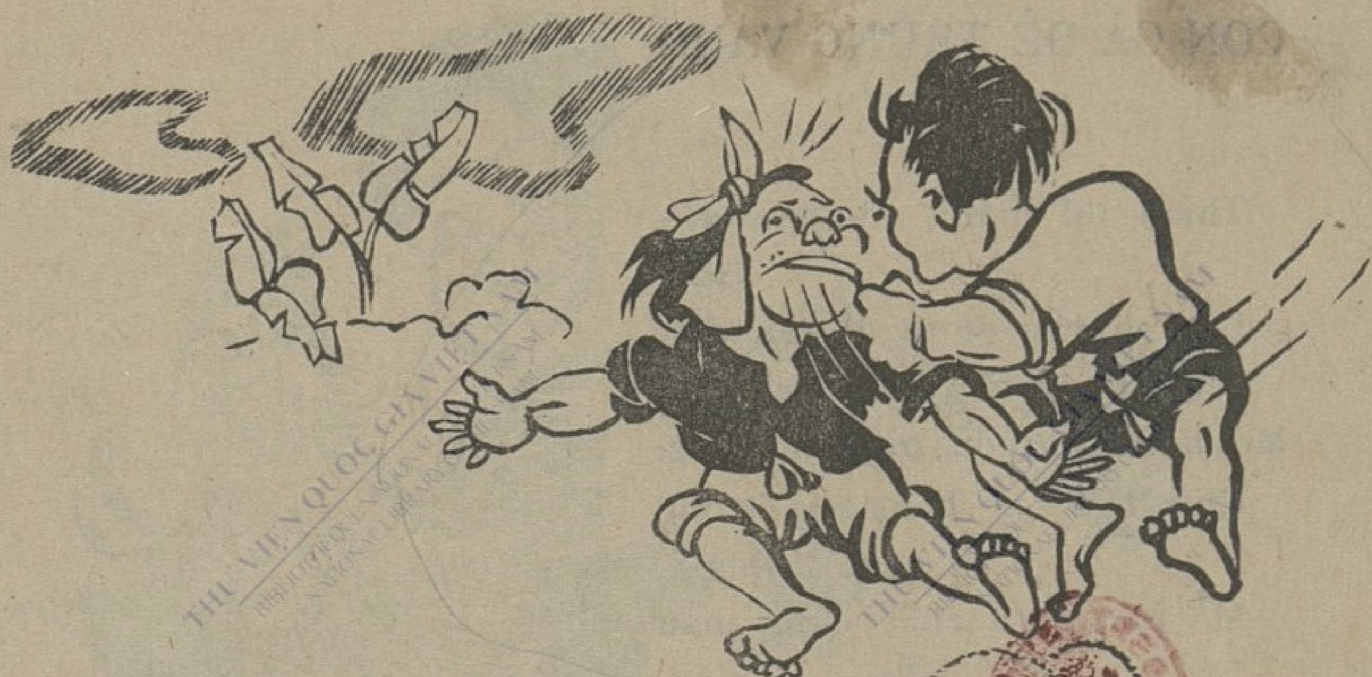
LA POULE AUX ŒUFS D'OR

L'avarice perd tout en voulant tout
[gagner.
Je ne veux, pour le témoigner,
Que celui dont la poule, à ce que dit
[la fable,
Pondait tous les jours un œuf d'or.
Il crut que dans son corps elle avait
[un trésor.
Il la tua, l'ouvrit, et la trouva sem-
[blable
A celles dont les œufs ne lui rappor-
[taient rien,
S'étant lui-même ôté le plus beau
[de son bien.
Belle leçon pour les gens chiches!
Pendant ces derniers temps com-
[bien en a-t-on vus
Qui du soir au matin sont pauvres
[devenus,
Pour vouloir trop tôt être riches.

CON GÀ ĐẺ TRỨNG VÀNG

Tham thì thâm, cổ-nhân dạy
[thế,
Lấy chuyện gà ra để răn đời,
Đem câu bịa đặt kể chơi:
Mỗi hôm gà nọ đẻ rơi trứng vàng.
Chủ ngỡ có bảo-tàng trong
[bụng,
Mổ phăng ra chắc cũng mau
[giàu,
Ai ngờ có cóc chi đâu,
Gà thường cũng vậy, khác nhau
[chút nào,
Chủ biết dại, kêu gào tiếc của;
Làm gương soi cho đứa tham-
[tâm,
Mới đây có kẻ nghĩ lầm;
Được mười lại muốn ngay trăm
[ngay nghìn.
Trơ ra hết nhẵn ngồi nhìn.





LES VOLEURS ET L'ÂNE



Pour un âne enlevé deux voleurs se [battaient ;
L'un voulait le garder, l'autre le voulait [vendre.
Tandis que coups de poing trottaient,
Et que nos champions songeaient à se [défendre,
Arrive un troisième larron,
Qui saisit maître Aliboron.
L'âne, c'est quelquefois une pauvre [province.
Les voleurs sont tel et tel prince,
Comme le Transylvain, le Turc et le [Hongrois :
Au lieu de deux j'en ai rencontré trois:
Il est assez de cette marchandise.
De nul d'eux n'est souvent la province [conquise :
Un quart voleur survient qui les ac- [corde net
En se saisissant du baudet.

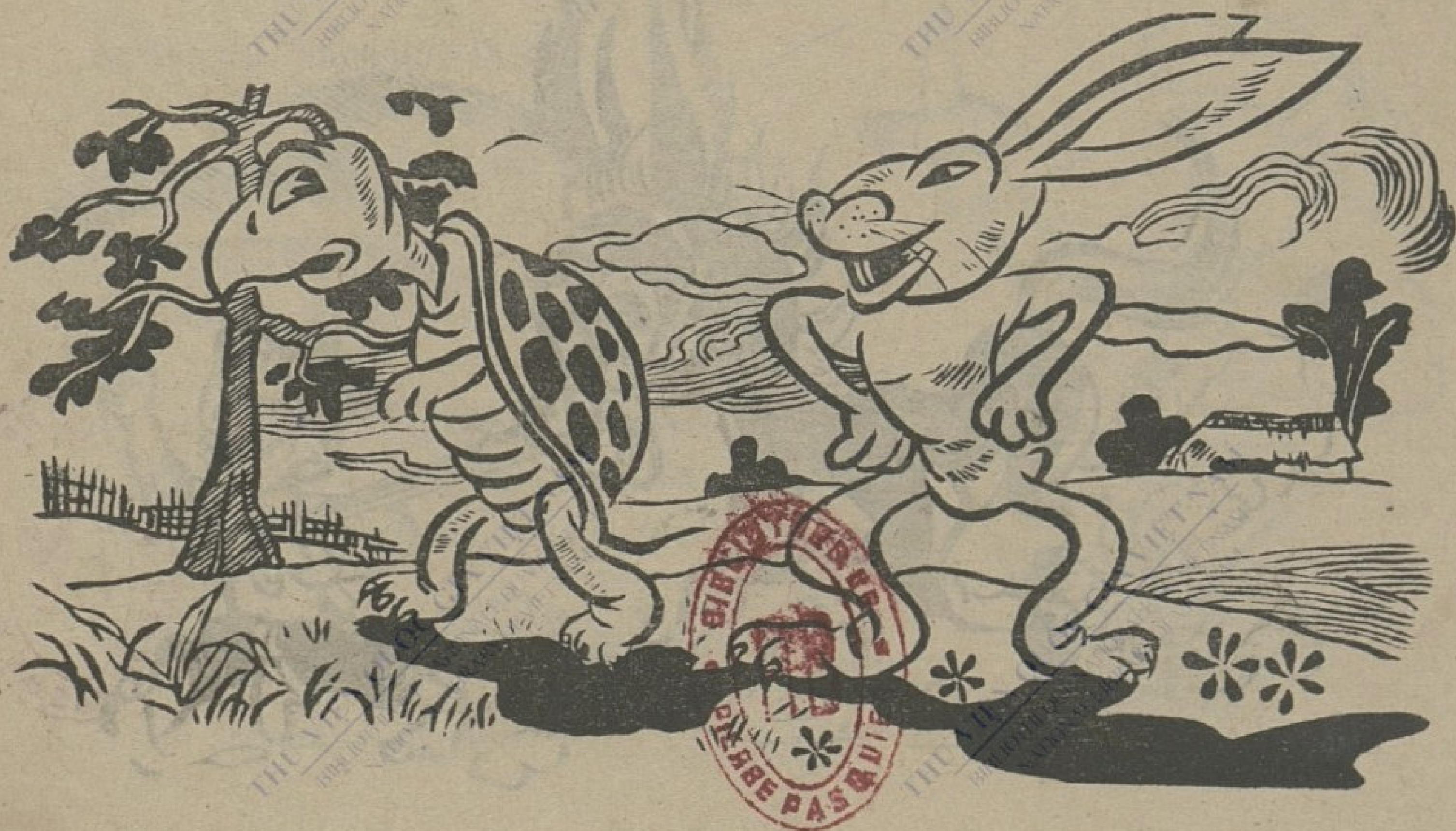
HAI THẰNG ĂN TRỘM
VỚI CON LỪA

Vị con lừa, của vừa ăn trộm,
Hai đứa gian đánh lộn cùng nhau,
Thằng này muốn để về sau,
Thằng kia muốn bán cho mau lấy tiền.
Khi hai cậu huyên-thiên ẩu-đả,
Anh đấm đau anh đá cũng già.
Xẩy thằng ăn cắp thứ ba,
Ở đâu lại phỗng lừa ta tẩu liền.
Con lừa đó như in một xứ.
Mấy ông vua tranh cự cùng nhau,
Tự dưng người ở đâu đâu,
Cướp phăng xứ ấy đem câu giảng hòa.
Thế là trơ mắt thỏ ra.



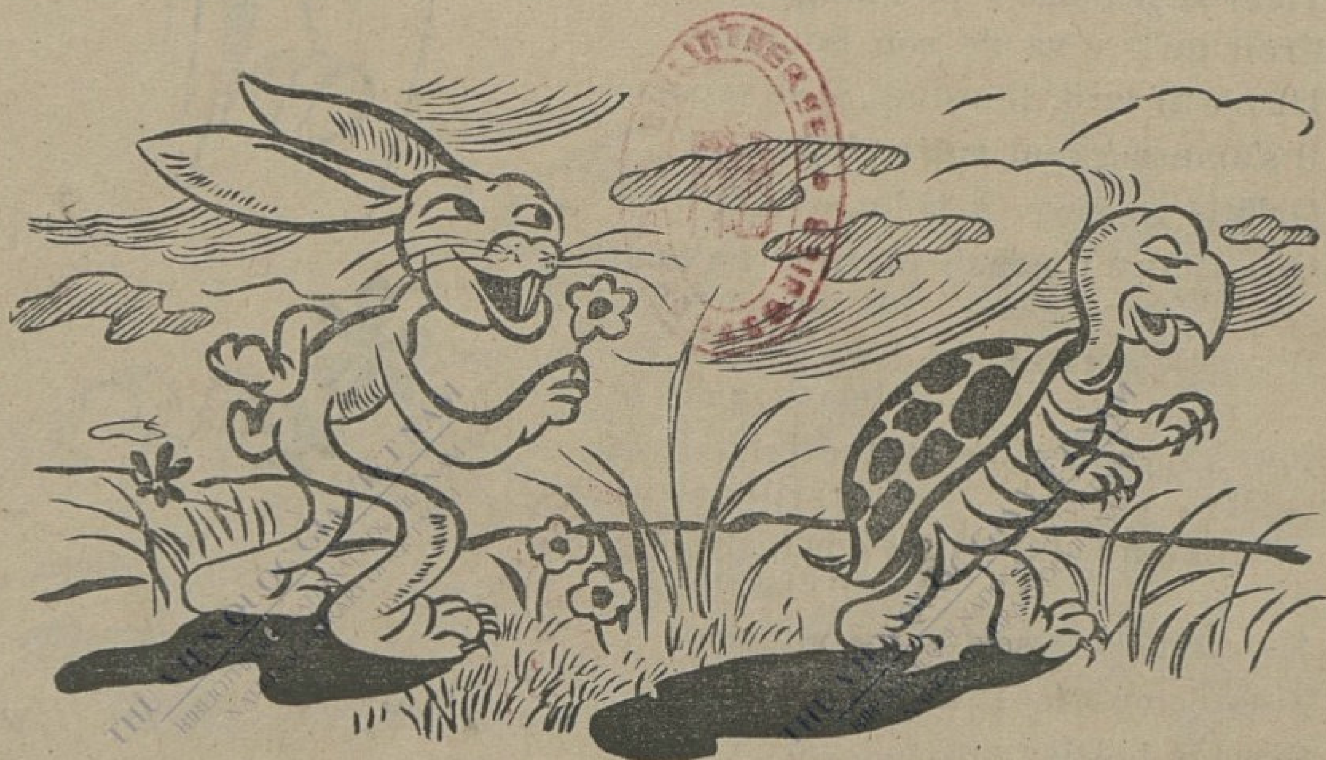
LE LIÈVRE ET LA TORTUE

Rien ne sert de courir: il faut partir à point.
Le lièvre et la tortue en sont un témoignage.
« Gageons, dit celle-ci, que vous n'atteindrez
[point
Si tôt que moi ce but. — Si tôt! Etes-vous sage?
Repartit l'animal léger.
Ma commère, il vous faut purger
Avec quatre grains d'ellébore
— Sage ou non, je parie encore ».
Ainsi fut fait, et de tous deux
On mit près du but les enjeux.
Savoir quoi, ce n'est pas l'affaire,
Ni de quel juge l'on convint.
Notre lièvre n'avait que quatre pas à faire;
J'entends de ceux qu'il fait, lorsque, près d'être
[atteint,
Il s'éloigne des chiens, les renvoie aux calendes
Et leur fait arpenter les landes.



CON THỎ VÀ CON RÙA

Đi cho sớm, việc gì tất-tả
Chuyện Thỏ Rùa nghĩ đã hay thay!
Rùa kia gọi Thỏ bảo:
— Này,
Thi cùng ta chạy từ đây qua đường.
Thỏ bảo Rùa:
— Chị thường hóa dại
Hãy uống xong thuốc tẩy vài liều
Họa chăng ta có nhận keo.
Rùa càng thách tợn, giải treo thật nhiều
Thỏ tức khí bao nhiêu cũng đất;
Đem giải kia mà đặt bên đường.
Những gì lọ kể dài dang;
Ai ngồi chủ cuộc, phân tường nói chi,
Thỏ ra sức chỉ đi ba bước,
Là đến nơi lấy được như không,
Vội chi mà chẳng thong-dong
Vừa đi vừa bỡn cũng không chậm gì.



Ayant, dis-je, du temps pour brouter,
Pour dormir et pour écouter
D'où vient le vent, il laisse la tortue
Aller son train de sénateur.
Elle part, elle s'évertue ; faire effort.
Elle se hâte avec lenteur.
Lui cependant méprise une telle victoire,
Tient la gageure à peu de gloire
Croit qu'il y va de son honneur
De partir tard. Il broute, il se repose,
Il s'amuse à tout autre chose
Qu'à la gageure. A la fin, quand il vit
Que l'autre touchait presque au bout de la carrière,
Il partit comme un trait ; mais les élans qu'il fit
Furent vains : la tortue arriva la première.
« Hé bien ! lui cria-t-elle ; avais-je pas raison ?
De quoi vous sert votre vitesse ?
Moi, l'emporter ! Et que serait-ce
Si vous portiez une maison ? »



Đứng gậm cỏ, có khi cũng sớm,
Mặc kệ Rùa, Thỏ hợm ta đây,
Chàng-dàng chân dép chân giầy
Trong khi Rùa nọ ai hay vội-vàng,
Biết thân nặng lại càng cố gắng:
Cứ từ-từ dảo cẳng bước lên.
Sá chi thân phận Rùa hèn,
Thỏ càng đủng-đỉnh ở bên vệ đường.
Nhường chạy trước thêm càng danh-giá:
Muốn lúc nào mà chả đến nơi:
Vừa đi, vừa nghỉ, vừa chơi;
Nghe hơi gió thổi, xem trời kéo mây,
Rùa thấm-thoát đến ngay trước đích
Thỏ vội-vàng một mạch chồn chân,
Nhưng mà chửa được đến gần,
Thì Rùa đã tới nơi ăn giải rồi.
Lại còn nhiếc một hồi: — Chú Thỏ,
Đã bảo mà, nhanh có làm chi!
Ví chăng nhà cũng đội đi.
Như ta đây nữa, chú thì bước sao?



LE COQ ET LE RENARD

Sur la branche d'un arbre était en
[sentinelle
Un vieux coq adroit et matois;
«Frère, dit un renard adoucissant
[sa voix,
Nous ne sommes plus en querelle:
Paix générale cette fois.
Je te viens l'annoncer; descends que
[je t'embrasse.
Ne me retarde point, de grâce:
Je dois faire aujourd'hui vingt postes
[sans manquer.
Les tiens et toi pouvez vaquer
Sans nulle crainte à vos affaires;
Nous vous y servirons en frères.
Faites-en les feux dès ce soir;
Et cependant viens recevoir
Le baiser d'amour fraternelle.
— Ami, reprit le coq, je ne pouvais
[jamais.

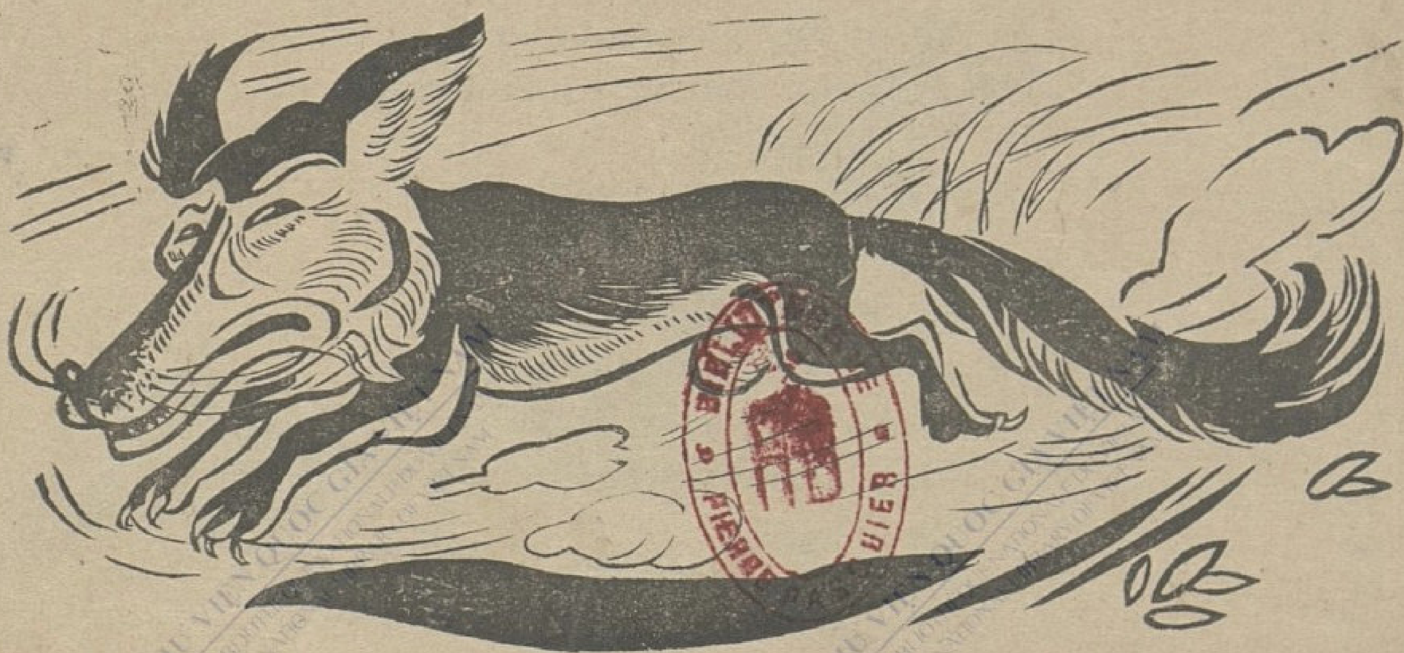


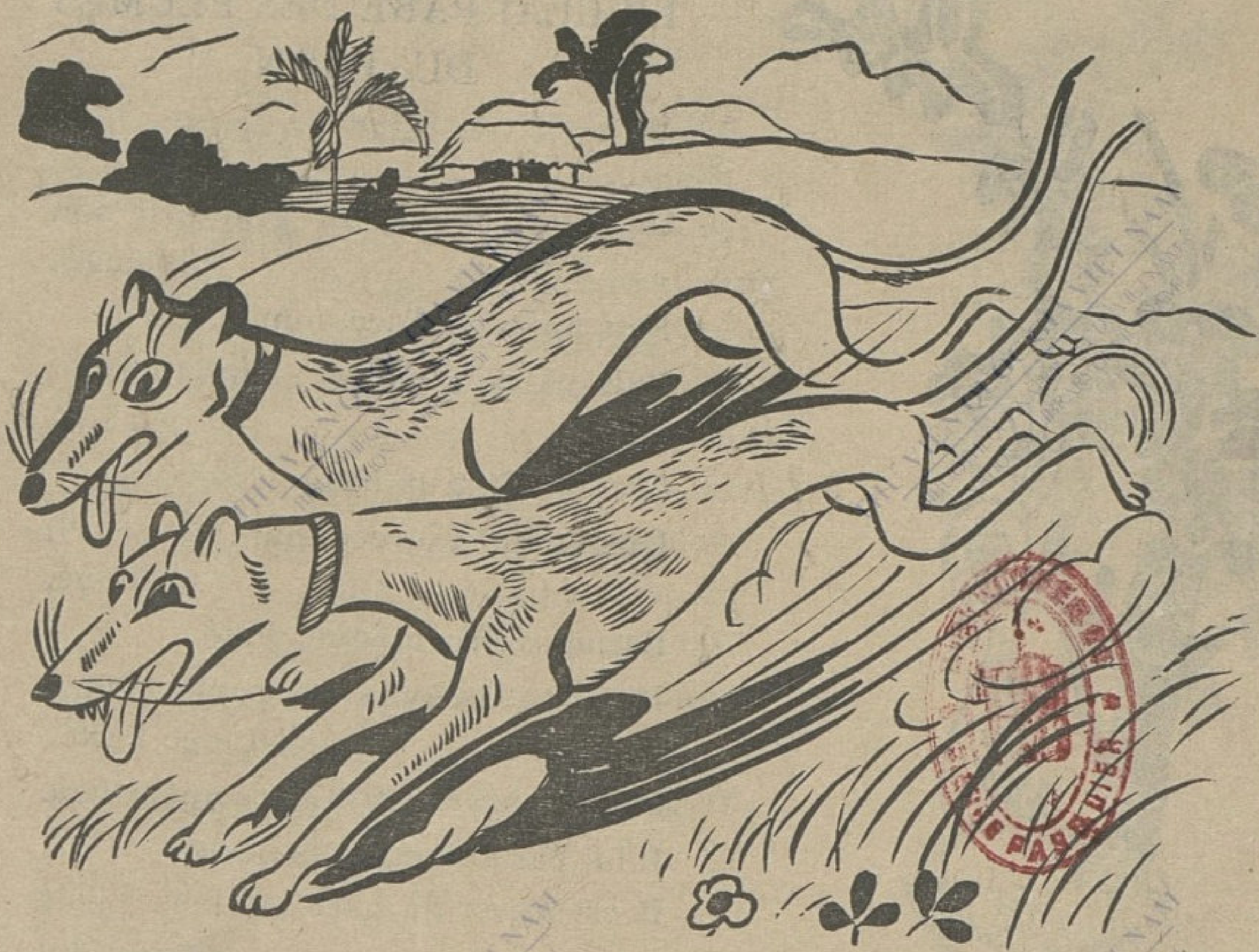


CON GÀ TRỐNG VÀ CON HỒ-LY

Trên cành cây con gà trống đậu,
Đã khôn-ngoan lại láu việc đời.
Hồ-li đến ngọt mấy lời:
— Đôi ta hết giận, tới thời hòa-an.
Nay trong khắp thế-gian thân-ái
Tình anh em tôi lại thưa anh
Xuống đây hôn cái tỏ tình;
Trăm nơi còn phải chạy nhanh mới
[cùng,
Rầy mặc sức vẫy-vùng đi lại,
Tôi với anh hết hại lẫn nhau.
Từ đây anh chớ lo-âu,
Khi nào có việc muốn cầu đến em,
Gọi một tiếng ngày đêm cũng lại,
Xuống đây hôn gọi ngãi đồng-bào.
Gà rằng:
— Mừng rỡ xiết bao!

Apprendre une plus douce et meil-
leure nouvelle
Que celle
De cette paix.
Et ce m'est une double joie
De la tenir de toi. Je vois deux
[lévriers
Qui, je m'assure, sont courriers
Que pour ce sujet on envoie.
Ils vont vite, et seront dans un
[moment à nous.
Je descends, nous pourrons nous
[entrebaiser tous.
— Adieu, dit le renard, ma traite est
[longue à faire :
Nous nous réjouirons du succès de
[l'affaire
Une autre fois ». Le galant aussitôt
Tire ses grègues, gagne au haut,
Mal content de son stratagème ;
Et notre vieux coq en soi-même
Se mit à rire de sa peur :
Car c'est double plaisir de tromper
[le trompeur.





Tin này biết lấy cách nào tỏ vui?
Lời anh nói thì tôi thêm trọng.
Kìa ngó xa thấy bóng chó săn,
Hai anh đương chạy tới gần
Ý chừng cũng một tin thân-ái này.
Đợi tôi đó xuống ngay lập tức,
Để bốn ta cùng được hôn nhau...
Hồ-li nghe chửa rứt câu,
Vội vàng một mạch cắm đầu chạy
[nhanh.
— Thôi anh nghỉ để dành khi khác,
Kẻo em còn chạy các nơi xa.
Nói rồi cẳng bốn chân ba,
Nghĩ mưu không đắt, Hồ ta giận
[mình.
Gà thấy hắn thất-kinh đắc-ý:
Lừa thằng gian thích-chí dường
[bao!



LE GEAI PARÉ DES PLUMES DU PAON

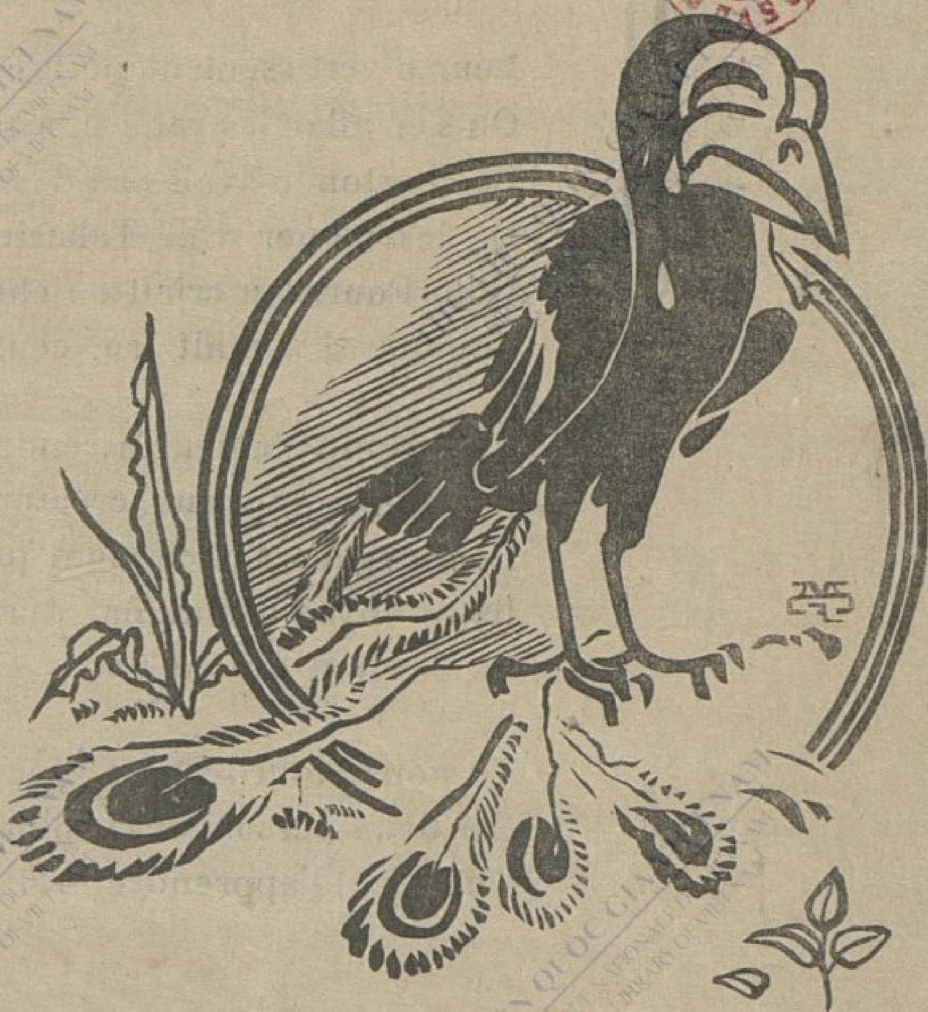
Un paon muait, un geai prit son
[plumage ;
Puis après se l'accommoda ;
Puis parmi d'autres paons tout fier
[se panada,
Croyant être un beau personnage.
Quelqu'un le reconnut : il se vit
[bafoué,
Berné, sifflé, moqué, joué,
Et par messieurs les paons plumé
[d'étrange sorte ;
Même, vers ses pareils s'étant réfugié
Il fut par eux mis à la porte.
Il est assez de geais à deux pieds
[comme lui
Qui se parent souvent des dépouilles
[d'autrui
Et que l'on nomme plagiaires.
Je m'en tais, et ne veux leur causer
[nul ennui :
Ce ne sont pas là mes affaires.

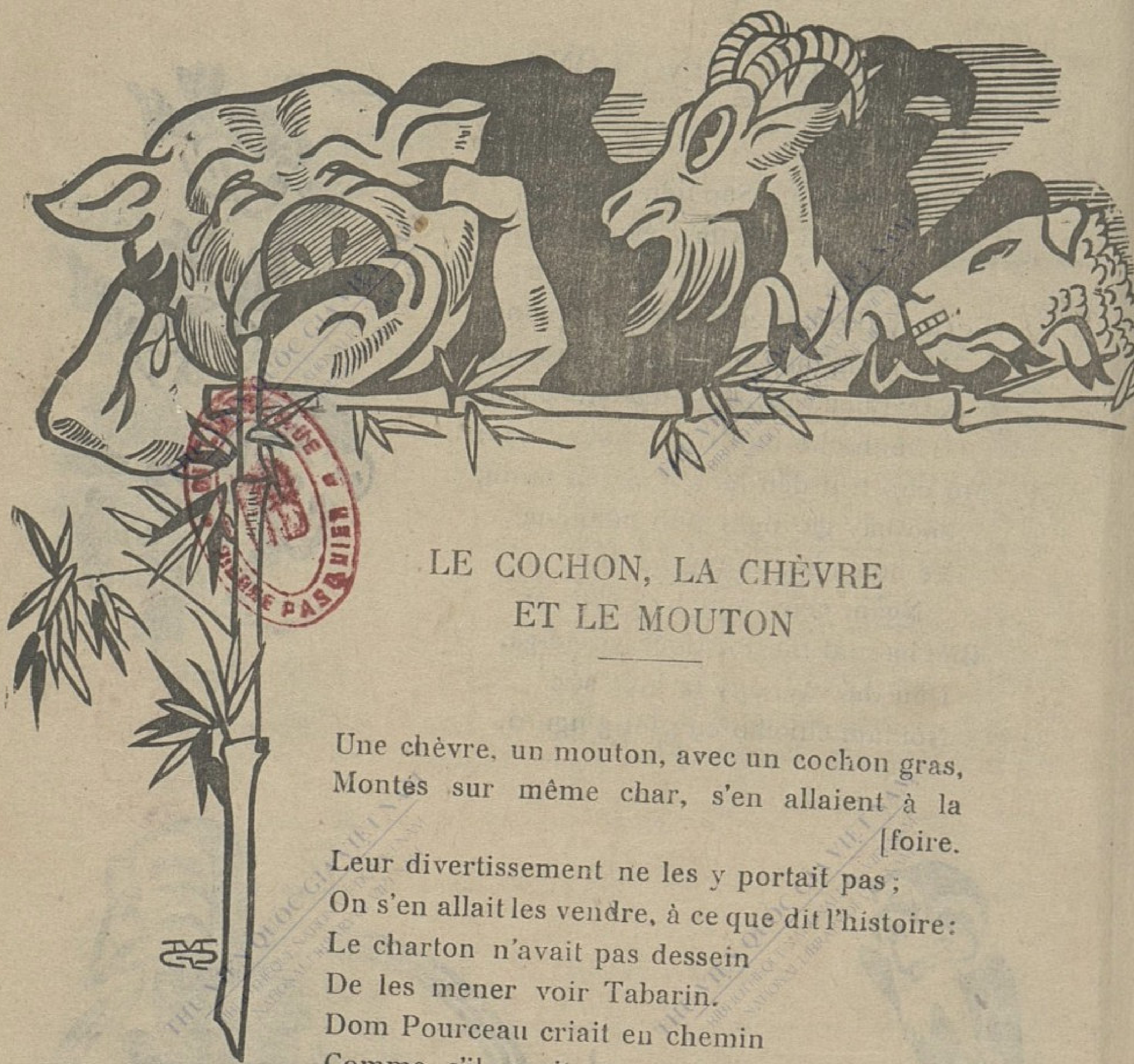
SÁO MƯỢN LÔNG CÔNG

Công đổi lông, Sáo liền nhặt lấy,
Đem lên mà cắm bậy vào mình :
Cùng công đi diện vung-vinh ;
Coi trong bộ-tịch có tình khoe-khoang.
Đàn công thật, biết chàng giả-mạo,
Xúm nhau vào báng-nhạo một phen;
Đánh cho một trận huyên-thiên;
Mồ cho trụi đến lông đen của mình.
Sáo bấy giờ nghĩ tình đồng-loại,
Về bọn nhà, chúng lại đuổi đi,
Ngẫm xem trong bọn văn-thi,
Biết bao tài mượn, thiếu chi tá-gà,
Dầu thế vậy, đây ta mặc sức.
Nói làm chi cho cực lòng người.



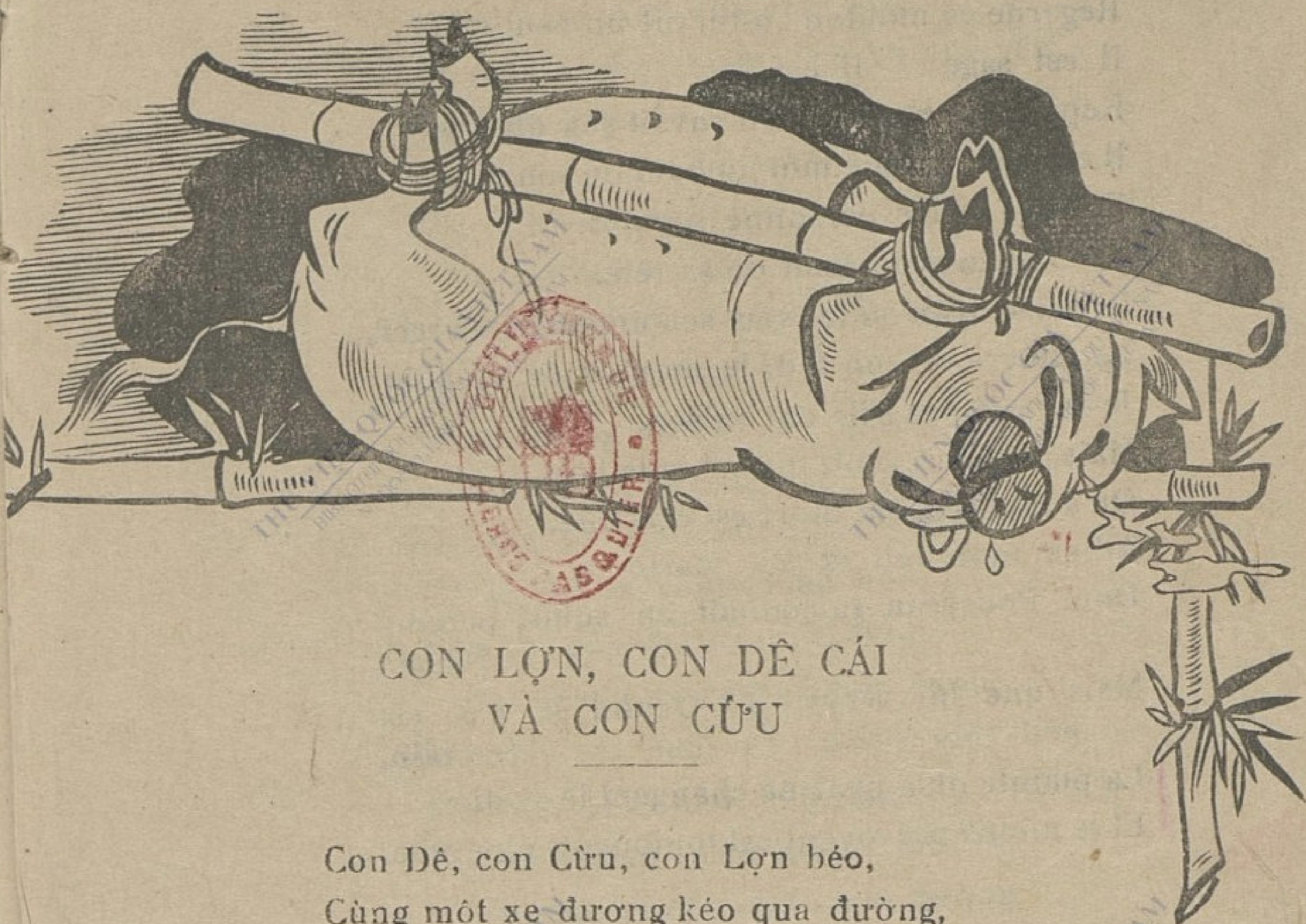






LE COCHON, LA CHÈVRE ET LE MOUTON

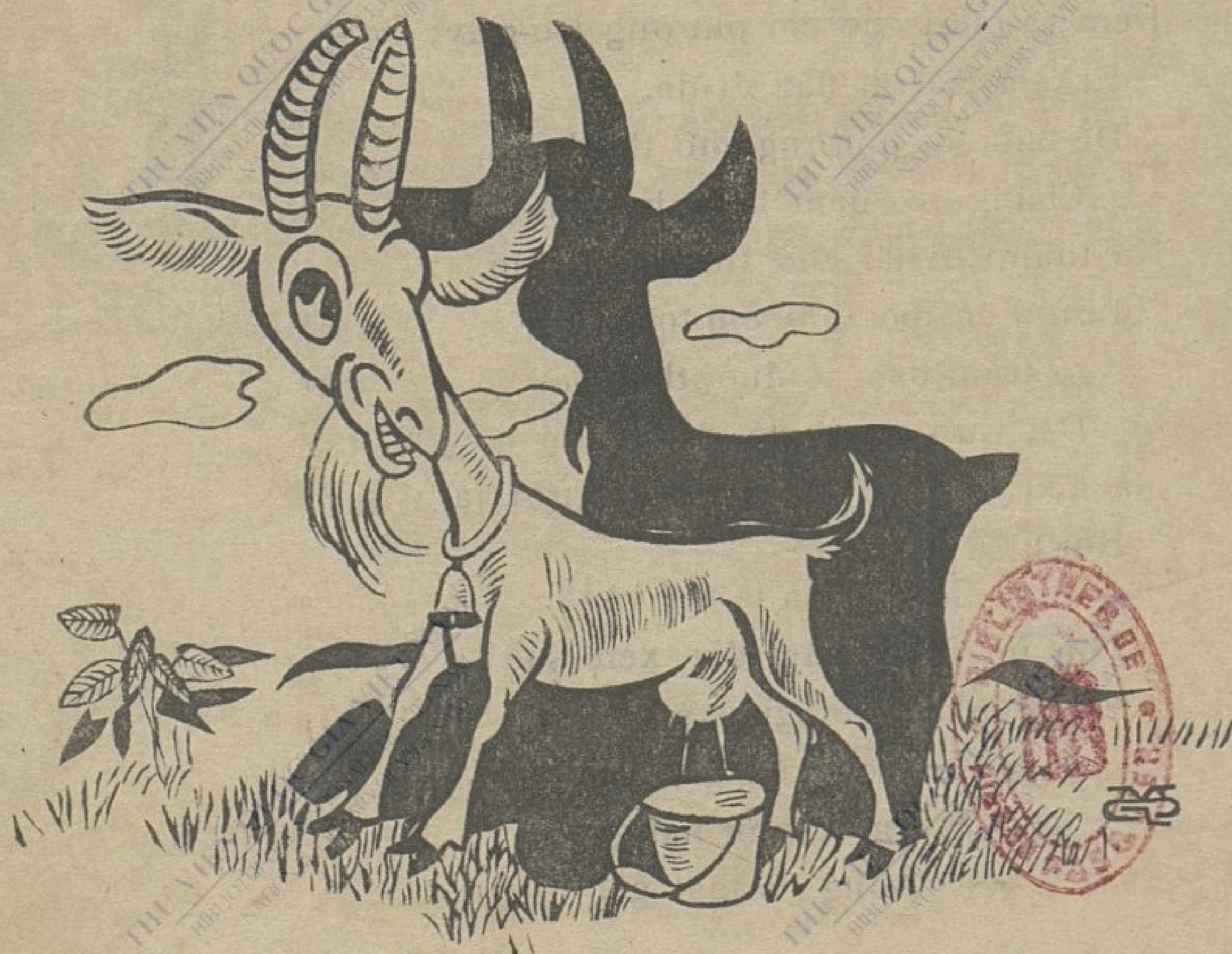
Une chèvre, un mouton, avec un cochon gras,
Montés sur même char, s'en allaient à la
[foire.
Leur divertissement ne les y portait pas;
On s'en allait les vendre, à ce que dit l'histoire:
Le charton n'avait pas dessein
De les mener voir Tabarin.
Dom Pourceau criait en chemin
Comme s'il avait eu cent bouchers à ses
[trousses:
C'était une clameur à rendre les gens sourds.
Les autres animaux, créatures plus douces,
Bonnes gens, s'étonnaient qu'il criât au secours;
Ils ne voyaient nul mal à craindre.
Le charton dit au porc: « Qu'as-tu tant à te
[plaindre?
Tu nous étourdis tous. Que ne te tiens-tu coi!
Ces deux personnes-ci, plus honnêtes que toi,
Devraient t'apprendre à vivre, ou du moins à
[te taire.



CON LỢN, CON DÊ CÁI
VÀ CON CỪU

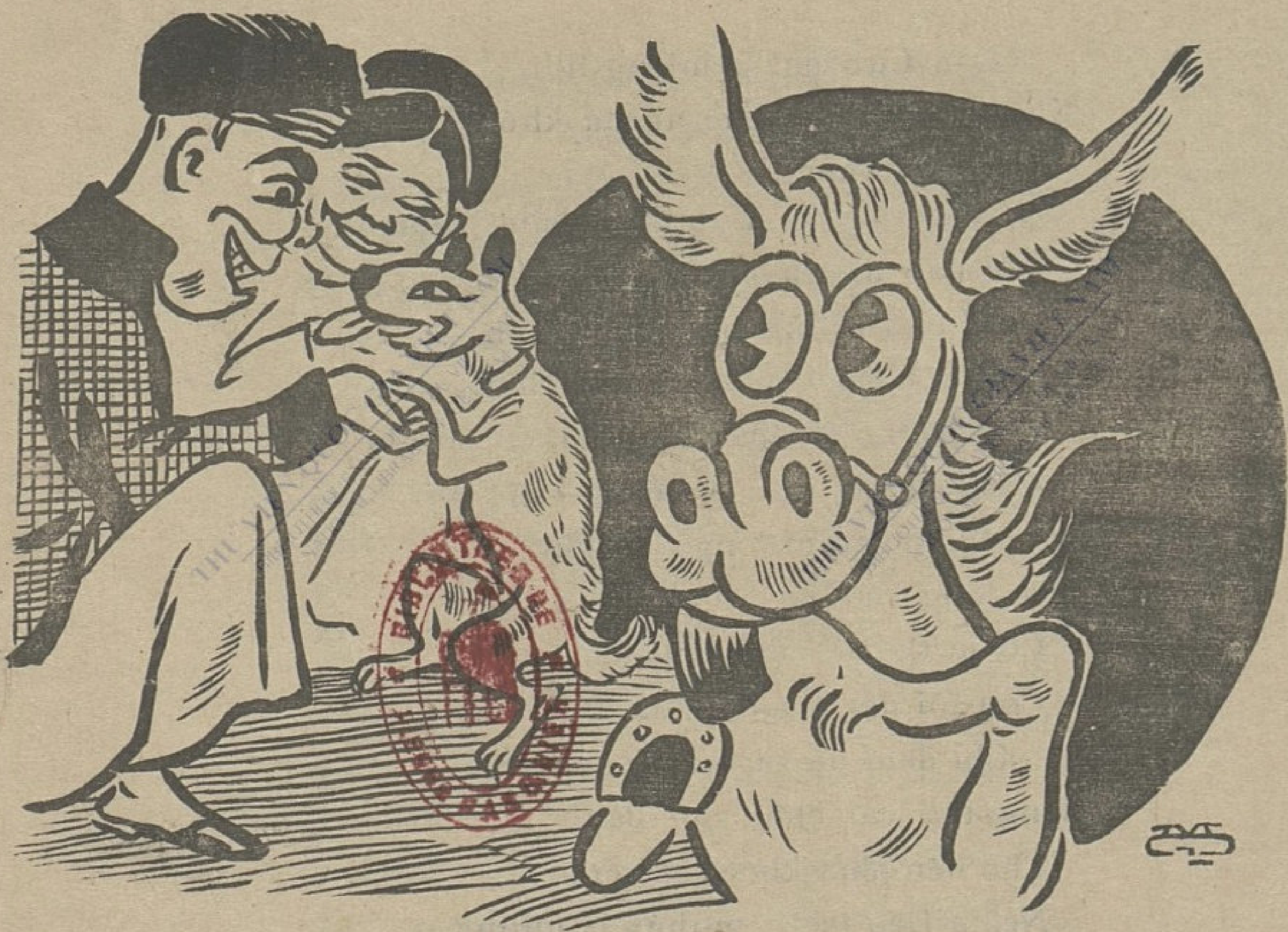
Con Dê, con Cừu, con Lợn béo,
Cùng một xe đương kéo qua đường,
Chủ nào có phải vì thương,
Đem ra chơi chợ coi phường leo-giây;
Hay là giắt đi đây đi đó,
Để cho coi phường-phố thi-thành,
Chẳng qua đem bán cho nhanh,
Nó tham lời lãi chớ tình-nghĩa chi.
Lợn ý-éc một khi ỏm-tỏi.
Ngỡ trăm dao nó đuổi theo sau.
Dê, Cừu chẳng rõ vì đâu,
Mà kêu nhức óc váng đầu người ta.
Hỏi :
— Cớ chi mà la thế vậy?
Thử im mồm nằm đấy xem sao?
Chủ-nhân nổi giận ào-ào,
Mắng Heo vô cớ kêu gào điếc tai;
— Kìa bắt-chước như hai gã nọ.
Cứ ở yên phỏng có mất gì?

Regarde ce mouton : a-t-il dit un seul mot ?
Il est sage — Il est sot,
Repartit le cochon : s'il savait son affaire,
Il crierait comme moi du haut de son gosier,
Et cette autre personne honnête
Crierait tout du haut de sa tête.
Ils pensent qu'on les veut seulement décharger,
La chèvre de son lait, le mouton de sa laine :
Je ne sais pas s'ils ont raison,
Mais, quant à moi, qui ne suis bon
Qu'à manger, ma mort est certaine.
Adieu mon toit et ma maison ».
Dom Pourceau raisonnait en subtil person-
[nage ;
Mais que lui servait-il ? Quand le mal est
[certain,
La plainte ni la peur ne changent le destin ;
Et le moins prévoyant est toujours le plus sage.



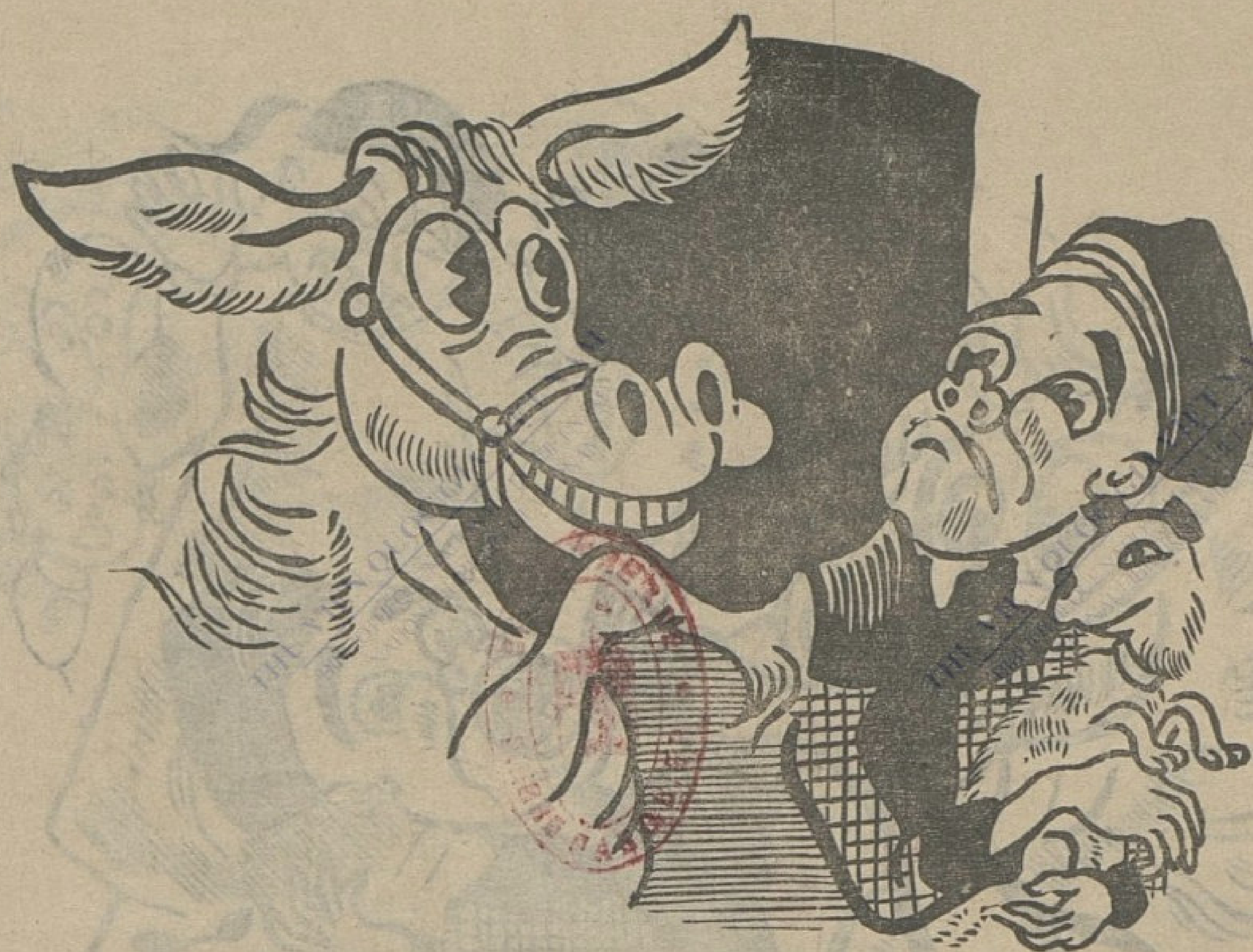
Con Cừu ngậm miệng lì-lì,
Khôn-ngoan rất mực ai mà không yêu.
Heo bèn đáp :
— Lựa theo thằng ngốc,
Tôi đây nào phải học chú Cừu,
Vì chăng Cừu biết phận Cừu,
Thì Cừu chắc hẳn lo ưu mấy lần.
Còn Dê nọ an thân nằm đó,
Cũng chẳng qua là họ ngu-si,
Hai thằng này ngỡ có khi,
Gọt lông và sữa vắt đi là cùng,
Có lẽ thế là xong phận họ.
Còn tôi đây thân nọ đã đành :
Chỉ đem nướng chả, nấu canh,
Sống mà cái chết vẫn dành một bên.
Cho nên phải khóc rên rầm-rĩ.
Ngẫm Heo ta thâm-thúy lạ dường,
Nhưng mà dẫu thét cùng đường.
Chết đành vẫn chết ai thương đâu mà,
Biết cam thân phận mới là.





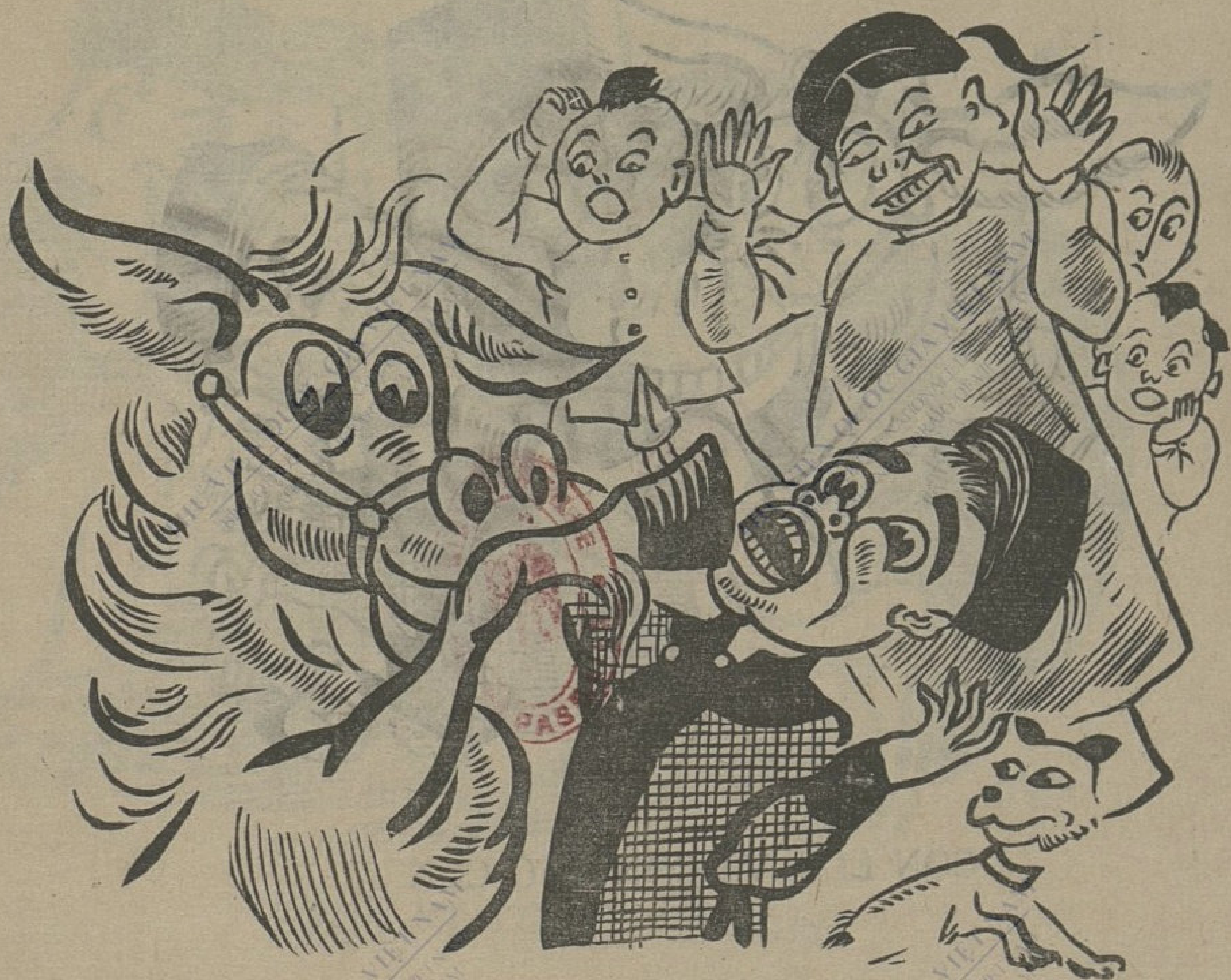
L'ÂNE ET LE PETIT CHIEN

Ne forçons point notre talent ;
Nous ne ferions rien avec grâce :
Jamais un lourdaud, quoi qu'il fasse,
Ne saurait passer pour galant.
Peu de gens que le Ciel chérit et gratifie,
Ont le don d'agréer infus avec la vie.
C'est un point qu'il leur faut laisser
Et ne pas ressembler à l'âne de la fable,
Qui, pour se rendre plus aimable
Et plus cher à son maître, alla le caresser.
« Comment ! disait-il en son âme,
Ce chien, parce qu'il est mignon,
Vivra de pair à compagnon
Avec monsieur, avec madame ;
Et j'aurais des coups de bâton ?

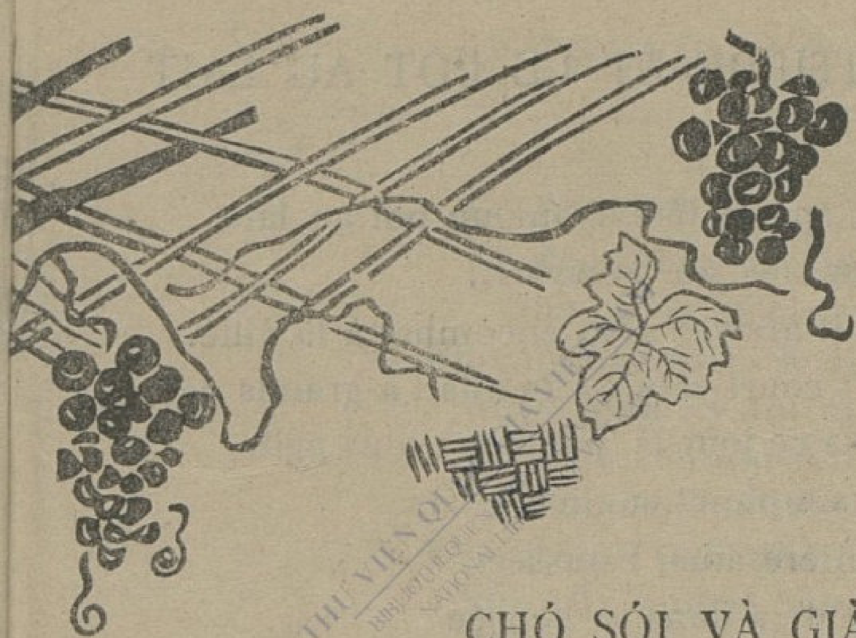


CON LỪA VÀ CON CHÓ CON

Tài tự-nhiên, xin ai chớ ép,
Gượng nên công có đẹp mẽ gì?
Mấy đời những đứa ngu-si,
Làm ra mặt thiệp nó thì nên duyên.
Ai cũng mến là « thiên chi phó »,
Bẩm-sinh ra sẵn có mấy người,
Ai tài thì cũng mặc ai
Lừa ngu chuyện nọ là bài dạy khôn:
Gã lừa ấy đến hôn ông chủ;
Nghĩ thầy ta há phụ không yêu!
Chó kia phỏng lớn bao nhiêu,
Ông, bà bữa sớm bữa chiều cho ăn,
Lại có lúc quá thân hôn-hít;
Lại có khi quấn-quít xoa đầu;
Trò-vè phỏng có chi đâu.

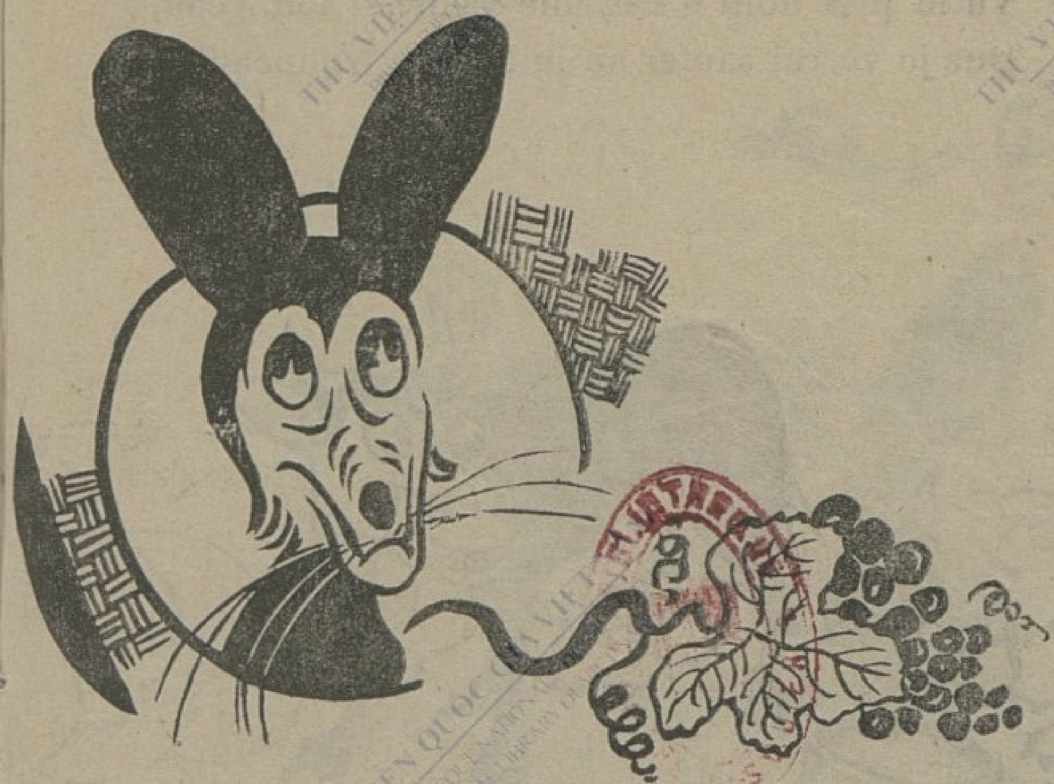


Que fait-il ? Il donne la patte ;
Puis aussitôt il est baisé.
S'il en faut faire autant afin que l'on me flatte,
Cela n'est pas bien malaisé ».
Dans cette admirable pensée,
Voyant son maître en joie, il s'en vient lour-
[dement,
Lève une corne tout usée,
La lui porte au menton fort amoureusement,
Non sans accompagner, pour plus grand
[ornement,
De son chant gracieux cette action hardie.
Oh ! oh ! quelle caresse et quelle mélodie !
Dit le maître aussitôt. Holà ! Martin-bâton ! »
Martin-bâton accourt : l'âne change de ton.
Ainsi finit la comédie.



CHÓ SÓI VÀ GIÀN NHO

Chó sói kia ở nơi rừng ấy.
Đương đói lòng lại thấy giàn nho.
Mấy chùm vừa chín vừa to.
Nước da đỏ thắm, thơm-tho ngọt-ngào.
Cậu sói cũng ước-ao được bữa.
Nhưng giàn cao không với đến nơi.
Chê-bai sói lại được lời:
— Nho xanh chẳng xứng miệng người
[phong-lưu.



LA LAITIÈRE ET LE POT AU LAIT

Perrette, sur sa tête ayant un pot au lait
Bien posé sur un coussinet,
Prétendait arriver sans encombre à la ville.
Légère et court vêtue, elle allait à grands pas,
Ayant mis ce jour-là, pour être plus agile,
Cotillon simple et souliers plats.
Notre laitière ainsi troussée
Comptait déjà dans sa pensée
Tout le prix de son lait, en employait l'argent,
Achetait un cent d'œufs, faisait triple couvée ;
La chose allait à bien par son soin diligent.
« Il m'est, disait-elle, facile
D'élever des poulets autour de ma maison ;
Le renard sera bien habile
S'il ne m'en laisse assez pour avoir un cochon.
Le porc à s'engraisser coûtera peu de son ;
Il était, quand je l'eus, de grosseur raisonnable :
J'aurai, le revendant, de l'argent bel et bon,
Et qui m'empêchera de mettre en notre étable,
Vu le prix dont il est, une vache et son veau,
Que je verrai sauter au milieu du troupeau ? »



TRUYỆN CÔ HÀNG SỮA

Cô Bê-rét đi mang liễn sữa,
Kê đệm bông để giữa đỉnh đầu,
Chắc rằng kẻ-chợ xa đâu,
Nhẹ nhàng thoăn-thoắt chẳng âu ngại gì.
Chân hôm ấy thì đi dép một,
Váy xắn cao ton-tót bước nhanh.
Gọn-gàng mà lại thêm xinh;
Vừa đi vừa tính phân-minh từng đồng:
Sữa bấy nhiêu, bán xong ngần ấy,
Trứng một trăm mua lấy về nhà.
Ấp đều có khó chi mà,
Khéo ra mấy chốc đàn gà đầy sân.
Cáo nọ dầu mưu thần chước giỏi,
Có tha đi cũng lỏi mươi con.
Bán đi mua một lợn non,
Ta cho ăn cám béo tròn như trâu.
Đem ra chợ bầy đâu chẳng đắt,
Bán lợn đi, lại dắt bò về.
Thừa tiền thêm một con bê,
Để cho nó nhẩy bốn bề mà coi.

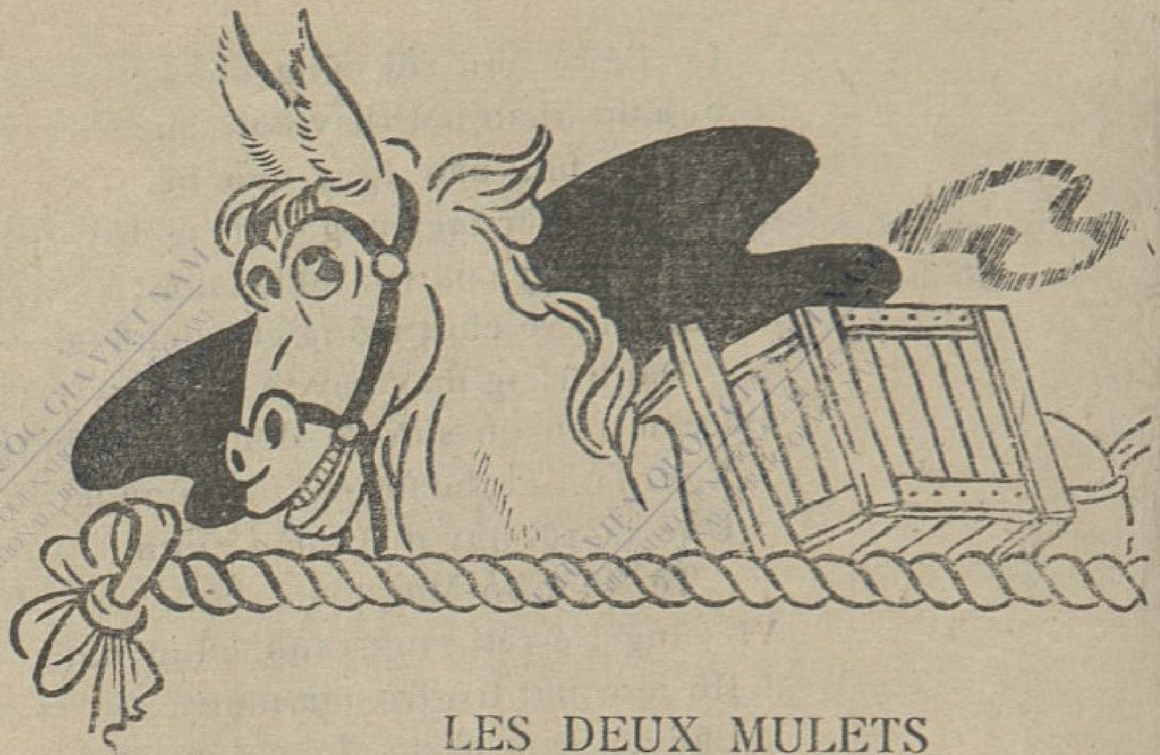


Perrette, là-dessus, saute aussi, transportée:
Le lait tombe; adieu veau, vache, cochon,
[couvée.
La dame de ces biens, quittant d'un œil marri
Sa fortune ainsi répandue,
Va s'excuser à son mari,
En grand danger d'être battue.
Le récit en farce en fut fait:
On l'appela le *Pot au lait.*
Quel esprit ne bat pas la campagne?
Qui ne fait châteaux en Espagne?
Picrochole, Pyrrhus, la laitière, enfin tous,
Autant les sages que les fous.
Chacun songe en veillant, il n'est rien de plus
[doux.
Une flatteuse erreur emporte alors nos âmes;
Tous le bien du monde est à nous
Tous les honneurs, toutes les femmes.
Quand je suis seul, je fais au plus brave un défi;
Je m'écarte, je vais détrôner le sophi;
On m'élit roi, mon peuple m'aime;
Les diadèmes vont sur ma tête pleuvant:
Quelque accident fait-il que je rentre en moi-
[même,
Je suis Gros-Jean comme devant.



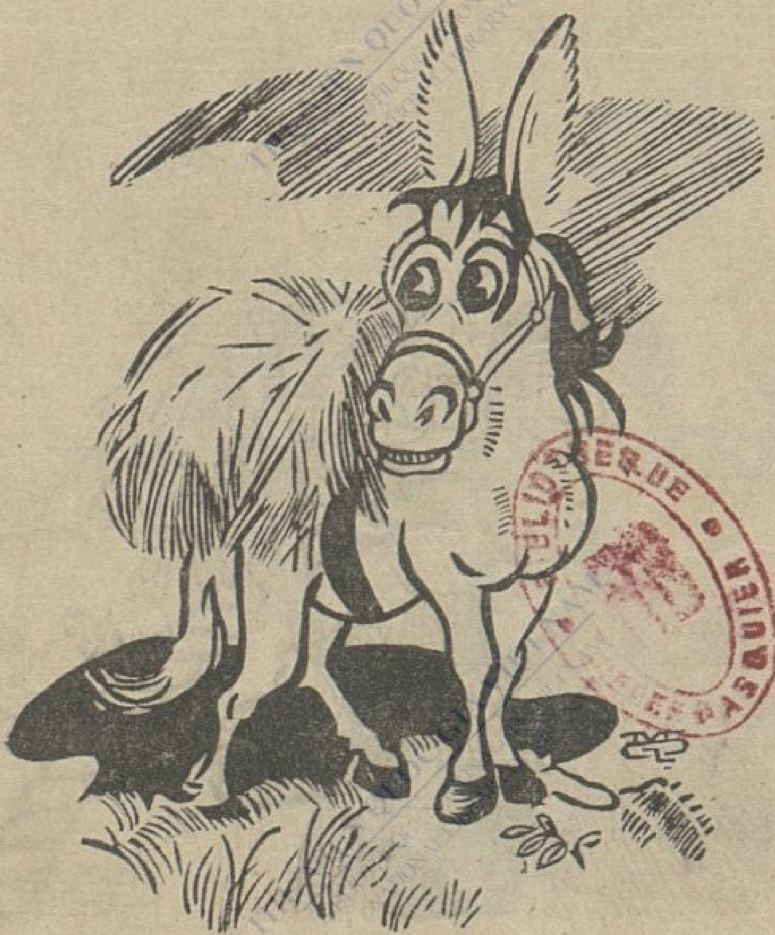
Cô Bê-rét nói rồi cũng nhẩy ;
Sữa đổ nhào hết thẩy còn chi :
Nào bò, nào lợn, nào bê,
Nào gà, nào trứng cùng đi đằng đời.
Cô tôi thấy của rơi lênh-láng,
Lủi-thủi về chịu mắng cùng chồng.
Đành rằng mấy gậy là cùng,
Để câu chuyện sữa kể dong khắp làng.
Nghĩ lắm kẻ hoang-đường cũng lạ,
Ước xa-xôi hay quá phận mình
Tề-Mân, Sở-Mục hùng danh
Ví cùng Bê-rét rành-rành cũng như
Rõ mở mắt trơ-trơ mà mộng
Chuyện mơ-hồ mà động đến lòng.
Của đời hết thảy thu xong,
Trường-thành đắp nổi, A-phòng về ta.
Khi ta một mình ta thách hổ ;
Vua nước Tàu đạp đổ như chơi.
Vận may lại thuận lòng người,
Muôn dân mến-phục, ngai Trời ngồi trên,
Sịch một tiếng tỉnh tiền giấc mộng.
Tẻ vẫn mình bố Ngỗng xưa nay.





LES DEUX MULETS

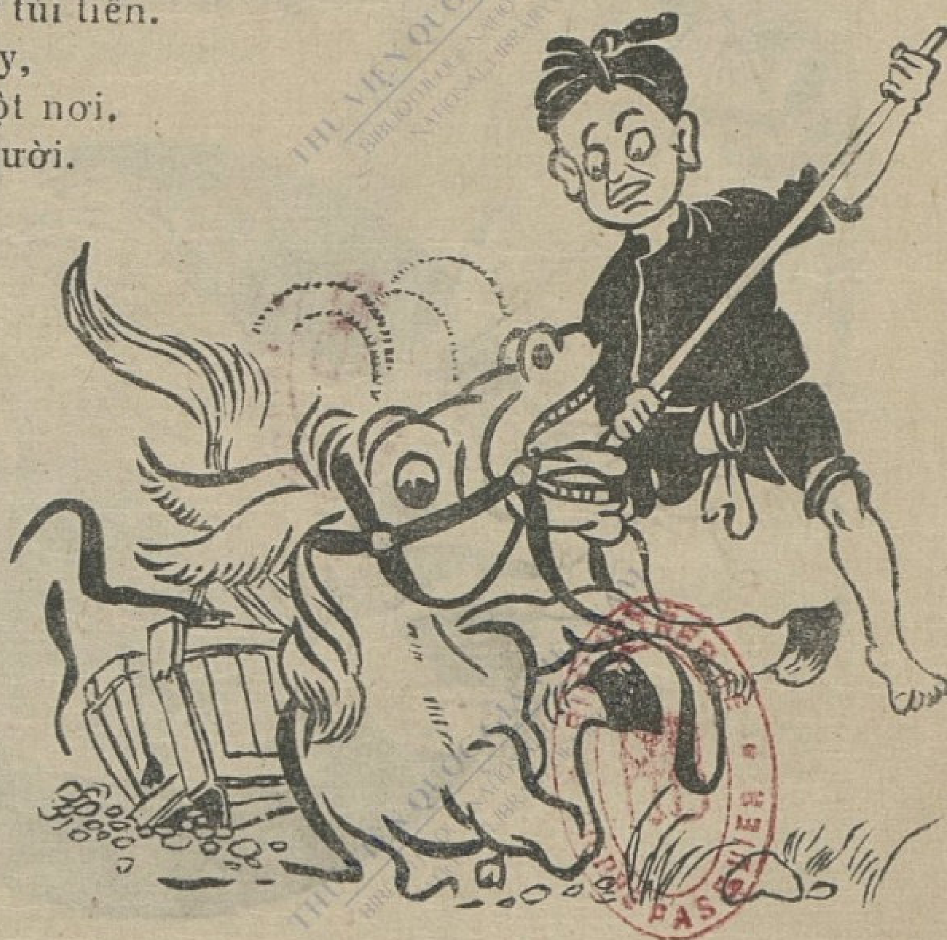
Deux mulets cheminaient : l'un d'a-
[voine chargé,
L'autre portant l'argent de la gabelle.
Celui-ci, glorieux d'une charge si
[belle,
N'eût voulu pour beaucoup en être
[soulagé.
Il marchait d'un pas relevé,
Et faisait sonner sa sonnette ;
Quand l'ennemi se présentant,
Comme il en voulait à l'argent,
Sur le mulet du fisc une troupe
[se jette,
Le saisit au frein et l'arrête.
Le mulet, en se défendant,
Se sent percer de coups ; il
[gémit, il soupire.
« Est-ce donc là, dit-il, ce qu'on
[m'avait promis ?
Ce mulet qui me suit du danger
[se retire,
Et moi, j'y tombe et je péris.
— Ami, lui dit son camarade,
Il n'est pas toujours bon d'avoir
[un haut emploi.
Si tu n'avais servi qu'un meu-
[nier, comme moi,
Tu ne serais pas si malade ».





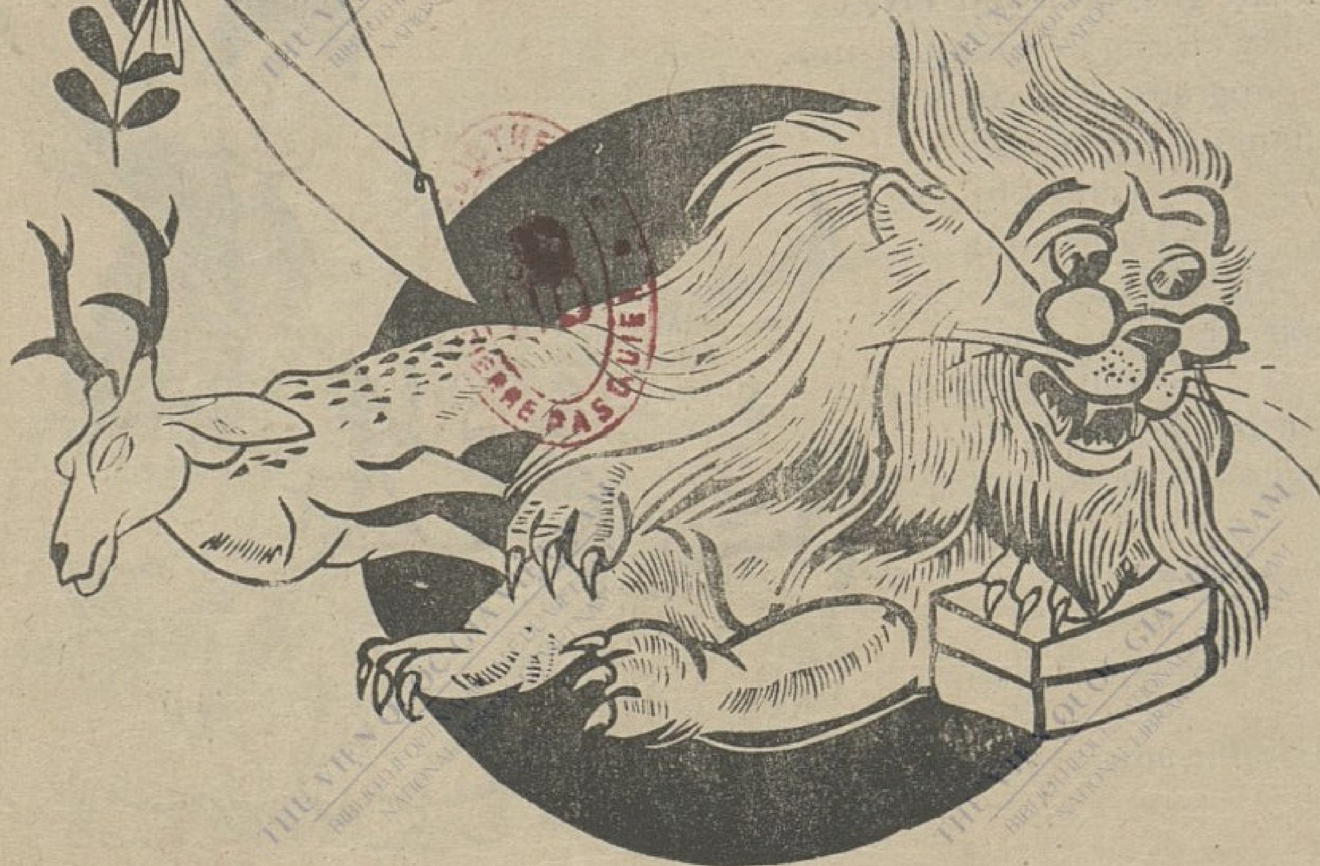
HAI CON LA

Hai con la cùng đi đường cái,
Con tải tiền, con tải cỏ khô.
Gã kia vinh-hạnh dường phô,
Ví ai mang đỡ chẳng cho đỡ nào.
Dáng đủng-đỉnh làm cao với chúng;
Cổ leng-keng chuông đụng suốt ngày.
Ai ngờ gặp buổi không may,
Giặc đâu kéo đến, dòm ngay túi tiền.
Vồ la nọ giặc liền bắt lấy,
Nắm dây cương kéo lại một nơi.
La gắng sức, cự với người.
Chúng đâm nát thịt tơi-bời [một khi.
Than : — « Danh-vọng làm chi cho cực ;
Gã hèn kia, sao được yên thân,
Mà ta đau-đớn như rần.
La kia nghe thoảng lại gần [đáp ngay :
— Hễ cây cao, gió lay [càng dữ...
Mang cỏ khô ví thử như [ta,
Thì chi đến nỗi đau mà.



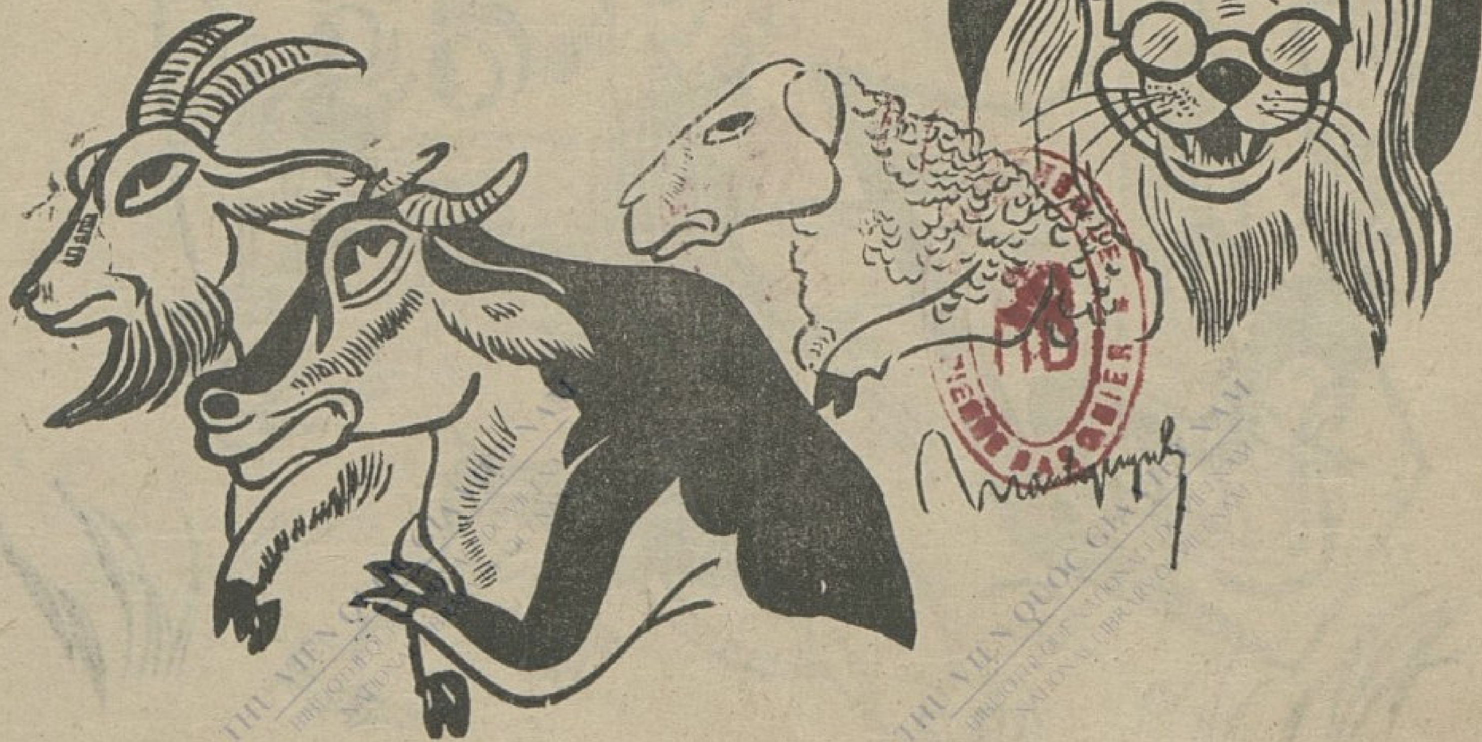
LA GÉNISSE, LA CHÈVRE ET LA BREBIS EN SOCIÉTÉ AVEC LE LION

La génisse, la chèvre et leur sœur la brebis,
Avec un fier lion, seigneur du voisinage,
Firent société, dit-on, au temps jadis,
Et mirent en commun le gain et le dommage.
Dans les lacs de la chèvre un cerf se trouva pris.
Vers ses associés aussitôt elle envoie.
Eux venus, le lion par ses ongles compta,
Et dit : « Nous sommes quatre à partager la [proie ».
Puis en autant de parts le cerf il dépeça ;
Prit pour lui la première en qualité de sire.
« Elle doit être à moi, dit-il, et la raison,
C'est que je m'appelle Lion :
A cela l'on n'a rien à dire.
La seconde par droit me doit échoir encor :
Ce droit, vous le savez, c'est le droit du plus fort.
Comme le plus vaillant je prétends la troisième,
Si quelqu'une de vous touche à la quatrième,
Je l'étranglerai tout d'abord ».



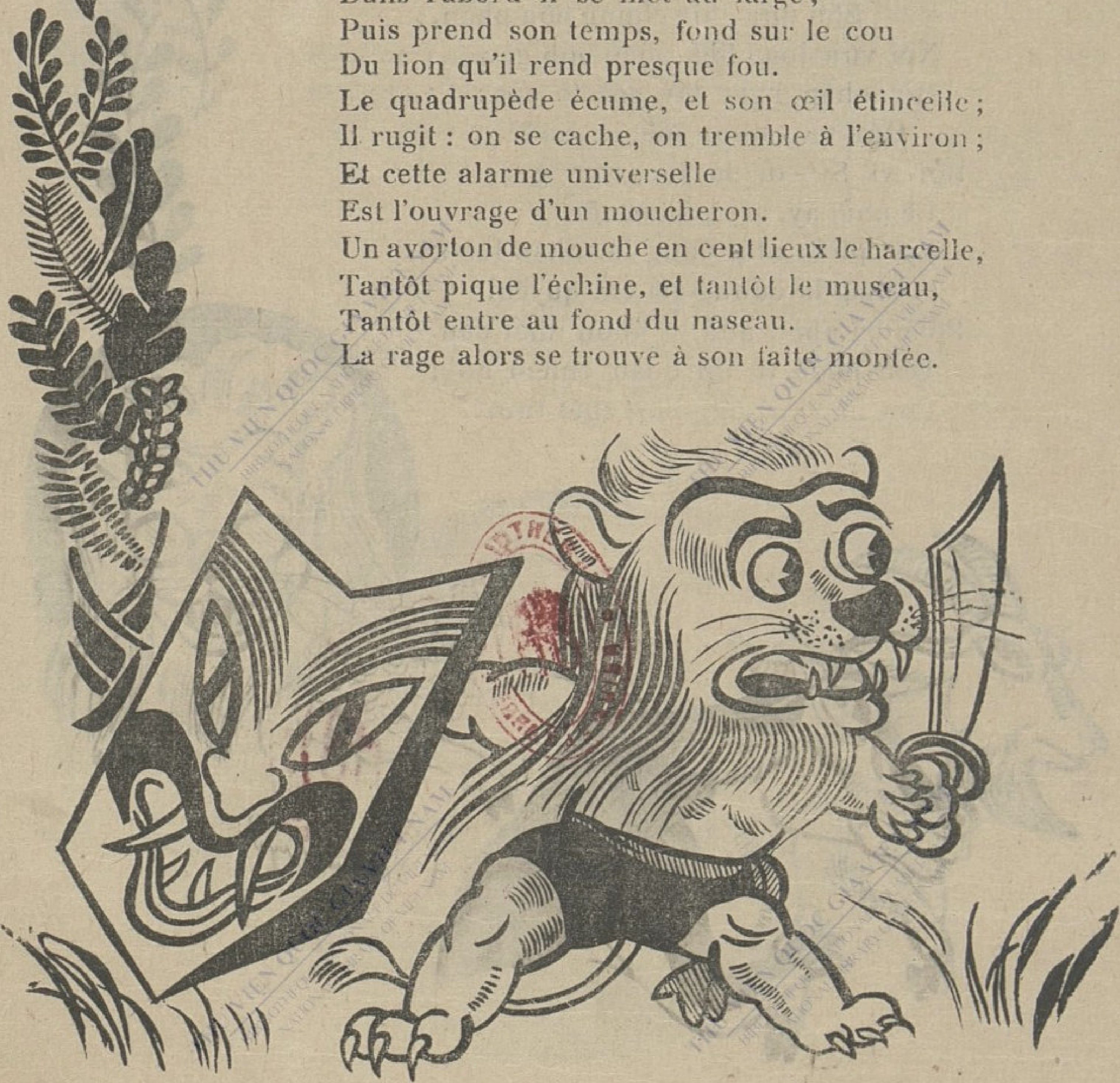
BÒ CÁI, DÊ CÁI, CỪU CÁI LẬP HỘI VỚI SƯ-TỬ

Con bò, con dê, con cừu cái,
Cùng Mãnh-sư qui-đại lân-òng,
Xưa kia lập hội buôn chung;
Hẹn rằng lỗ lãi đổ đồng chia nhau.
Dê đánh bẫy được hươu một chú,
Mời cổ-đông đến đủ hội-đồng,
Khi đà khắp mặt đến đông.
Sư rằng:
— Bốn đứa chia chung bốn phần.
Nói vừa đoạn liền phân bốn góc,
Rồi nhận ngay lấy góc to cao:
Đứa nào muốn biết lẽ sao?
Bởi vì Sư-tử là tao chứ gì?
Lẽ phải ấy, ai thì dám cãi.
Còn phần nhì, cũng lại nhận luôn,
Rằng là cường-giả chi quyền.
Phần ba nhận nữa, vì khôn nhất đàn.
Đến phần tư thì quan chiếm nốt;
Con nào vơ, ông bóp chết tươi!



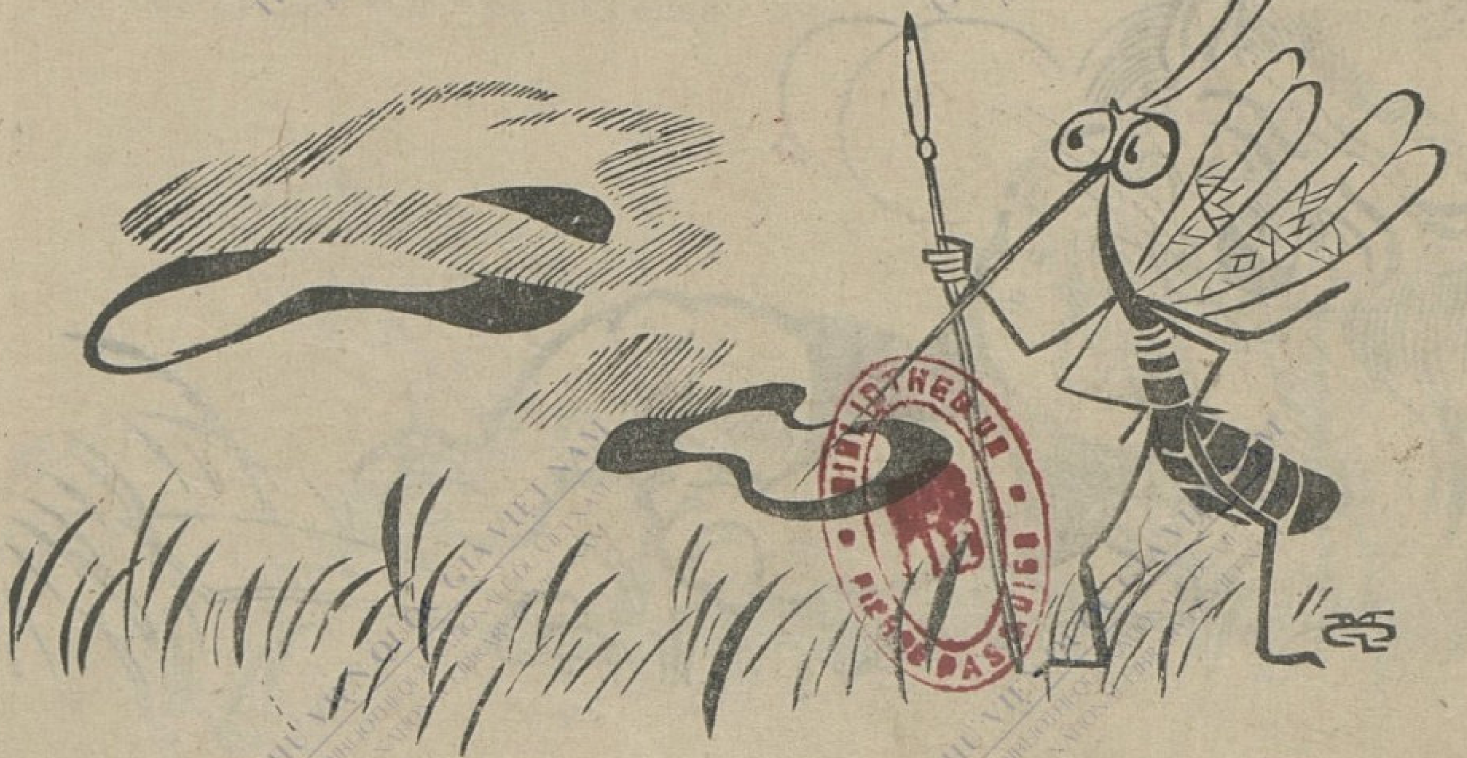
LE LION ET LE MOUCHERON

« Va-t'en, chétif insecte, excrément de la terre »
C'est en ces mots que le lion
Parlait un jour au moucheron.
L'autre lui déclara la guerre :
« Penses-tu, lui dit-il, que ton titre de roi
Me fasse peur ni me soucie ?
Un bœuf est plus puissant que toi,
Je le mène à la fantaisie ».
A peine il achevait ces mots
Que lui-même il sonna la charge
Fut la tromrette et le héros.
Dans l'abord il se met au large ;
Puis prend son temps, fond sur le cou
Du lion qu'il rend presque fou.
Le quadrupède écume, et son œil étincelle ;
Il rugit : on se cache, on tremble à l'environ ;
Et cette alarme universelle
Est l'ouvrage d'un moucheron.
Un avorton de mouche en cent lieux le harcelle,
Tantôt pique l'échine, et tantôt le museau,
Tantôt entre au fond du naseau.
La rage alors se trouve à son faîte montée.

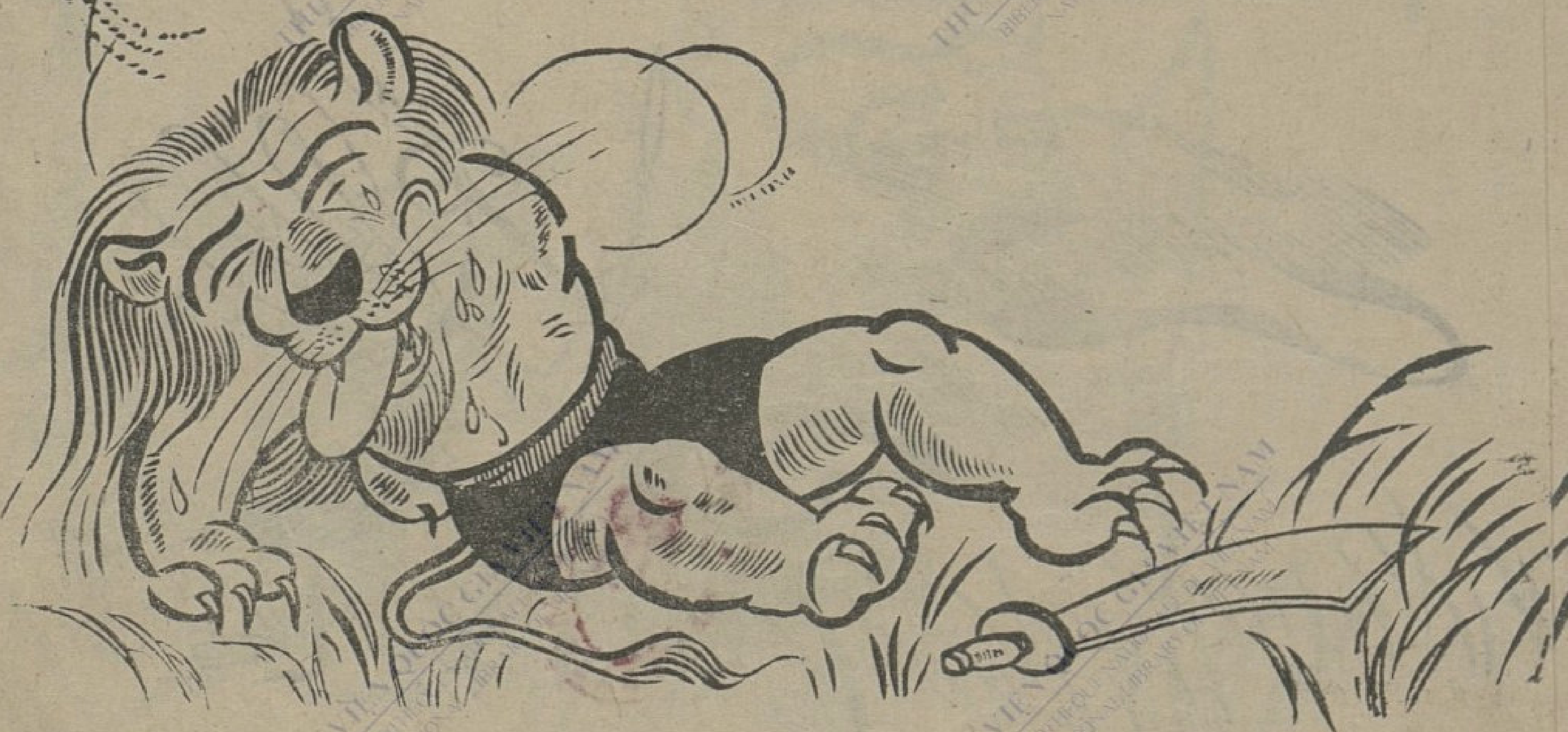


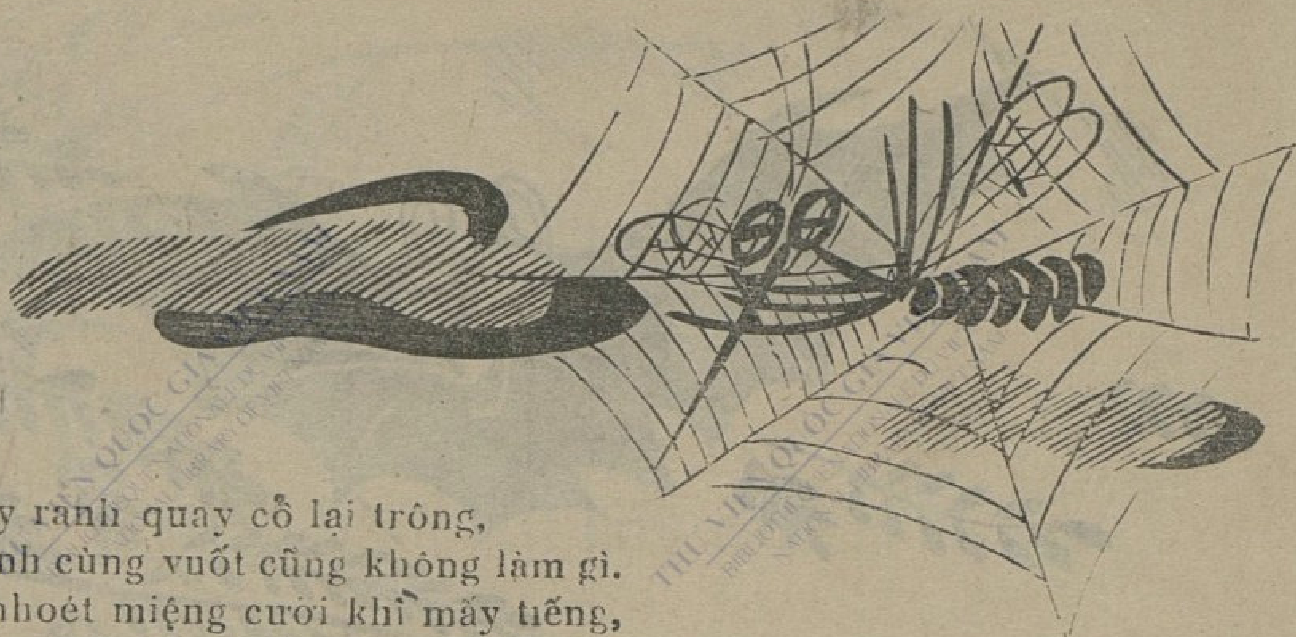
CON SƯ-TỬ VÀ CON MUỖI MẮT

Sư-tử một hôm mắng con muỗi :
— Bước đi đồ hôi-thối nhỏ-nhen ! »
Muỗi ta đâu có chịu hèn,
Tức cùng Sư-tử trao liền chiến-thư :
— Mi chớ tưởng vua mà ta sợ ;
Đừng làm cao. Mi chớ hợm đời.
Con bò to gấp mấy ngươi,
Ta còn kéo nổi như chơi đi cùng.
Nói vừa đoạn muỗi xông lên trước ;
Rúc tù-và, rồi vượt trận tiền.
Vừa làm tướng, vừa thổi kèn.
Trước còn bay vọt lên trên tít-mù ;
Sau nhào xuống, nhảy xô vào cổ.
Sư-tử ta xấu hổ phát điên ;
Mép sầu bọt, mắt quắc lên.
Miệng gầm, chân nhảy, sợ rên một vùng.
Việc kinh-hãi khắp trong thế-giới,
Ai hay đâu bởi cái muỗi con.
Đuổi sư khắp núi cùng non,
Khi thi đốt gáy, lúc bon cắn đầu ;
Khi bay lọt vào đâu lỗ mũi,
Sư-tử ta hậm-hụi phát khùng.

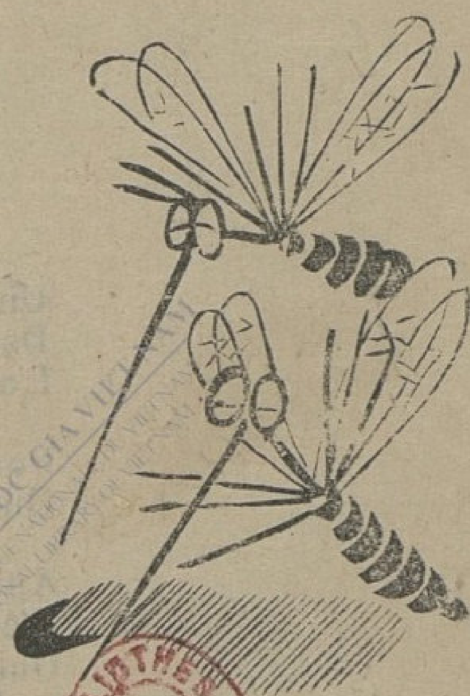


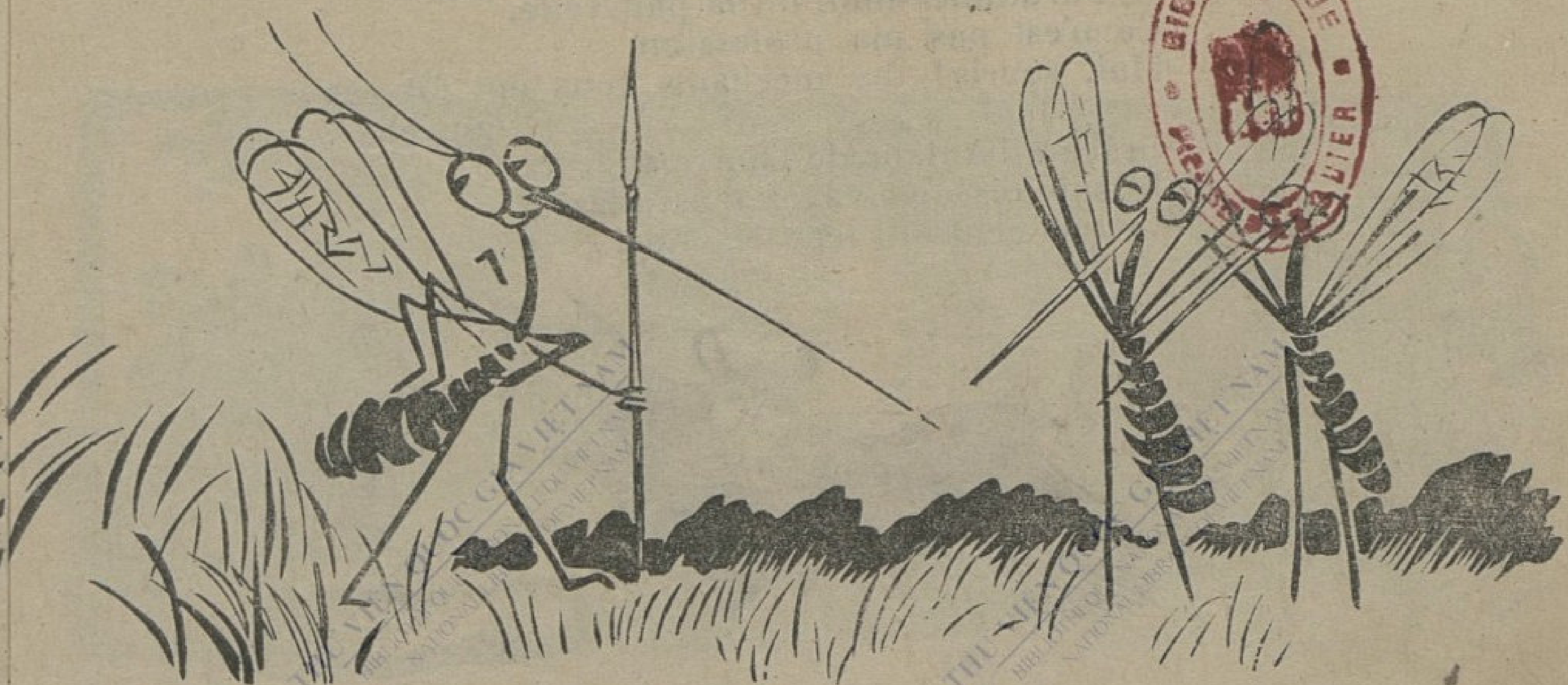
L'invisible ennemi triomphe, et rit de voir
Qu'il n'est griffe ni dent en la bête irritée
Qui de la mettre en sang ne fasse son devoir.
Le malheureux lion se déchire lui-même,
Fait résonner sa queue à l'entour de ses flancs,
Bat l'air, qui n'en peut mais ; et sa fureur
[extrême
Le fatigue, l'abat ; le voilà sur les dents.
L'insecte du combat se retire avec gloire :
Comme il sonna la charge, il sonne la victoire,
Va partout l'annoncer, et rencontre en chemin
L'embuscade d'une araignée ;
Il y rencontre aussi sa fin.
Quelle chose par là nous peut être enseignée ?
J'en vois deux, dont l'une est qu'entre nos
[ennemis,
Les plus à craindre sont souvent les plus petits ;
L'autre, qu'aux grands périls tel a pu se sous-
Qui périt pour la moindre affaire. [traire





Nguy ranh quay cổ lại trông,
Thấy nanh cùng vuốt cũng không làm gì.
Muỗi nhoét miệng cười khì mấy tiếng,
Sư tức mình lại nghiến hàm răng.
Đuôi thì ngoe-nguẩy vung-văng.
Mà ra phải chịu một thằng muỗi ranh.
Anh giận lắm thì anh thêm nhọc,
Cậy hùng-cường làm cóc gì tôi!
Muỗi ta thắng trận phản hồi,
Khải-hoàn một trận vang trời vo-vo.
Chạy cùng xứ báo cho chúng biết.
Mạng nhện đâu lại kết ngang đường.
Muỗi ta vướng phải ai thương.
Ta nên lấy chuyện làm gương hai điều:
Cuộc tranh-cạnh có nhiều thủ-nghịch.
Kẻ nhỏ thường nên kệch kẻ to,
Nhiều khi việc lớn chẳng lo,
Mà ra chút việc nhỏ-nhò chẳng xong.







LA CHAUVE-SOURIS ET LES DEUX BELETTES

Une chauve-souris donna tête baissée
Dans un nid de Belette ; et, sitôt qu'elle y fut,
L'autre, envers les souris de longtemps courroucée,
Pour la dévorer accourut.
Quoi ! vous osez, dit-elle, à mes yeux vous produire,
Après que votre race a tâché de me nuire !
N'êtes-vous pas souris ? Parlez sans fiction.
Oui, vous l'êtes, ou bien je ne suis pas belette.
— Pardonnez-moi, dit la pauvrette,
Ce n'est pas ma profession.
Moi, souris ! des méchants vous ont dit ces nouvelles.
Grâce à l'Auteur de l'univers,
Je suis oiseau : voyez mes ailes :
Vive la gent qui fend les airs !





CON DƠI VÀ HAI CON CẦY

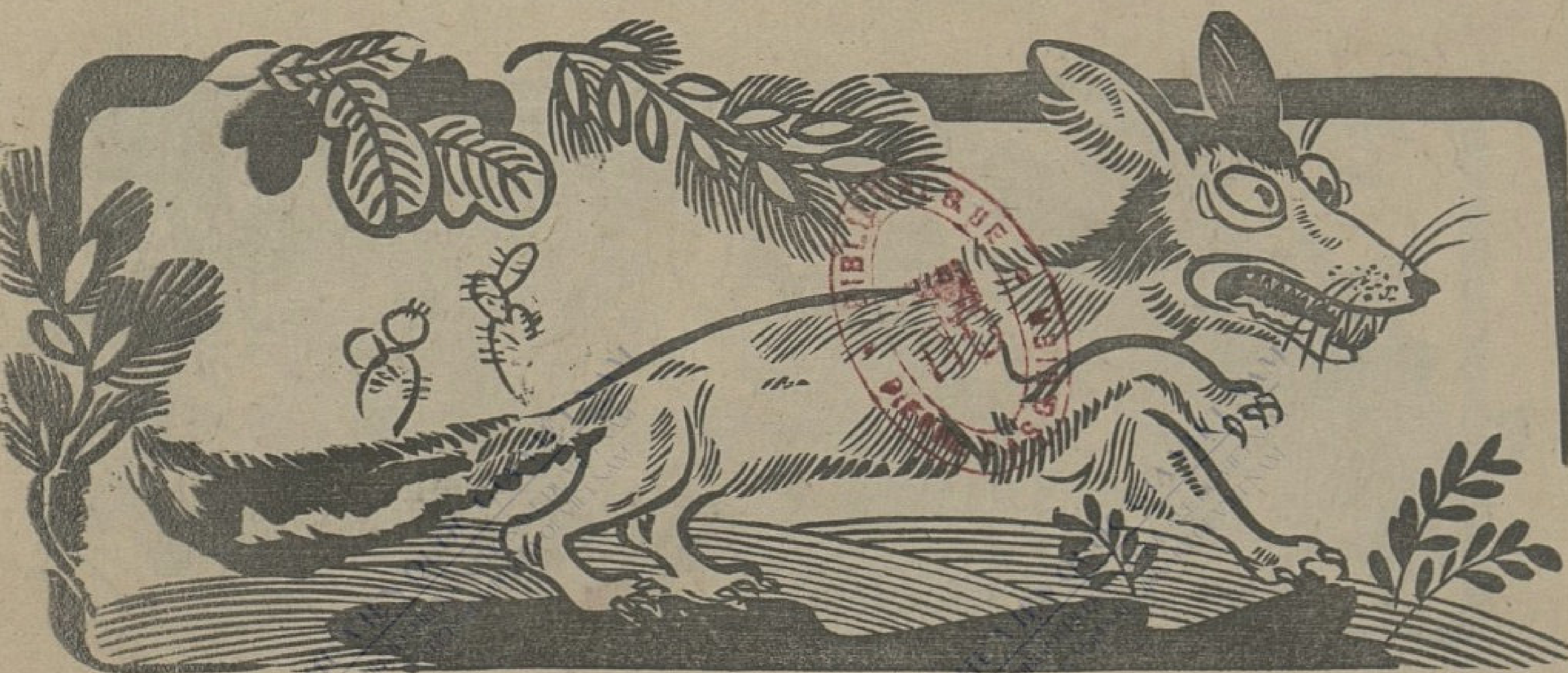
Dơi bay quạng xầy khi chúi cổ,
Choạng ngay vào cửa tổ con cầy.
Cầy này ghét chuột xưa nay,
Chạy ra đã định vồ ngay dơi già:
— Giống mi đã cùng ta làm hại,
Sao cả gan dám lại nơi đây?
Phải chăng chính chuột là mày:
Nếu không chẳng phải đời cầy nhà tao!
Dơi van lạy:
— Lượng cao soi-xét
Tôi thực không phải kiếp chuột mà;
Ai đâu đặt-để sai-ngoa.
Trời sinh tôi quả vốn là kiếp chim.
Còn đôi cánh hiển-nhiên thượng-tại,
Chúc vạn niên điểu-loại cao bay!







Sa raison plut et sembla bonne.
Elle fait si bien qu'on lui donne
Liberté de se retirer.
Deux jours après, notre étourdie
Aveuglément se va fourrer
Chez une autre Belette aux oiseaux ennemie.
La voilà derechef en danger de sa vie.
La dame du logis, avec son long museau
S'en allait la croquer en qualité d'oiseau,
Quand elle protesta qu'on lui faisait outrage:
« Moi, pour telle passer! Vous n'y regardez pas.
Qui fait l'oiseau? C'est le plumage.
Je suis souris: vivent les rats!
Jupiter confonde les chats! »
Par cette adroite repartie
Elle sauva deux fois sa vie.
Plusieurs se sont trouvés qui, d'écharpe chan-
[geants,
Aux dangers, ainsi qu'elle, ont souvent fait la
[figue.
Le sage dit, selon les gens:
« Vive le Roi! vive la Ligue! »





Lời cung nghe lọt tai cầy,
Tức thì phóng-xá cho bay về nhà.
Cách khi đó một và hôm nữa,
Dơi lại choàng vào cửa hang cầy.
Cầy này tính ghét chim bay,
Té ra dơi lại gặp ngày nguy-nan;
Cô dài mõm đã toan ra bắt:
— Mày là chim, tao quật chết tươi.
Dơi sao cũng khéo mau lời:
— Xin ngài nhìn kỹ hình tôi chim nào.
Chim có đủ vũ mao mới phải,
Tôi vốn là thú-loại xưa nay.
Chúc xin Thử-quốc lâu dài!
Hoàng-thiên hại hết những loài miêu-nhi!
Khen dơi biến-trá cũng kỳ,
Nhờ mưu khôn thoát hiểm-nguy hai lần.

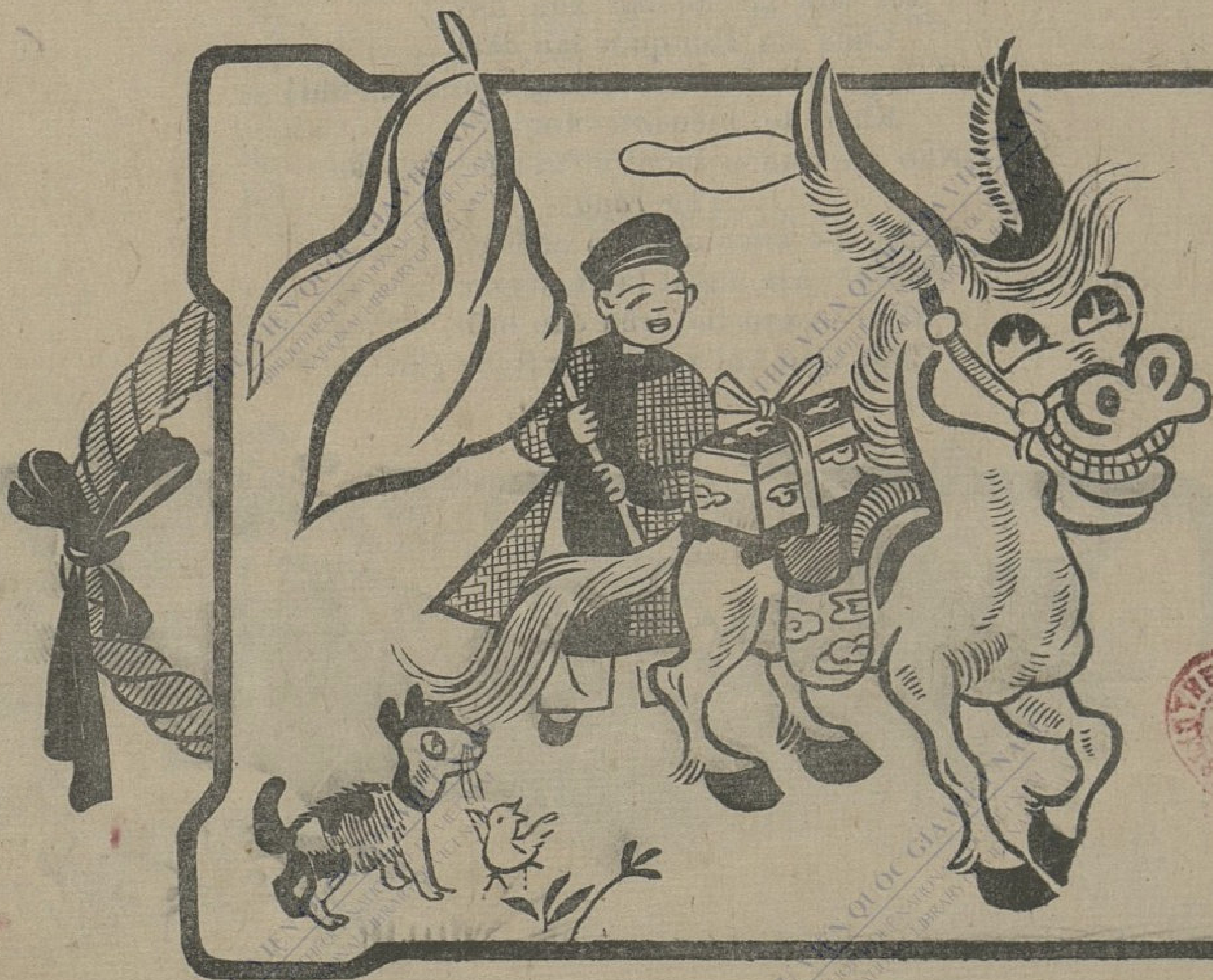
Thơ rằng:

Liệu gió khen ai khéo phất cờ,
Đổi lời cầu thoát lúc nguy-cơ.
Sẵn câu vạn-tuế trên đầu lưỡi,
Chúc Hán khi xưa, chúc Ngụy giờ.



L'ÂNE PORTANT DES RELIQUES

Un Baudet, chargé de reliques.
S'imagina qu'on l'adorait.
Dans ce penser il se carrait,
Recevant comme siens l'encens et
[les cantiques.
Quelqu'un vit l'erreur, et lui dit :
« Maître Baudet, ôtez-vous de l'esprit
Une vanité si folle.
Ce n'est pas vous, c'est l'idole
A qui cet honneur se rend
Et que la gloire en est due ».
D'un magistrat ignorant
C'est la robe qu'on salue.



CON LỪA MANG HÒM SẮC

Một con lừa lưng mang hòm sắc,
Thấy người tôn đã chắc tôn ta.
Vênh-vang bộ mặt giở ra,
Chấp lễ chấp bái như là thần đây,
Có người kia lầm này biết ý,
Bảo lừa :
— Đừng nghĩ thế mà sai,
Hợm đâu có hợm lạ đời !
Ai tôn đâu chứ, chú đòi lên câu.
Người lễ bái là cầu ông thánh,
Sự anh-linh uy-mãnh của ngài,
Quan mà dốt đặc vô-tài,
Thì dân lạy cái áo ngoài mà thôi.



LE VIEUX CHAT ET LA JEUNE SOURIS

Une jeune souris de peu d'expérience
Crut fléchir un vieux chat, implorant sa clémence,
Et payant de raisons le Raminagrobis :
« Laissez-moi vivre : une souris
De ma taille et de ma dépense
Est-elle à charge en ce logis ?
Affamerais-je, à votre avis,
L'hôte et l'hôtesse, et tout leur monde ?
D'un grain de blé je me nourris :
Une noix me rend toute ronde.
A présent je suis maigre ; attendez quelque temps ;
Réservez ce repas à Messieurs vos enfants ».
Ainsi parlait au chat la souris attrapée.
L'autre lui dit : tu t'es trompée.
Est-ce à moi que l'on tient de semblables discours ?
Tu gagnerais autant de parler à des sourds.
Chat, et vieux, pardonner ? Cela n'arrive guères,
Selon ces lois, descends là-bas,
Meurs, et va-t'en tout de ce pas
Haranguer les Sœurs filandières.
Mes enfants trouveront assez d'autres repas ».
Il tint parole. Et pour ma fable,
Voici le sens moral qui peut y convenir :
La jeunesse se flatte, et croit tout obtenir ;
La vieillesse est impitoyable.



CON MÈO GIÀ
VÀ CON CHUỘT NHẮT

Thím chuột nhắt trẻ người non dạ,
Bị mèo già vồ đã nguy-nan.
Lẻo mồm còn cứ kêu van :
— Xin ngài sinh-phúc kẻo oan phận
[này,
Thân chuột nhắt phỏng tầy mấy
[chút :
Nhặt của rơi, thiệt hụt gì ai !
Hãy khoan lượng nghĩ xin ngài,
Vì tôi đã để cho ai đói nào !
Miệng này phỏng ăn bao nhiêu hạt;
Chỉ cơm rang góc bát là no,
Sá chi thân phận gầy-gò,
Để dành các cậu, các cô thì vừa.
Chuột bị bắt trình thưa như vậy,
Mèo bảo rằng :
— Lời ấy khó nghe.
Thôi đi, đừng nói nữa đi !
Tao đây chứ phải giống gì mà mong.
Mèo, lại già hẳn không dung-xá,
Rất đang tâm, mi lạ chi ta,
Thôi cho mi xuống làm ma,
Kêu cùng Thập-điện họa là có nghe.
Con tao chẳng thiếu chi thực-
[phẩm.
Mèo nói xong bèn lẫm chuột ranh.
Chuyện này nghĩa-lý rành rành,
Đầu xanh vẫn thị tinh-ranh khoe
[mầu.
Già hay tàn-nhẫn biết đâu !

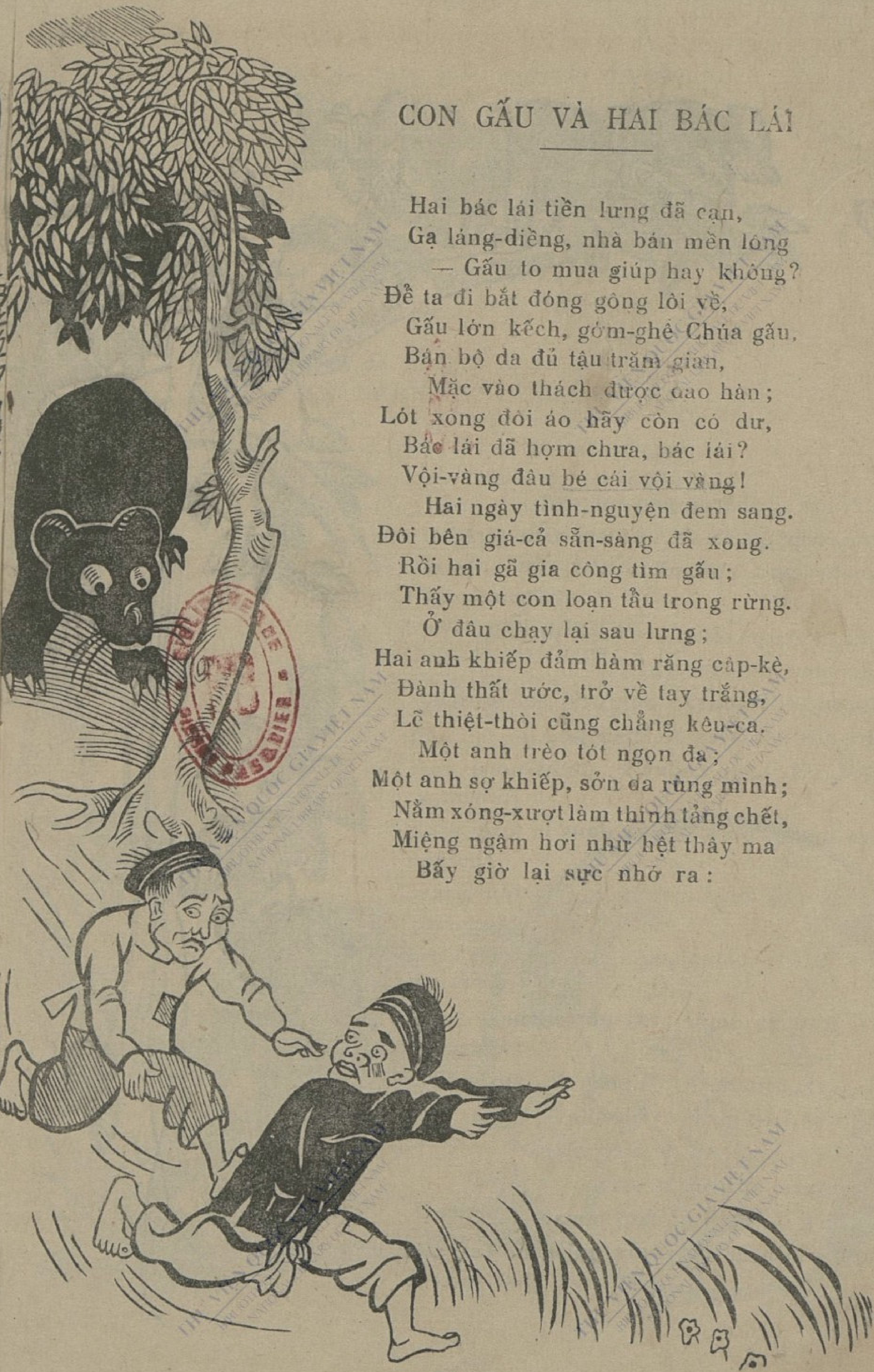




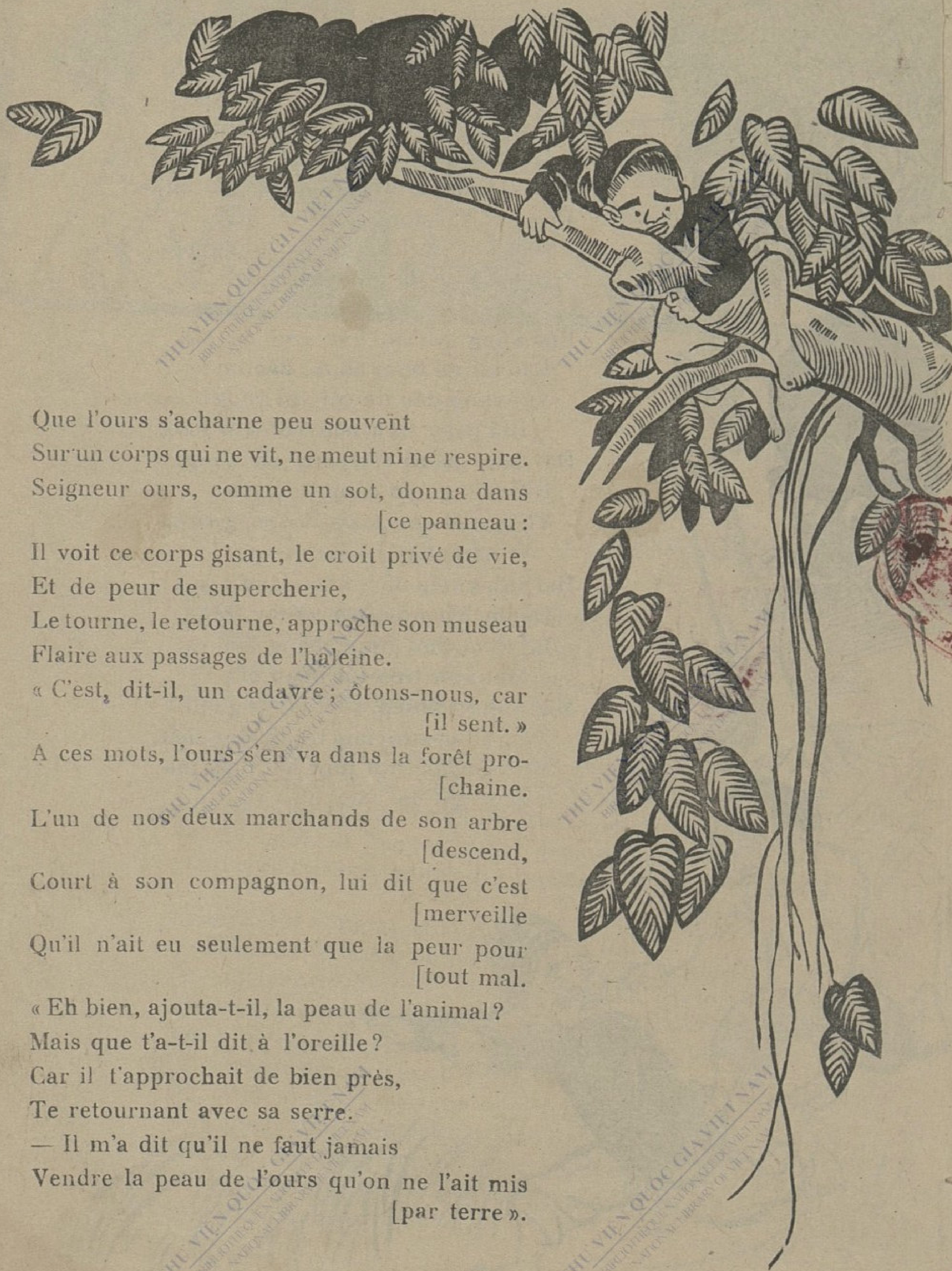
L'OURS ET LES DEUX COMPAGNONS

Deux compagnons, pressés d'argent,
A leur voisin fourreur vendirent
La peau d'un ours encor vivant,
Mais qu'ils tueraient bientôt, du moins à ce qu'ils
[dirent.
C'était le roi des ours, au compte de ces gens.
Le marchand à sa peau devait faire fortune;
Elle garantirait des froids les plus cuisants ;
On en pourrait fourrer plutôt deux robes qu'une.
Dindenaut prisait moins ses moutons qu'eux leur
|ours :
Leur, à leur compte, et non à celui de la bête.
S'offrant de la livrer au plus tard dans deux jours,
Ils conviennent de prix, et se mettent en quête,
Trouvent l'ours qui s'avance et vient vers eux au trot.
Voilà mes gens frappés comme d'un coup de foudre.
Le marché ne tint pas; il fallut le résoudre :
D'intérêts contre l'ours, on n'en dit pas un mot.
L'un des deux compagnons grimpe au faîte d'un arbre;
L'autre, plus froid que n'est un marbre
Se couche sur le nez, fait le mort, tient son vent,
Ayant quelque part ouï dire

CON GẤU VÀ HAI BÁC LÁI

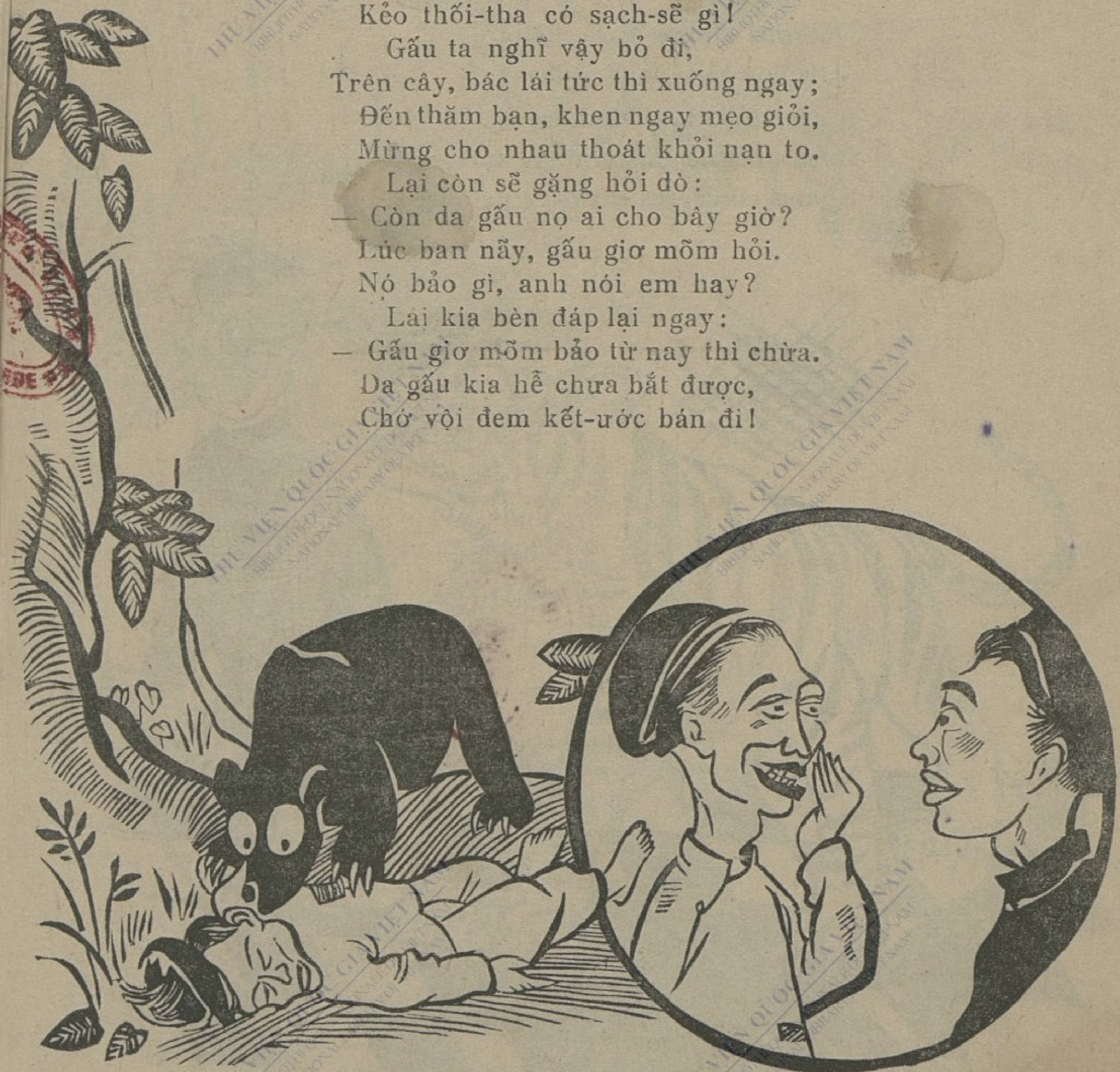


Hai bác lái tiền lưng đã cạn,
Gạ láng-diềng, nhà bán mền lông
— Gấu to mua giúp hay không?
Để ta đi bắt đóng gông lôi về,
Gấu lớn kếch, gớm-ghê Chúa gấu,
Bán bộ da đủ tậu trăm gian,
Mặc vào thách được cao hàn;
Lót xong đôi áo hãy còn có dư,
Bác lái đã hợm chưa, bác lái?
Vội-vàng đâu bé cái vội vàng!
Hai ngày tình-nguyện đem sang.
Đôi bên giá-cả sẵn-sàng đã xong.
Rồi hai gã gia công tìm gấu;
Thấy một con loạn tẩu trong rừng.
Ở đâu chạy lại sau lưng;
Hai anh khiếp đảm hàm răng cập-kè,
Đành thất ước, trở về tay trắng,
Lỗ thiệt-thòi cũng chẳng kêu-ca.
Một anh trèo tót ngọn đa;
Một anh sợ khiếp, sởn da rùng mình;
Nằm xóng-xượt làm thinh tảng chết,
Miệng ngậm hơi như hệt thây ma
Bấy giờ lại sực nhớ ra:



Que l'ours s'acharne peu souvent
Sur un corps qui ne vit, ne meut ni ne respire.
Seigneur ours, comme un sot, donna dans
[ce panneau :
Il voit ce corps gisant, le croit privé de vie,
Et de peur de supercherie,
Le tourne, le retourne, approche son museau
Flaire aux passages de l'haleine.
« C'est, dit-il, un cadavre ; ôtons-nous, car
[il sent. »
A ces mots, l'ours s'en va dans la forêt pro-
[chaine.
L'un de nos deux marchands de son arbre
[descend,
Court à son compagnon, lui dit que c'est
[merveille
Qu'il n'ait eu seulement que la peur pour
[tout mal.
« Eh bien, ajouta-t-il, la peau de l'animal ?
Mais que t'a-t-il dit à l'oreille ?
Car il t'approchait de bien près,
Te retournant avec sa serre.
— Il m'a dit qu'il ne faut jamais
Vendre la peau de l'ours qu'on ne l'ait mis
[par terre ».

Gấu tha thây chết, người ta vẫn đồn.
Anh lái nọ khôn hồn chẳng cựa,
Quả Hùng-công mắc lựa mưu khôn.
Thấy người nằm đó chổng trôn.
Đã ngờ chết thật, song còn hơi nghi,
Bèn lấy cẳng hất đi, lật lại,
Vẫn cứng đờ một cái xác người.
Mõm thò vào mũi đánh hơi.
Thấy im phăng-phắc thôi thời hết [nghi.
Chết đã hẳn, ta đi xa quách:
Kẻo thối-tha có sạch-sẽ gì!
Gấu ta nghĩ vậy bỏ đi,
Trên cây, bác lái tức thì xuống ngay;
Đến thăm bạn, khen ngay mẹo giỏi,
Mừng cho nhau thoát khỏi nạn to.
Lại còn sẽ gặng hỏi dò:
— Còn da gấu nọ ai cho bây giờ?
Lúc ban nãy, gấu giơ mõm hỏi.
Nó bảo gì, anh nói em hay?
Lái kia bèn đáp lại ngay:
— Gấu giơ mõm bảo từ nay thì chừa.
Da gấu kia hễ chưa bắt được,
Chớ vội đem kết-ước bán đi!



LE LION ABATTU PAR L'HOMME

On exposait une peinture
Où l'artisan avait tracé
Un lion d'immense stature
Par un seul homme terrassé.
Les regardants en tiraient gloire.
Un lion en passant rabattit leur caquet.
« Je vois bien, dit-il, qu'en effet
On vous donne ici la victoire :
Mais l'ouvrier vous a déçus ;
Il avait liberté de feindre.
Avec plus de raison nous aurions le dessus
Si mes confrères savaient peindre ».





NGƯỜI GIẾT CỌP

Trên bức-vách có tranh lạ kiểu,
Khen thợ đâu cũng khéo vẽ-vời,
Một con cọp lớn tuyệt-vời,
Mà ra chỉ có một người giết xong.
Kẻ đứng ngắm thôi cùng tấm-tắc,
Cọp đâu qua, lập tức im mồm.
Cọp rằng: « cứ đó ta nom,
Thì ra người khỏe hơn hùm chẳng sai.
Nhưng thợ vẽ điêu-tai quá đỗi,
Bút có quyền tả dối sự đời.
Ví dầu cọp biết vẽ-vời,
Tranh này hẳn khác, cảnh thời không ngoa ».

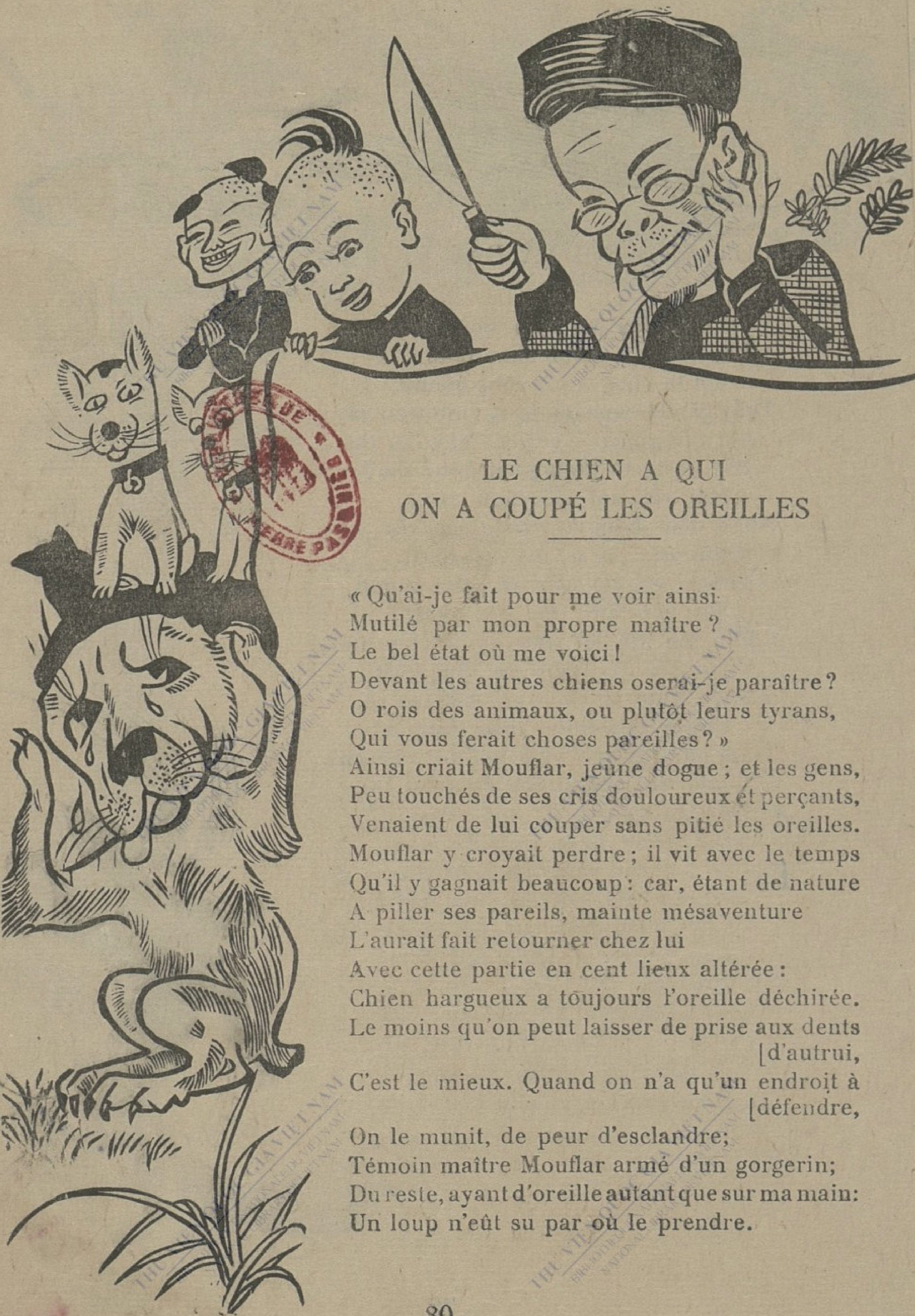
LE RENARD
ET LES POULETS D'INDE

Contre les assauts d'un renard
Un arbre à des dindons servait de citadelle.
Le perfide, ayant fait tout le tour du rempart
Et vu chacun en sentinelle,
S'écria : « Quoi! ces gens se moqueront de moi!
Eux seuls seront exempts de la commune loi!
Non, par tous les dieux! non ». Il accomplit son
[dire.
La lune, alors luisant, semblait contre le sire
Vouloir favoriser la dindonnière gent.
Lui, qui n'était novice au métier d'assiégeant,
Eut recours à son sac de ruses scélérates,
Feignit vouloir gravir, se guinda sur ses pattes,
Puis contrefit le mort, puis le ressuscité.
Arlequin n'eût exécuté
Tant de différents personnages.
Il élevait sa queue, il la faisait briller,
Et cent mille autres badinages,
Pendant quoi nul dindon n'eût osé sommeiller.
L'ennemi les lassait, en leur tenant la vue
Sur même objet toujours tendue.
Les pauvres gens étant à la longue éblouis,
Toujours il en tombait quelqu'un : autant de
[pris,
Autant de mis à part. Près de moitié succombe.
Le compagnon les porte en son garde-manger
Le trop d'attention qu'on a pour le danger
Fait le plus souvent qu'on y tombe.

CON CHÓ SÓI VÀ ĐÀN GÀ TÂY

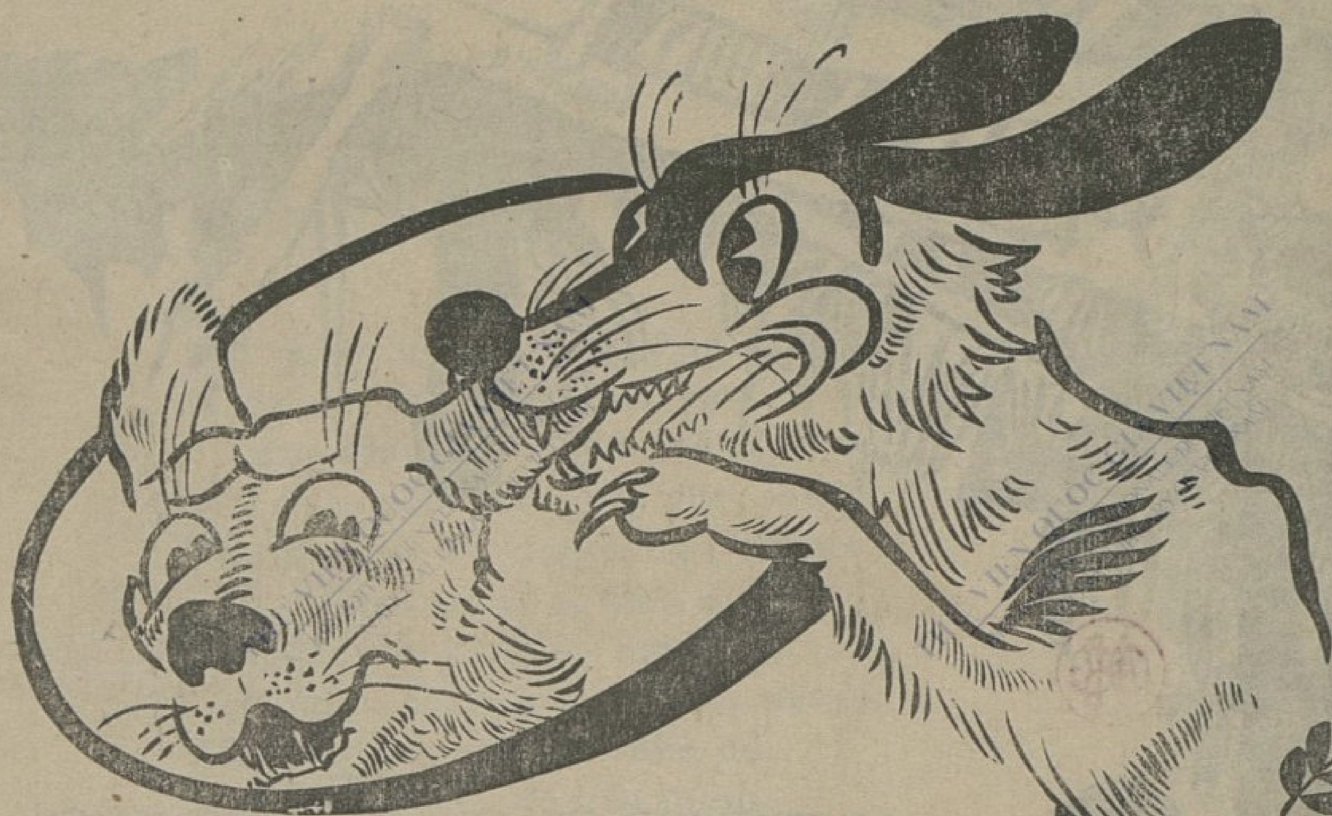
Đàn gà tây sợ mưu chó sói,
Lên cây cao chói-lọi làm thành.
Sói ta chạy lượn vòng quanh,
Thấy gà chăm-chắm đứng rình trên cây;
Sói nổi giận: — « Quân này láo thật!
Bay đứng xa không bắt được sao? »
Nói rồi sói giở mưu cao,
Nhân đêm hôm ấy trăng sao vặc trời.
Hình như vị ở nơi gà-qué;
Thách sói tài giở kế vây quanh.
Sói liền mở túi tinh-ranh:
Chồm lên rồi lại như đành chịu tho.
Đoạn rồi đến nằm co tảng chết;
Ngón phường-chèo giở hết trò ra.
Chước đâu khôn-khéo thực là!
Trăm phương nghìn kế thôi mà thiếu chi.
Trong khi sói quanh đi quẩn lại,
Thì đàn gà sợ-hãi suốt đêm.
Dẫu rằng buồn ngủ đã mềm,
Chống đôi con mắt mà xem chước gì.
Ra nhìn mãi rồi thì hóa quáng,
Té lộn nhào đâm choạng xuống sân.
Con này con khác ngã dần,
Sói tha con một để gần một bên.
Khi chồng-chất đã nên một đống,
Bấy giờ xâu đòn ống đem về.
Ở đời nên những cái nguy,
Càng săn nom lắm, nhiều khi vào tròng.





LE CHIEN A QUI
ON A COUPÉ LES OREILLES

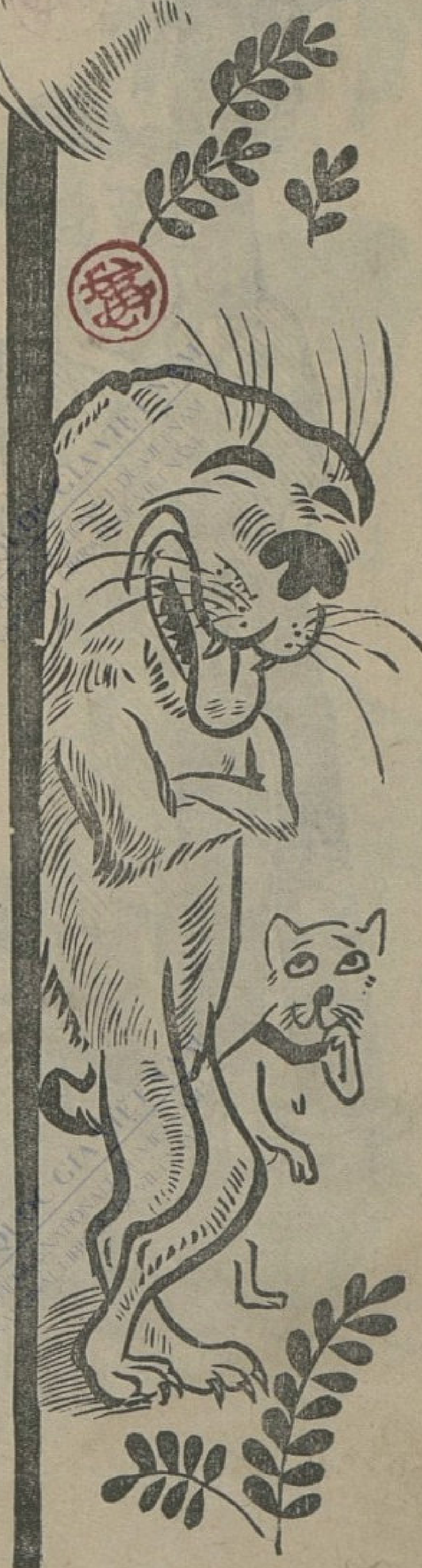
« Qu'ai-je fait pour me voir ainsi
Mutilé par mon propre maître ?
Le bel état où me voici !
Devant les autres chiens oserai-je paraître ?
O rois des animaux, ou plutôt leurs tyrans,
Qui vous ferait choses pareilles ? »
Ainsi criait Mouflar, jeune dogue ; et les gens,
Peu touchés de ses cris douloureux et perçants,
Venaient de lui couper sans pitié les oreilles.
Mouflar y croyait perdre ; il vit avec le temps
Qu'il y gagnait beaucoup : car, étant de nature
A piller ses pareils, mainte mésaventure
L'aurait fait retourner chez lui
Avec cette partie en cent lieux altérée :
Chien hargueux a toujours l'oreille déchirée.
Le moins qu'on peut laisser de prise aux dents [d'autrui,
C'est le mieux. Quand on n'a qu'un endroit à [défendre,
On le munit, de peur d'esclandre;
Témoin maître Mouflar armé d'un gorgerin;
Du reste, ayant d'oreille autant que sur ma main:
Un loup n'eût su par où le prendre.



CON CHÓ BỊ CHỦ XẺO TAI

Chẳng hay tôi có tội gì,
Mà người đem xẻo tai đi thế này?
Hình-dung trơ-trẽn, ô hay!
Mặt này thôi dám từ rầy nhìn ai?
Giống người tàn-bạo kia ơi!
Đang tay độc-địa cùng tôi làm gì?
Chó Xù kêu vậy một khi,
Thì ra chủ cắt tai đi mất rồi.
Xù kia đã tưởng thiệt-thòi,
Rồi ra mới biết cụt tai lợi nhiều.
Xưa nay Xù vốn tiếng liều,
Cướp đường để chúng chạy theo đuổi cùng;
Hai tai thường rách tứ-tung,
Hay gì cái bướu lòng-thòng đôi bên,
Ở đời là chốn cạnh-chen,
Nơi nào dễ nắm không nên để thừa.
Chỗ nguy đừng có hở cơ,

Mấy câu sau tưởng không cần phải dịch. Vả ông LA FONTAINE *lại lầm: chó rừng thường vồ chó đồng ở cổ, không vồ ở tai,*



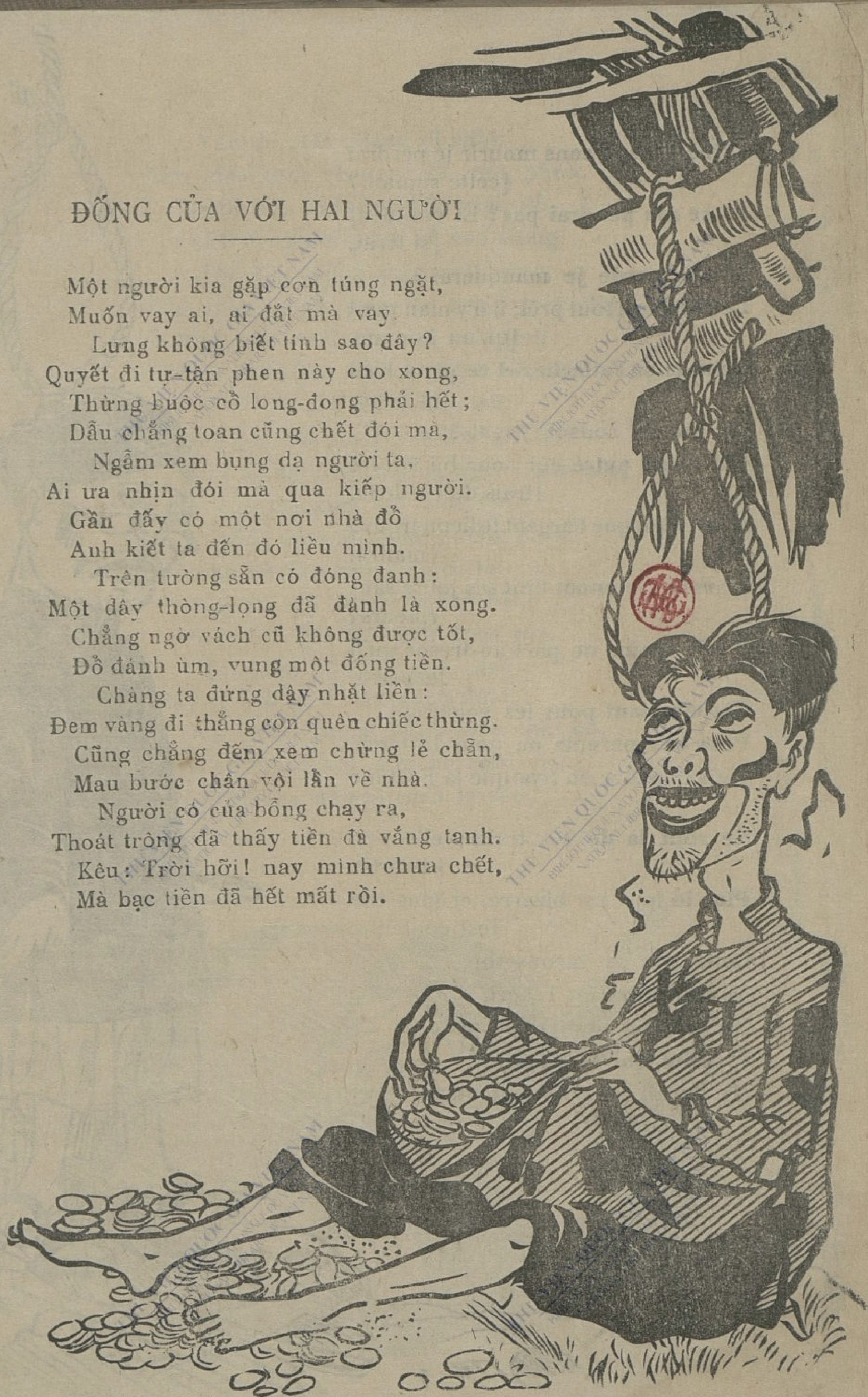


LE TRÉSOR ET LES DEUX HOMMES

Un homme n'ayant plus ni crédit ni ressource,
Et logeant le diable en sa bourse,
C'est-à-dire n'y logeant rien,
S'imagina qu'il ferait bien
De se pendre et finir lui-même sa misère,
Puisqu'aussi bien sans lui la faim le viendrait
[faire:
Genre de mort qui ne duit pas
A gens peu curieux de goûter le trépas.
Dans cette intention, une vieille masure
Fut la scène où devait se passer l'aventure.
Il y porte une corde, et veut avec un clou
Au haut d'un certain mur attacher le licou.
La muraille, vieille et peu forte,
S'ébranle aux premiers coups, tombe avec un
[trésor.
Notre désespéré le ramasse et l'emporte,
Laisse là le licou, s'en retourne avec l'or,
Sans compter : ronde ou non, la somme plut
[au sire.
Tandis que le galant à grands pas se retire,
L'homme au trésor arrive et trouve son argent
Absent.

ĐỐNG CỦA VỚI HAI NGƯỜI

Một người kia gặp cơn túng ngặt,
Muốn vay ai, ai đắt mà vay.
Lưng không biết tính sao đây?
Quyết đi tự-tận phen này cho xong,
Thừng buộc cổ long-đong phải hết;
Dẫu chẳng toan cũng chết đói mà,
Ngẫm xem bụng dạ người ta,
Ai ưa nhịn đói mà qua kiếp người.
Gần đấy có một nơi nhà đổ
Anh kiết ta đến đó liều mình.
Trên tường sẵn có đóng đanh:
Một dây thòng-lọng đã đành là xong.
Chẳng ngờ vách cũ không được tốt,
Đổ đánh ùm, vung một đống tiền.
Chàng ta đứng dậy nhặt liền:
Đem vàng đi thẳng còn quên chiếc thừng.
Cũng chẳng đếm xem chừng lẻ chẵn,
Mau bước chân vội lẫn về nhà.
Người có của bỗng chạy ra,
Thoát trông đã thấy tiền đà vắng tanh.
Kêu: Trời hỡi! nay mình chưa chết,
Mà bạc tiền đã hết mất rồi.



« Quoi! dit-il, sans mourir je perdrai
[cette somme?
Je ne me pendrai pas? Et vraiment
[si ferai,
Ou de corde je manquerai ».
Le lacs était tout prêt; il n'y manquait
[qu'un homme.
Celui-ci se l'attache, et se pend bien
[et beau.
Ce qui le consola peut-être
Fut qu'un autre eût pour lui fait les
[frais du cordeau.
Aussi bien que l'argent le licou trouva
[maître.
L'avare rarement finit ses jours sans
(pleurs;
Il a le moins de part au trésor qu'il
[enserre,
Thésaurisant pour les voleurs,
Pour ses parents ou pour la terre.
Mais que dire du troc que la Fortune
[fit?
Ce sont là de ses traits; elle s'en
[divertit.
Plus le tour est bizarre, et plus elle
[est contente.
Cette déesse inconstante
Se mit alors en l'esprit
De voir un homme se pendre;
Et celui qui se pendit
S'y devait le moins attendre.

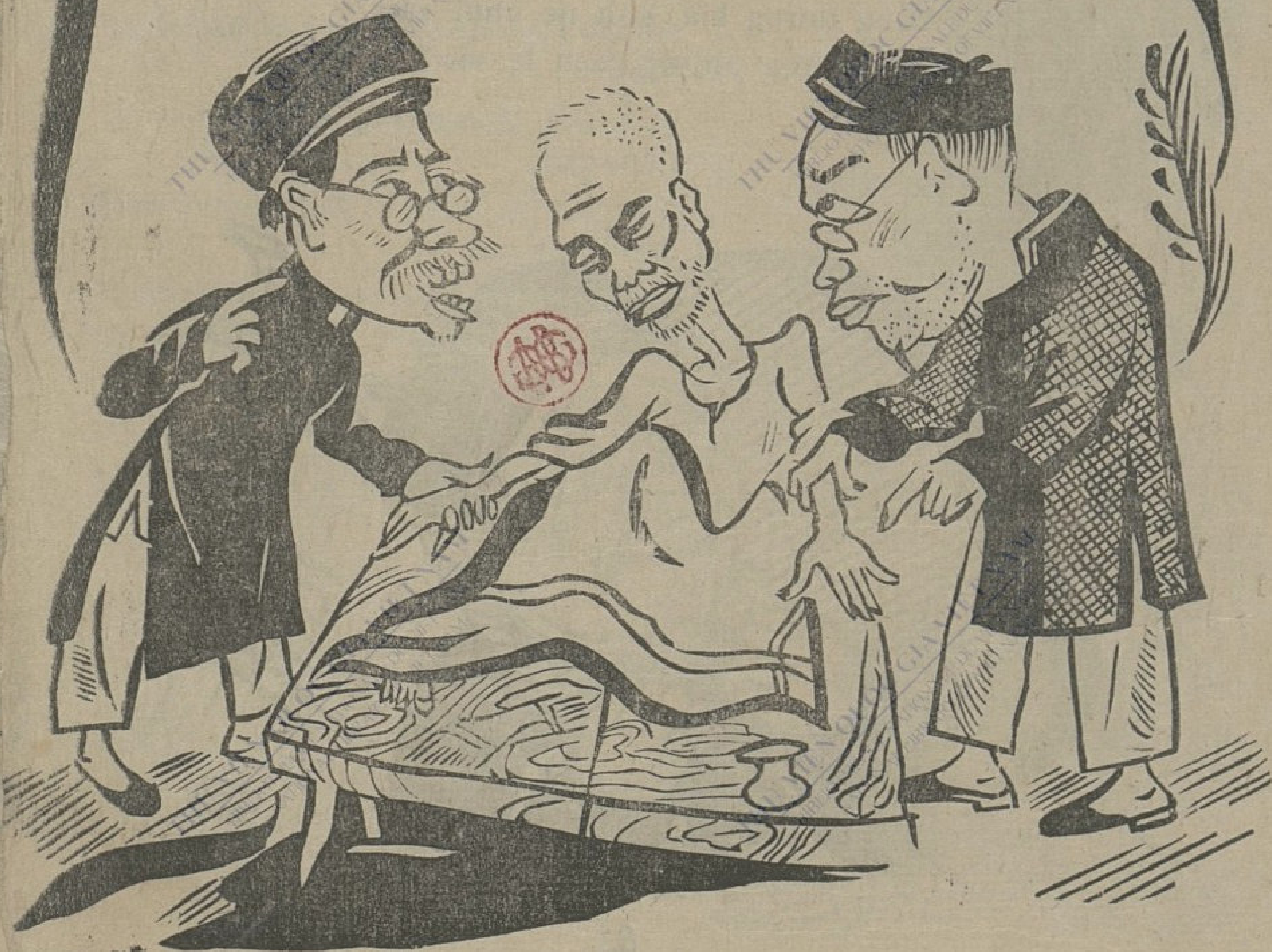


Vậy thì chết quách đi thôi,
Dây đâu thắt cổ cho rồi một phen.
Thừng còn sẵn treo trên vách đổ,
Chỉ thiếu người chui cổ vào trong
Thò đầu chàng quấn một vòng,
Chỉ trong giây phút là xong một đời.
Nực cười chết đến nơi còn tính:
Tiền mua dây người ghính đỡ cho.
Ông trời sao khéo bày trò,
Thừng kia của nọ chéo-cho lạ đời.
Thương hại thay những người bủn-xỉn,
Có của mà giấu kín một nơi;
Chẳng dám ăn, chẳng dám chơi,
Để cho kẻ cắp hoặc người họ xa;
Cũng có khi người ta lấy hết;
Hoặc đất đen giữ diệt dưới sâu.
Tài-thần bỡn-cợt lắm câu;
Bày ra trò lạ ở đâu ghẹo đời!
Ông muốn khiến một người thắt cổ,
Bỗng thừng kia, anh nọ chui vào,
Ông đùa những cách lạ sao?



LES MÉDECINS

Le médecin Tant-pis allait voir un malade,
Que visitait aussi son confrère Tant-mieux.
Ce dernier espérait, quoique son camarade
Soutînt que le gisant irait voir ses aïeux.
Tous deux s'étant trouvés différents pour la
[cure,
Leur malade paya le tribut à nature,
Après qu'en ses conseils Tant-pis eut été cru.
Ils triomphaient encor sur cette maladie.
L'un disait : « Il est mort, je l'avais bien prévu.
— S'il m'eût cru, disait l'autre, il serait plein
[de vie »



CÁC THÀY LANG

Thầy lang *Lắc* đến thăm người
[ốm,
Thầy *Gật* kia hàng xóm cũng sang.
Gật rằng :
— Bệnh cũng tầm-thường.
Lắc rằng :
— Người ốm thiên-đường sắp lên.
Việc thang thuốc mỗi bên một trái,
Để người đau đến phải qua đời.
Lắc ta quả đã như lời,
Hai thầy vẫn tấc đến trời lên câu.
Bên rằng : có sai đâu, đã bảo !
Bên rằng: theo thuốc lão) can gì ?





CONSEIL TENU PAR LES RATS

Un chat nommé Rodilardus,
Faisait des rats telle déconfiture
Que l'on n'en voyait presque plus,
Tant il en avait mis dedans la sépul-
[ture.
Le peu qu'il en restait, n'osant quitter
[son trou,
Ne trouvait à manger que le quart
[de son soûl;
Et Rodilard passait, chez la gent mi-
[sérable,
Non, pour un chat, mais pour un
[diable.
Or, un jour qu'au haut et au loin
Le galant alla chercher femme,
Pendant tout le sabbat qu'il fit avec
[sa dame,
Le demeurant des rats tint chapitre
[en un coin
Sur la nécessité présente.
Dès l'abord leur doyen, personne
[fort prudente,
Opina qu'il fallait, et plus tôt que
[plus tard

HỘI ĐỒNG CHUỘT

Một con mèo tên là Trạng-Mỡ,
Bắt chuột nhiều long-lở hầm hang.
Mèo đâu dữ-dội lạ dường!
Để cho đến nỗi sạch quang trong
[ngoài.
Họa còn sót một hai chú lỏi,
Đố dám thò ra khỏi cửa hang.
Chú nào cũng đói họng gang,
Trông thấy Trạng-Mỡ coi dường yêu-
[tinh.
May được buổi tiên-sinh chạy gái,
Chốn cao xa trên mái nhà người.
Chuột thừa được lúc thảnh-thơi,
Họp nhau bàn việc kim-thời nguy-
[nan,
Chú chuột già ra bàn ngay trước:
— Liệu mau mau trong bước
{hiểm-nghèo,

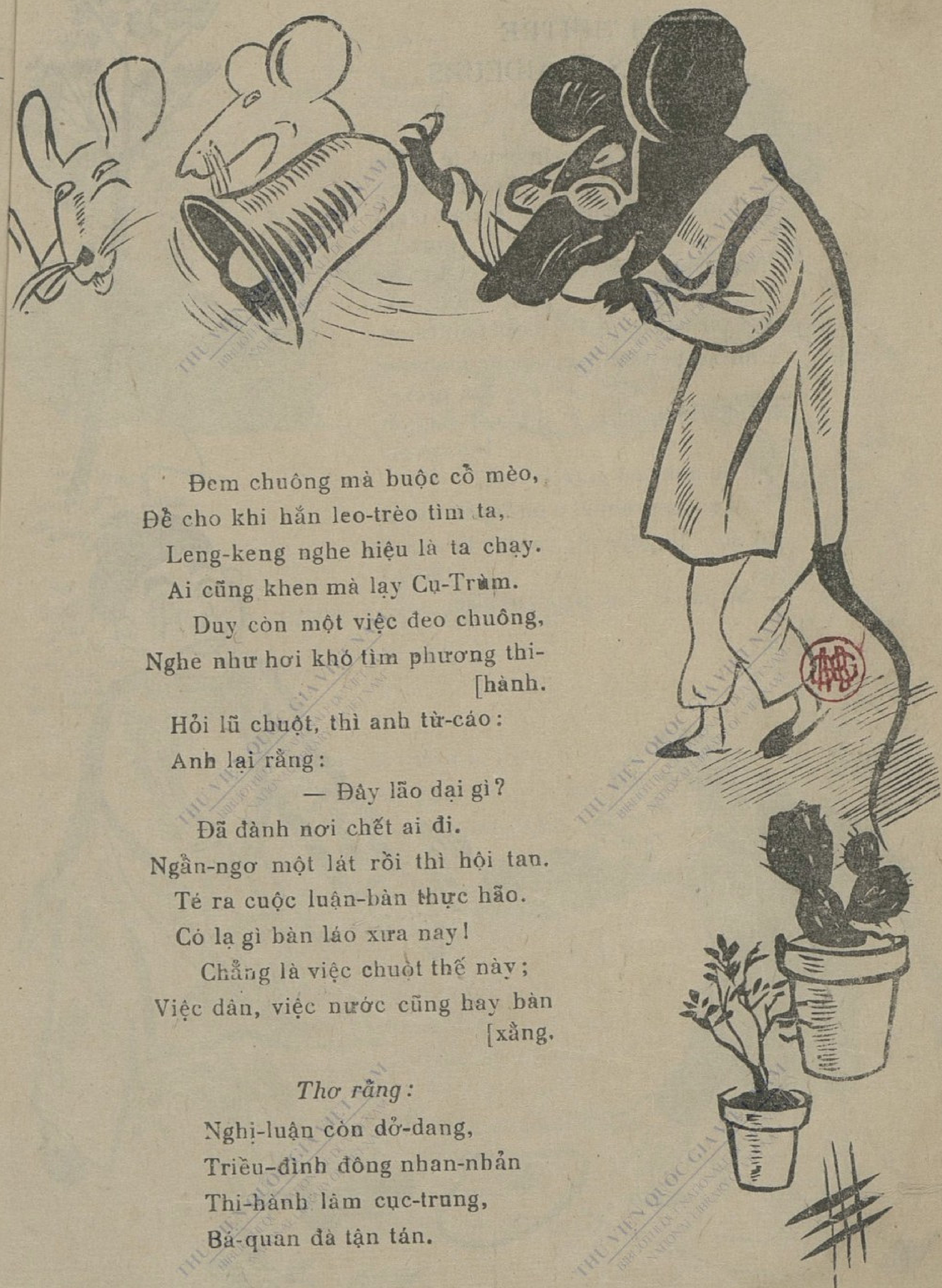








Attacher un grelot au cou de Rodilard;
Qu'ainsi, quand il irait en guerre,
De sa marche avertis, ils s'enfui-
[raient sous terre;
Qu'il n'y savait que ce moyen.
Chacun fut de l'avis de monsieur le
[doyen:
Chose ne leur parut à tous plus salu-
[taire.
La difficulté fut d'attacher le grelot.
L'un dit : « Je n'y vas point, je ne suis
[pas si sot »;
L'autre: « Je ne saurais ». Si bien que
[sans rien faire
On se quitta. J'ai maints chapitres
[vus,
Qui pour néant se sont ainsi tenus;
Chapitres non de rats, mais chapitres
[de moines,
Voire chapitre de chanoines.
Ne faut-il que délibérer,
La cour en conseillers foisonne;
Est-il besoin d'exécuter,
L'on ne rencontre plus personne.



Đem chuông mà buộc cổ mèo,
Để cho khi hắn leo-trèo tìm ta,
Leng-keng nghe hiệu là ta chạy.
Ai cũng khen mà lạy Cụ-Trùm.
Duy còn một việc đeo chuông,
Nghe như hơi khó tìm phương thi-[hành.
Hỏi lũ chuột, thì anh từ-cáo:
Anh lại rằng:
— Đây lão dại gì?
Đã đành nơi chết ai đi.
Ngẩn-ngơ một lát rồi thì hội tan.
Té ra cuộc luận-bàn thực hão.
Có lạ gì bàn láo xưa nay!
Chẳng là việc chuột thế này;
Việc dân, việc nước cũng hay bàn [xằng.

Thơ rằng:

Nghị-luận còn dở-dang,
Triều-đình đông nhan-nhản
Thi-hành lâm cục-trung,
Bá-quan đà tận tán.

L'HUITRE
ET LES PLAIDEURS

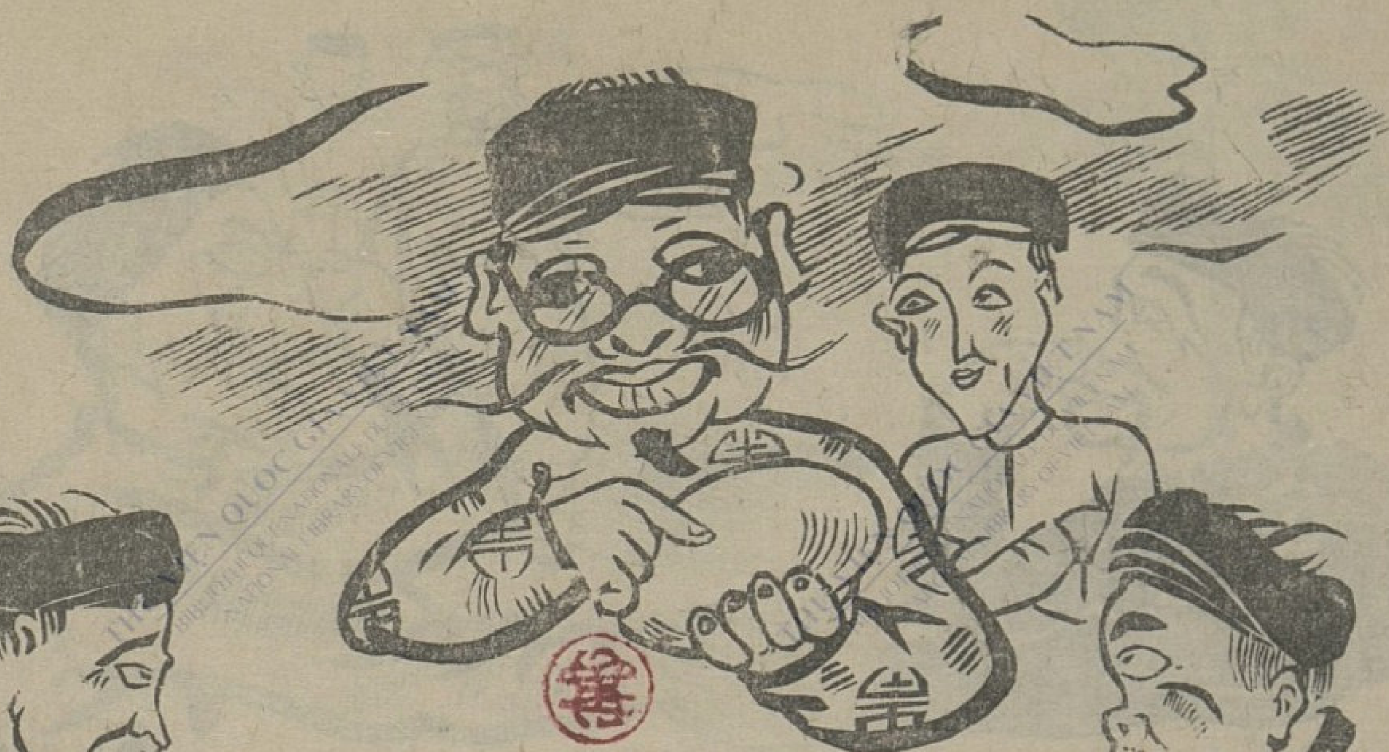
Un jour deux pèlerins sur le sable
[rencontrent
Une huître que le flot y venait d'ap-
[porter :
Ils l'avalent des yeux, du doigt ils se
[la montrent ;
A l'égard de la dent, il fallut contester.
L'un se baissait déjà pour amasser
la proie ;
L'autre le pousse, et dit : « Il est bon
[de savoir
Qui de nous en aura la joie.
Celui qui le premier a pu l'apercevoir
En sera le gobeur ; l'autre le verra
[faire
— Si par là l'on juge l'affaire,





HAI NGƯỜI TRANH NHAU CON SÒ

Hai người đi trẩy hội chùa,
Qua nơi bãi cát, gặp sò nổi lên.
Tay cùng trỏ, mắt cùng nhìn,
Mồm cùng muốn lắm cùng vin lý già.
Người cúi nhặt, kẻ liền la:
— Khoan, khoan! Hãy hỏi ai là đáng [ăn?
Cứ theo như lẽ công-bằng,
Ai mà thấy trước thì ăn đỡ thèm,
Người kia phải đứng mà xem.
Đáp rằng:
— Nếu vậy mà nên công-bình,
Nhờ trời tôi mắt cũng tinh.
Cãi rằng:
— Mắt tớ còn nhanh gấp mười,







Reprit son compagnon, j'ai l'œil bon,
[Dieu merci.
— Je ne l'ai pas mauvais aussi,
Dit l'autre, et je l'ai vue avant vous,
[sur ma vie.
— Eh bien, vous l'avez vue, et moi,
[je l'ai sentie ».
Pendant tout ce bel incident,
Perrin Dandin arrive : ils le prennent
[pour juge.
Perrin fort gravement ouvre l'huître
[et la gruge,
Nos deux messieurs le regardant.
Ce repas fait, il dit d'un ton de pré-
[sident :
« Tenez, la Cour vous donne à chacun
[une écaille,
Sans dépens ; et qu'en paix chacun
[chez soi s'en aille ».
Mettez ce qu'il en coûte à plaider
[aujourd'hui ;
Comptez ce qu'il en reste à beaucoup
[de familles :
Vous verrez que Perrin tire l'argent
[à lui,
Et ne laisse aux plaideurs que le sac
[et les quilles.





Tớ thề tớ thấy trước rồi.
— Nhưng mà tao ngửi thấy mùi đã [lâu! »
Trong khi cãi-cọ cùng nhau.
Xẩy Quan Án nọ đi đâu qua đường.
Đôi bên đem chuyện thân tường,
Xin quan phân-xử đôi đường trắng [đen.
Cầm sò quan đứng quan nhìn,
Tách đôi mảnh vỏ hút liền ruột [trong.
Khi quan vừa nuốt trôi xong,
Ngài bèn lên giọng Bao-công phán [truyền:
Xử cho bên bị bên nguyên,
Quân-phân đôi vỏ, hai bên xử hòa,
Còn tiền phi-tổn thì tha.

Thơ rằng:

Kiện-tụng xưa nay tốn kém to,
Chẳng qua đục nước chỉ nuôi cò,
Mới hay gan ruột quan moi hết,
Trơ lại còn đôi cái vỏ sò!

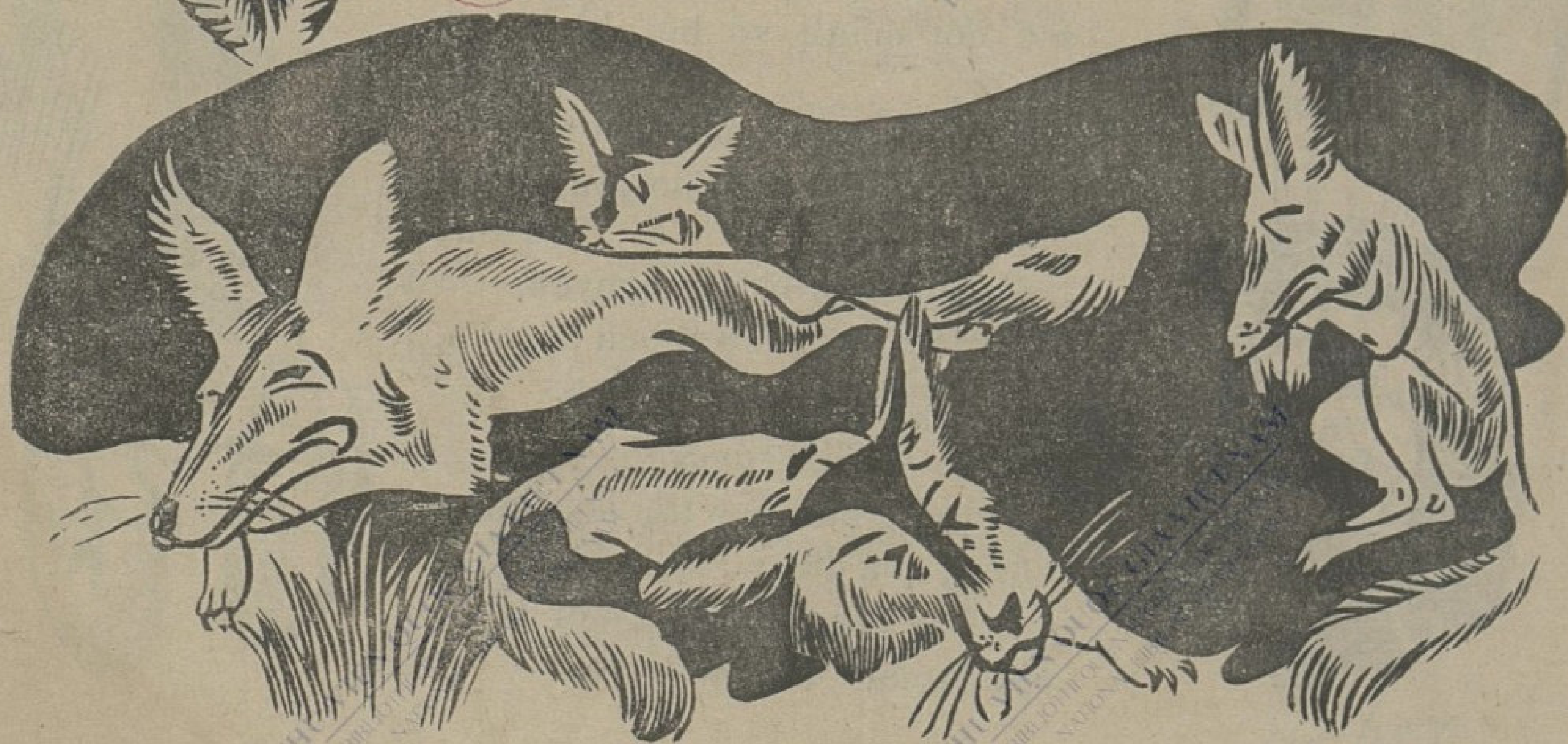




LES ANIMAUX MALADES DE LA PESTE



Un mal qui répand la terreur,
Mal que le Ciel en sa fureur
Inventa pour punir les crimes de la terre,
La peste (puisqu'il faut l'appeler par son
[nom),
Capable d'enrichir en un jour l'Achéron,
Faisait aux animaux la guerre.
Ils ne mouraient pas tous, mais tous
[étaient frappés:
On n'en voyait point d'occupés
A chercher le soutien d'une mourante vie;
Nul mets n'excitait leur envie
Ni loups ni renards n'épiaient
La douce et l'innocente proie.
Les tourterelles se fuyaient;
Plus d'amour, partant plus de joie.
Le lion tint conseil, et dit: «Mes chers
[amis,
Je crois que le Ciel a permis
Pour nos péchés cette infortune.

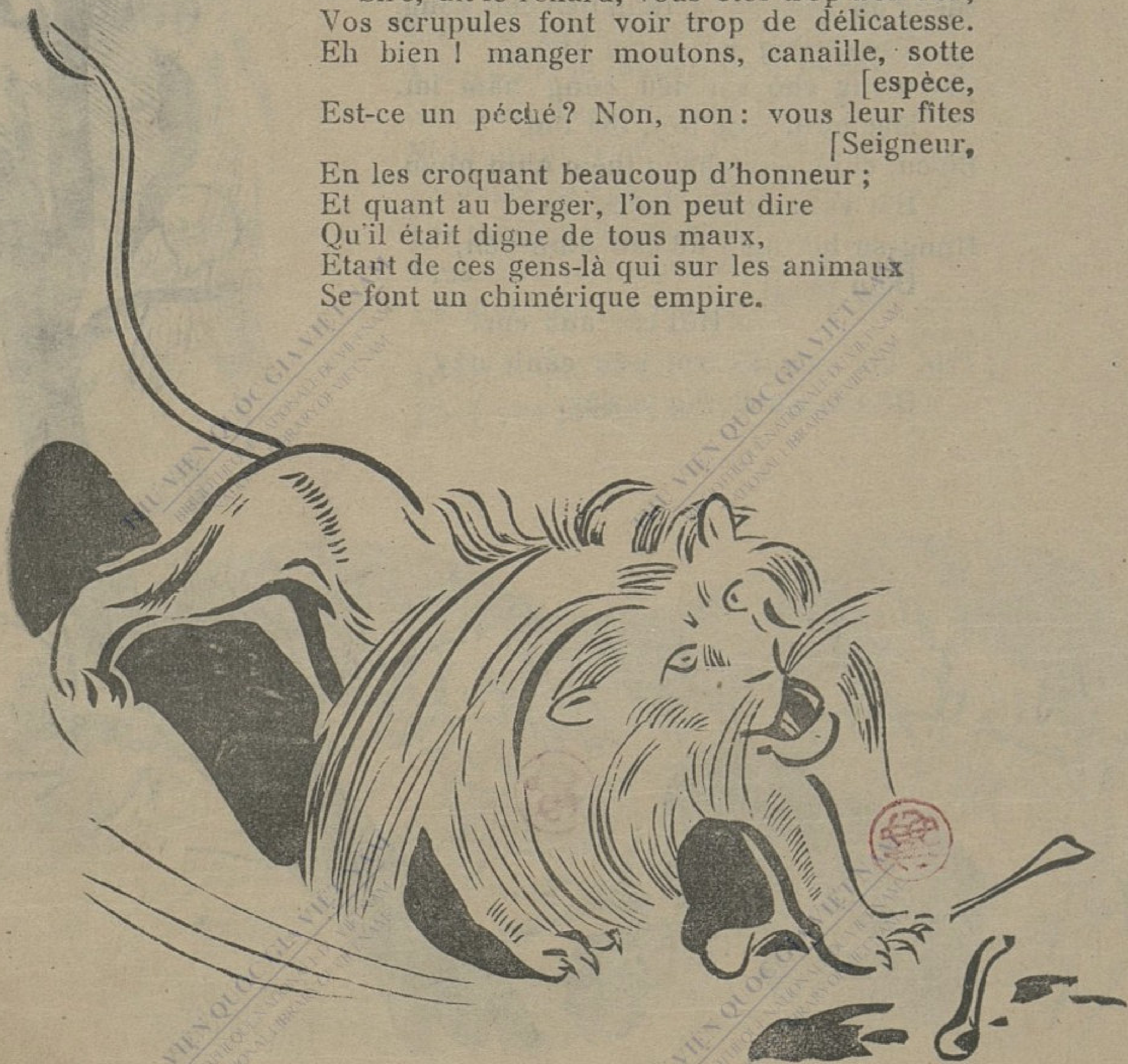


CÁC LOÀI VẬT
PHẢI BỆNH DỊCH-HẠCH

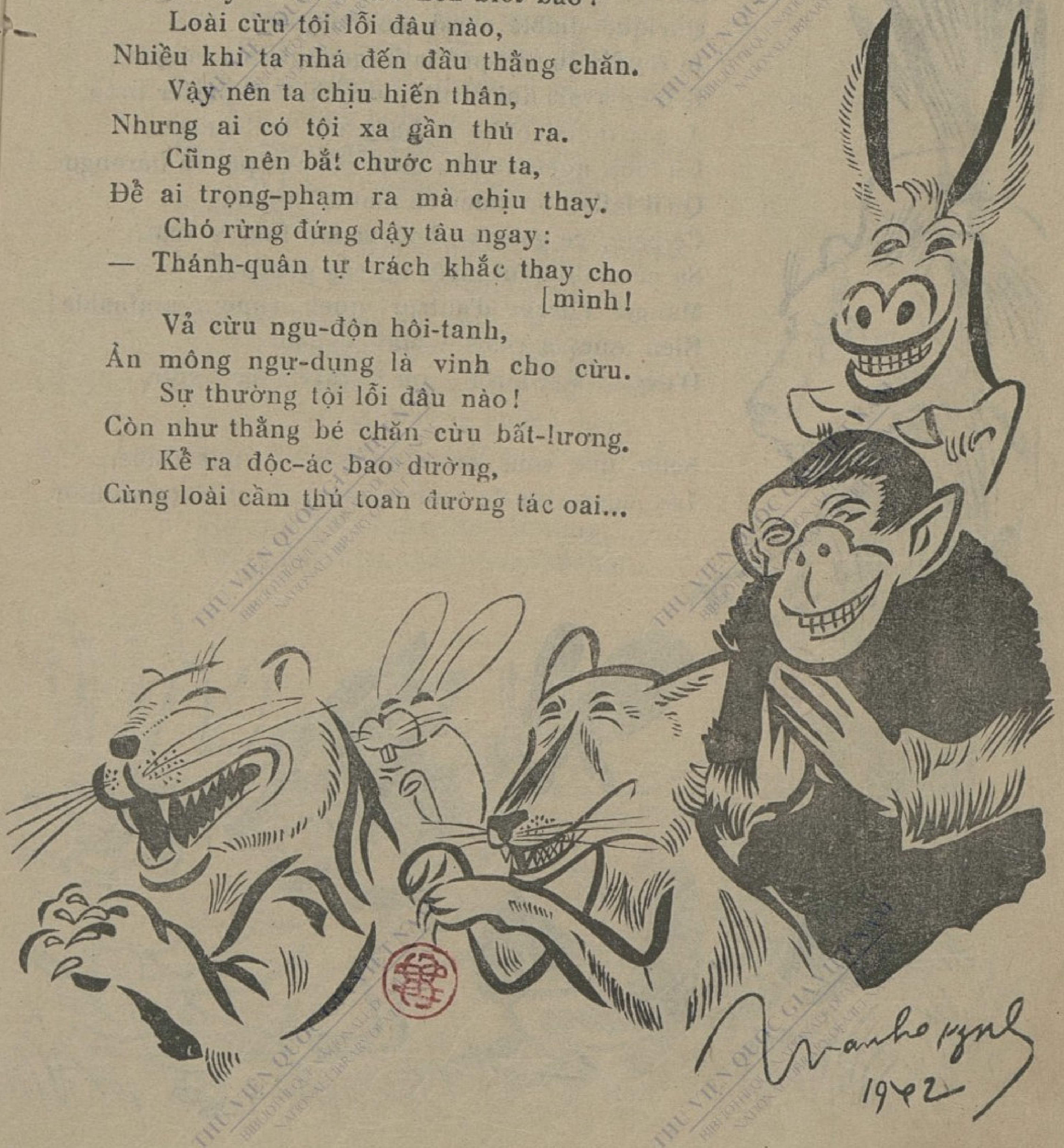
Có một bệnh ai là chẳng khiếp,
Hẳn ông Trời điên tiết bày ra.
Để răn thế-giới gian-tà,
Chính danh dịch-hạch (lựa là kiêng tên).
Một ngày chậtních Hoàng-tuyền,
Phải khi trái tiết, bệnh truyền súc-sinh.
Giống nào giống ấy hãi kinh,
Chết không khắp lượt, linh-tinh phải đều.
Xem ra cảnh-tượng tiêu-điều,
Biếng ăn nhác uống, thân liều cho xong.
Cao-lương mỹ-vị coi không,
Chó rừng chó sói đều cùng nằm im.
Mặc cừu, mặc lợn, tha tìm.
Bồ-cu, chim gáy chẳng thèm nhìn nhau.
Hết vui ra cảnh buồn rầu.
Hùng-sư hội-nghị để cầu bình-yên,
Diễn rằng:
— Hỡi các anh em!
Trời kia nay đã xui nên cảnh này
Để răn tội chúng ta đây,



Que le plus coupable de nous
Se sacrifie aux traits du céleste courroux ;
Peut-être il obtiendra la guérison commune.
L'histoire nous apprend qu'en de tels accidents,
On fait de pareils dévouements.
Ne nous flattons donc point; voyons sans indul-
L'état de notre conscience. [gence
Pour moi, satisfaisant mes appétits gloutons,
J'ai dévoré force moutons,
Que m'avaient-ils fait? Nulle offense ;
Même il m'est arrivé quelquefois de manger
Le berger.
Je me dévouerai donc, s'il le faut, mais je pense
Qu'il est bon que chacun s'accuse ainsi que
[moi :
Car on doit souhaiter, selon toute justice,
Que le plus coupable périsse.
— Sire, dit le renard, vous êtes trop bon roi ;
Vos scrupules font voir trop de délicatesse.
Eh bien ! manger moutons, canaille, sotte
[espèce,
Est-ce un péché? Non, non: vous leur fîtes
[Seigneur,
En les croquant beaucoup d'honneur ;
Et quant au berger, l'on peut dire
Qu'il était digne de tous maux,
Etant de ces gens-là qui sur les animaux
Se font un chimérique empire.



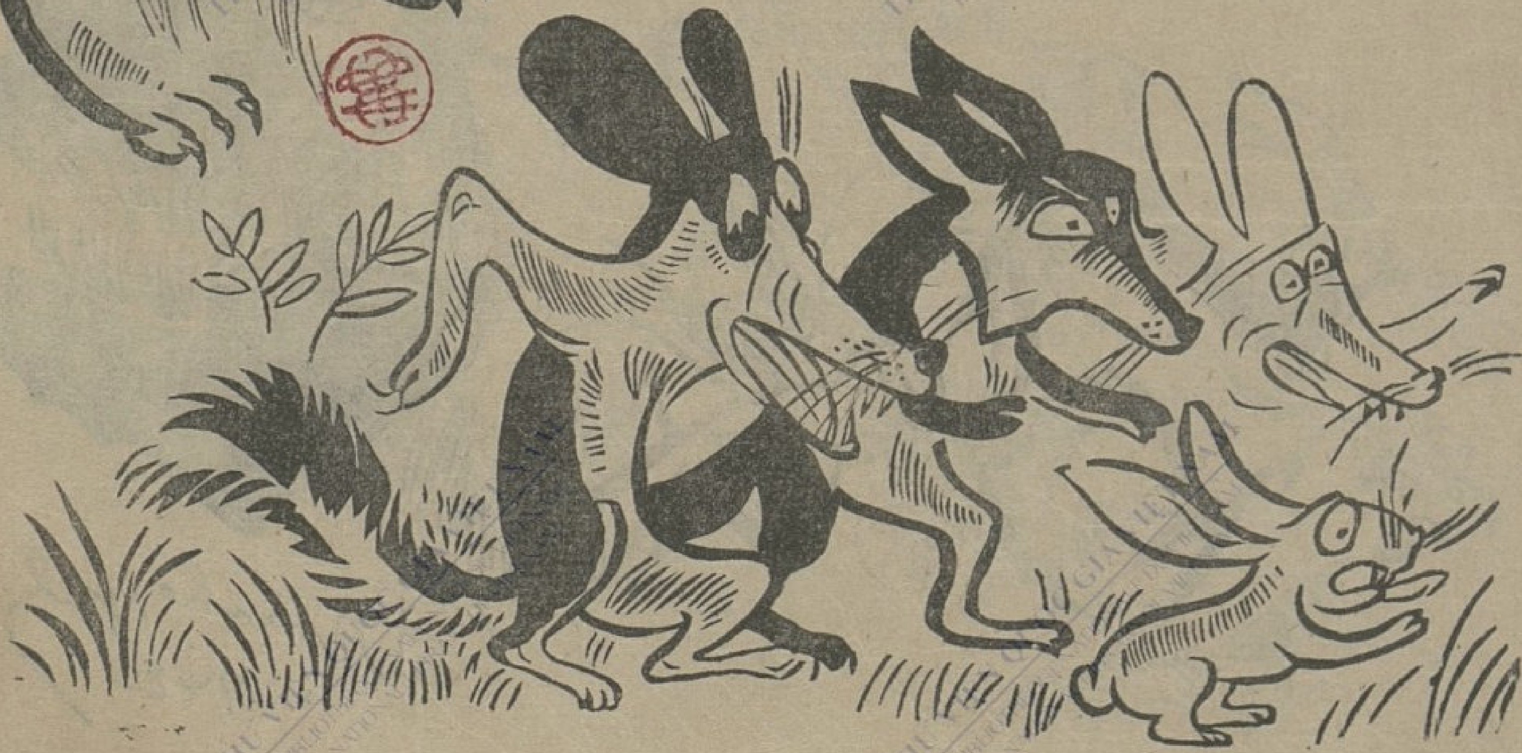
Vậy nên cứu xét ai hay làm càn.
Phải ra mà chịu lấy nàn,
Họa may cứu được cho an các loài.
Xem trong lịch-sử xưa nay,
Cầu qua nạn chúng, kẻ hay dâng mình.
Tội ta, ta xét cho minh,
Vấn tâm ta thử thực-tình một phen,
Như ta tham thực nết quen,
Mồm này đã nhá cừu hèn biết bao?
Loài cừu tội lỗi đâu nào,
Nhiều khi ta nhá đến đầu thằng chăn.
Vậy nên ta chịu hiến thân,
Nhưng ai có tội xa gần thú ra.
Cũng nên bắt chước như ta,
Để ai trọng-phạm ra mà chịu thay.
Chó rừng đứng dậy tâu ngay:
— Thánh-quân tự trách khắc thay cho [mình!
Vả cừu ngu-độn hôi-tanh,
Ăn mông ngự-dụng là vinh cho cừu.
Sự thường tội lỗi đâu nào!
Còn như thằng bé chăn cừu bất-lương.
Kể ra độc-ác bao đường,
Cùng loài cầm thú toan đường tác oai...





Ainsi dit le renard, et flatteurs d'applaudir.
On n'osa trop approfondir
Du tigre, ni de l'ours, ni des autres puissances,
Les moins pardonnables offenses.
Tous les gens querelleurs, jusqu'aux simples mâtins,
Au dire de chacun étaient de petits saints.
L'âne vint à son tour et dit : « J'ai souvenance
Qu'en un pré de moines passant,
La faim, l'occasion, l'herbe tendre, et je pense,
Quelque diable aussi me poussant,
Je tondis sur ce pré la largeur de ma langue.
Je n'en avais nul droit, puisqu'il faut parler net ».
A ces mots, on cria haro sur le baudet.
Un loup quelque peu clerc prouva par sa harangue
Qu'il fallait dévouer ce maudit animal,
Ce pelé, ce galeux, d'où venait tout le mal.
Sa peccadille fut jugée un cas pendable.
Manger l'herbe d'autrui ! quel crime abominable !
Rien que la mort n'était capable
D'expier son forfait : on le lui fit bien voir.

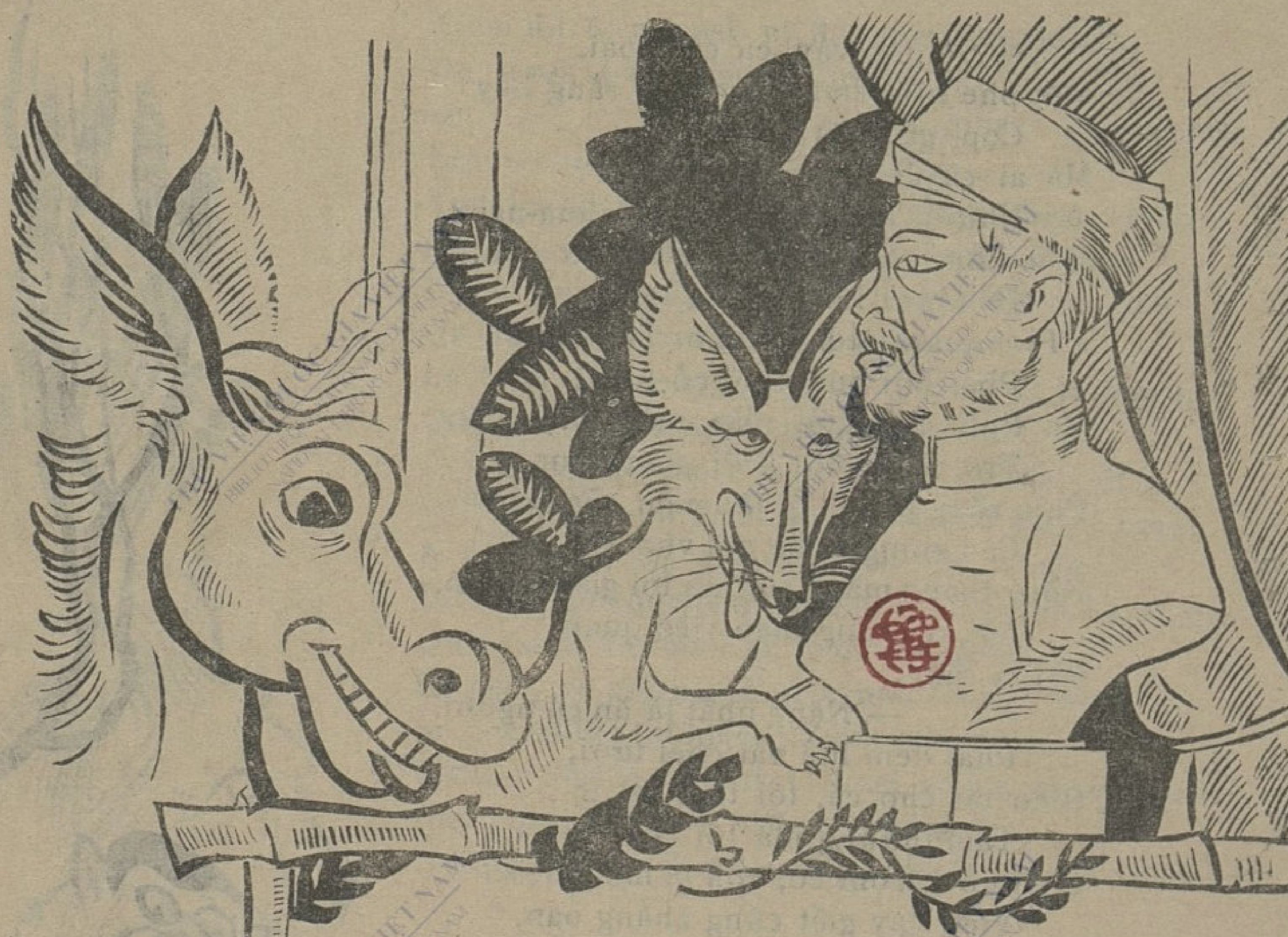
Selon que vous serez puissant ou misérable,
Les jugements de cour vous rendront blanc ou noir.



— Sói tâu vậy, cả các loài,
Một phe nịnh-hót khen hoài rằng hay
Cọp, gấu, dữ ác nào tày,
Mà ai có dám đem bày tỏ ra?
Những loài bặng-nhặng chua-ngoa.
Đến như chú Cầu cũng là bụt con.
Đến lượt lừa thú tội luôn:
« Trót qua một bãi cỏ non của người.
Phải khi bụng đói cỏ tươi;
Ma tinh giun-giủi như mời miệng ăn.
Trót đưa một lưỡi gian-tham,
Chịu rằng phạm lỗi tham ăn của người»,
Các giống nghe nói vừa rồi,
Đồng-thanh mắng mỏ lừa tồi gian-ngoan.
Sói kia cũng thạo việc quan,
Phỉnh rằng:
— Nặng nhất là ăn cỏ người.
Phải đem lừa vật chết tươi,
Gieo tai cho cả, tội thời tại mi.
Tầm thường mà tội lăng-trì,
Chết nỗ ! trộm cỏ, còn gì nặng hơn!
Việc này giết cũng chẳng oan,
Liền đem hành-hạ một cơn chết lừa,

Thế mới biết kiện thưa tố-tụng,
Trắng hay đen, thôi cũng thế-thần.

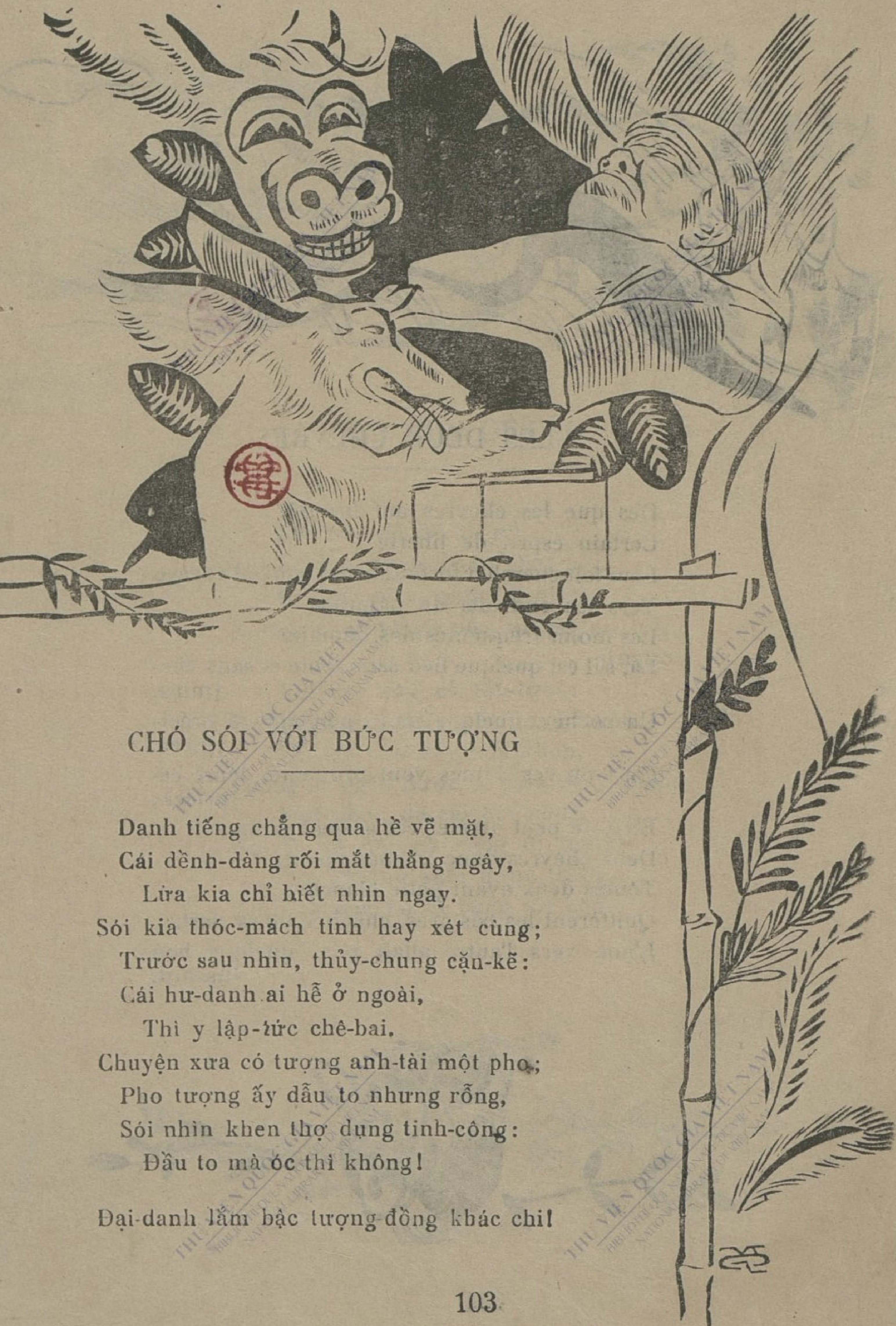




LE RENARD ET LE BUSTE

Les grands, pour la plupart, sont masques de
[théâtre;
Leur apparence impose au vulgaire idolâtre.
L'âne n'en sait juger que par ce qu'il en voit;
Le renard, au contraire, à fond les examine,
Les tourne de tous sens; et, quand il s'aperçoit
Que leur fait n'est que bonne mine,
Il leur applique un mot qu'un buste de héros
Lui fit dire fort à propos.
C'était un buste creux, et plus grand que na-
[ture.
Le renard, en louant l'effort de la sculpture:
« Belle tête, dit-il, mais de cervelle point ».

Combien de grands seigneurs sont bustes en
[ce point!



CHÓ SÓI VỚI BỨC TƯỢNG

Danh tiếng chẳng qua hề vẽ mặt,
Cái dềnh-dàng rối mắt thẳng ngây,
Lừa kia chỉ biết nhìn ngay.
Sói kia thóc-mách tính hay xét cùng;
Trước sau nhìn, thủy-chung cặn-kẽ:
Cái hư-danh ai hễ ở ngoài,
Thì y lập-tức chê-bai.
Chuyện xưa có tượng anh-tài một pho;
Pho tượng ấy dầu to nhưng rỗng,
Sói nhìn khen thợ dụng tinh-công:
Đầu to mà óc thì không!

Đại-danh lắm bậc tượng đồng khác chi!



LES DEUX CHÈVRES

Dès que les chèvres ont brouté,
Certain esprit de liberté
Leur fait chercher fortune : elles vont en voyage
Vers les endroits du pâturage
Les moins fréquentés des humains.
Là, s'il est quelque lieu sans route et sans che-
[mins,
Un rocher, quelque mont pendant en préci-
[pices,
C'est où ces dames vont promener leurs ca-
[prices ;
Rien ne peut arrêter cet animal grimpant.
Deux chèvres donc, s'émancipant,
Toutes deux ayant patte blanche,
Quittèrent les bas prés, chacune de sa part :
L'une vers l'autre allait pour quelque bon
[hasard.



HAI CON DÊ-CÁI

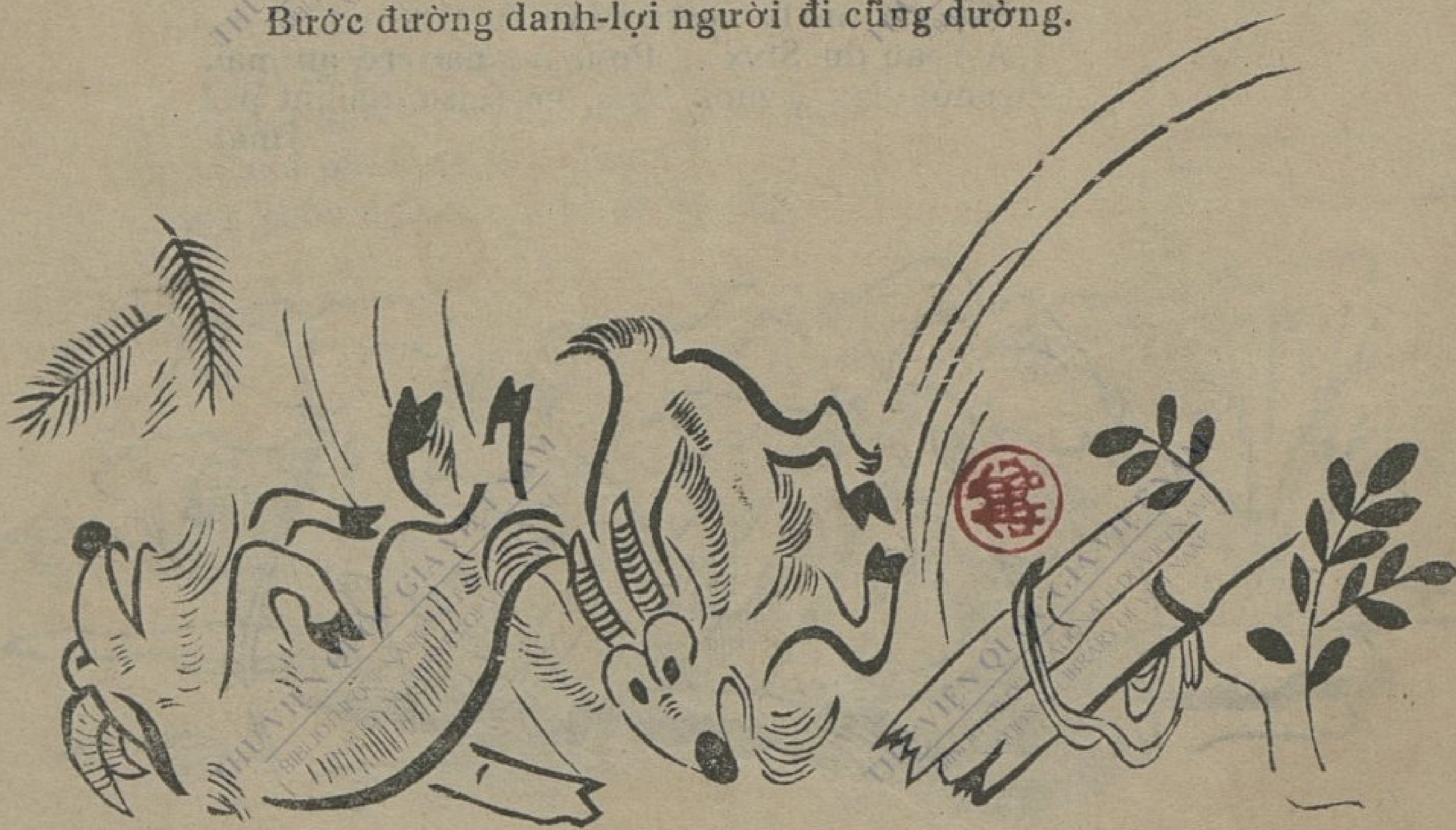
Khi nào dê đã ăn no,
Thì dê hay thích tự-do chơi bời.
Đi tìm những chốn xa-khơi,
Những vùng khuất nẻo, những nơi vắng [người,
Núi cao cây cỏ tốt-tươi;
Dưới khe sâu thẳm, đá đôi ba hòn.
Các cô đến đấy nhảy bon,
Chẳng ai ngăn được dê non chạy quàng.
Một hôm, dê cái hai nàng,
No-nê bỏ nội cỏ vàng đi dong.
Hai bên bờ suối nước trong,
Tình-cờ đâu lại đi cùng tới bên.

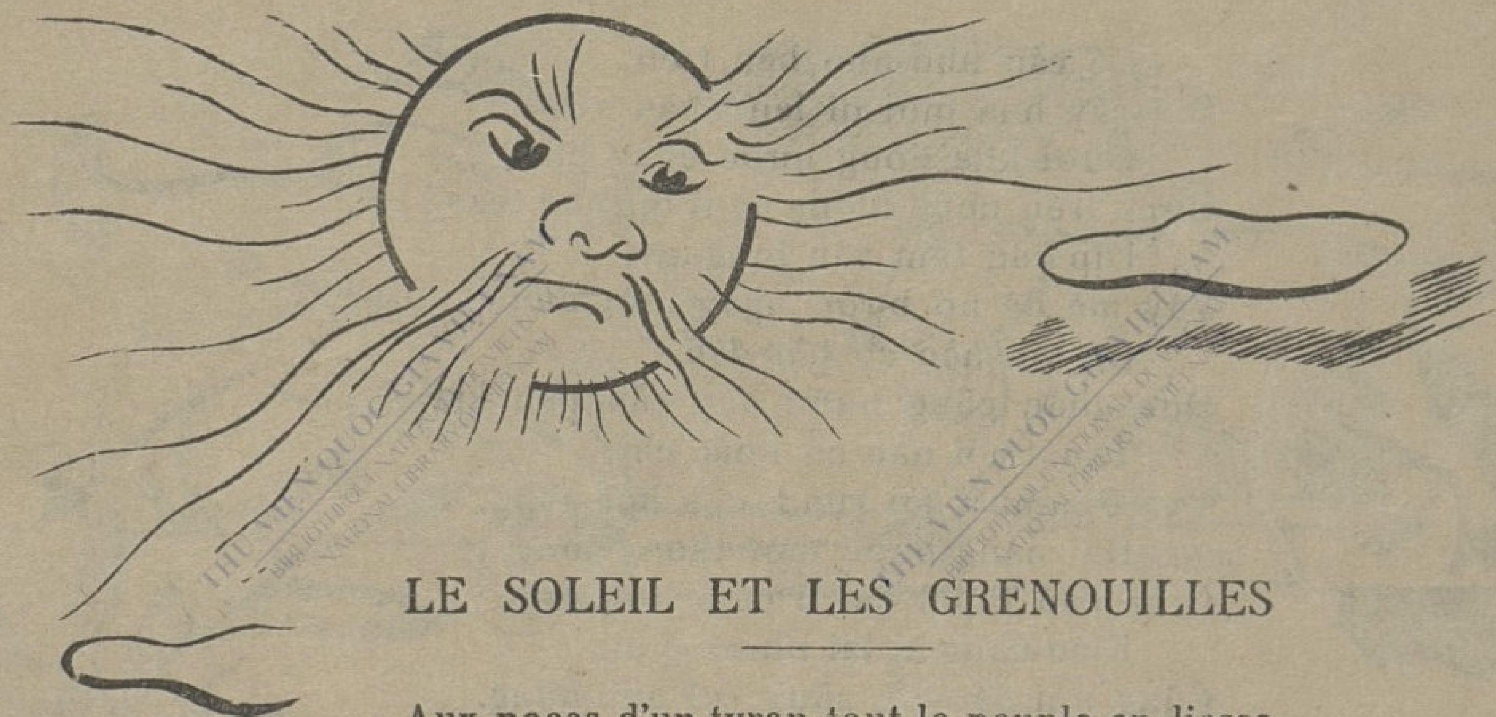


Un ruisseau se rencontre, et pour pont une
[planche :
Deux belettes à peine auraient passé de front
Sur ce pont :
D'ailleurs l'onde rapide et le ruisseau profond
Devaient faire trembler de peur ces amazones.
Malgré tant de dangers, l'une de ces personnes
Pose un pied sur la planche, et l'autre en fait
[autant.
Je m'imagine voir avec Louis le Grand
Philippe Quatre qui s'avance
Dans l'île de la Conférence.
Ainsi s'avançaient pas à pas,
Nez à nez, nos aventurières.
Qui, toutes deux étant fort fières,
Vers le milieu du pont ne se voulurent pas
L'une à l'autre céder. Elles avaient la gloire
De compter dans leur race, à ce que dit l'his-
[toire,
L'une certaine chèvre au mérite sans pair,
Dont Polyphème fit présent à Galathée;
Et l'autre la chèvre Amalthée,
Par qui fut nourri Jupiter.
Faute de reculer, leur chute fut commune:
Tous deux tombèrent dans l'eau.

Cet accident n'est pas nouveau
Dans le chemin de la fortune.

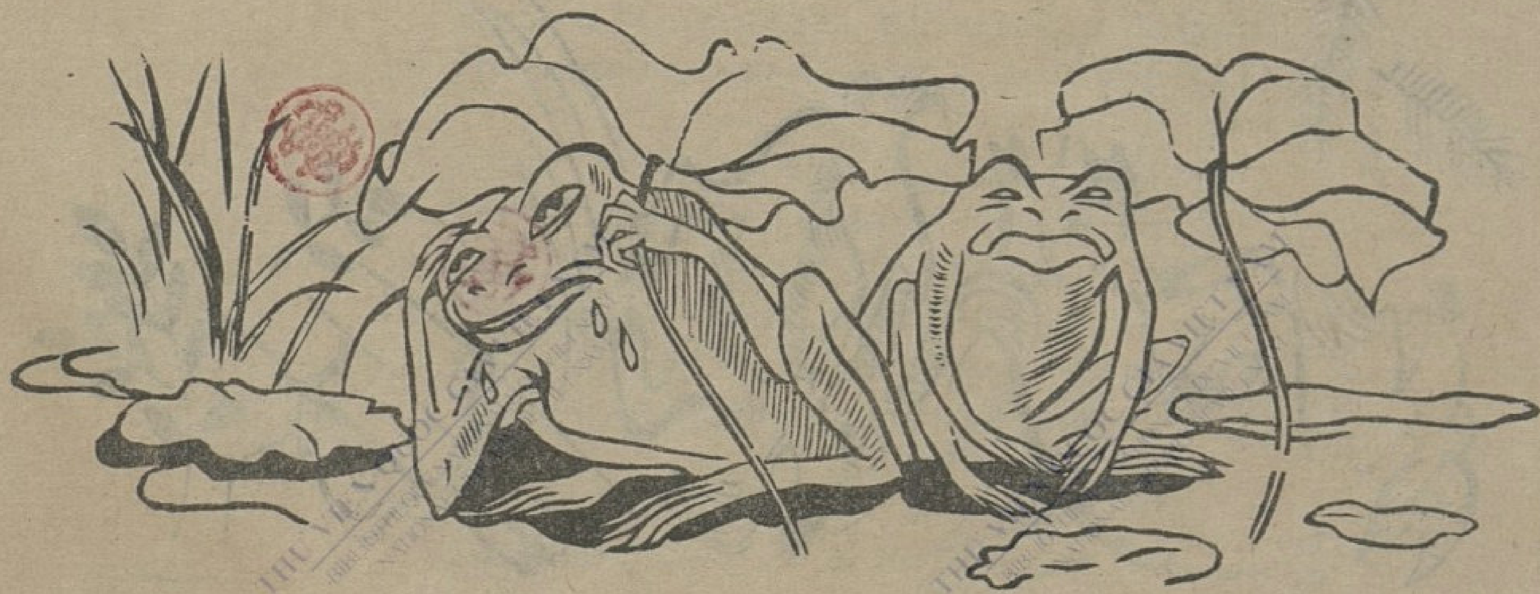
Có cầu nho-nhỏ bên trên,
Đôi cầy họa mới đi len nhau vừa.
Dưới khe dòng nước chảy bừa,
Đứng trên nom xuống nghĩ mà ghê thay!
Dịp cầu tấm ván lung-lay,
Vậy mà dê nọ bước ngay một đầu.
Dê kia nào có hãi đâu,
Đưa chân cũng bước đầu cầu bên kia.
Thoắt coi nào có khác chi,
Vua Pha-nho với vua Louis hội-đồng,
Hai nàng bước một thong-dong,
Giữa cầu thoắt đã đi cùng tới nơi.
Kiêu-căng ai lại nhường ai
Cũng nòi đáo-để, cũng vai anh-hùng.
Cô này cậy cháu nhà tông,
Dê này *Bách-lý* là ông sáu đời.
Con dòng cháu giống phải chơi!
Cô kia khi ấy tức-thời nghĩ ra:
Tổ-tiên ngũ-đại nhà ta,
Là dê *Tô-vũ* ông cha kế-truyền.
Cũng la cháu phượng con tiên,
Hai cô cùng dấn bước lên dịp cầu.
Nào ai có nhượng ai đâu;
Ganh nhau cho đến đâm đầu xuống khe.
Câu này chẳng những chuyện dê,
Bước đường danh-lợi người đi cũng dường.





LE SOLEIL ET LES GRENOUILLES

Aux noces d'un tyran tout le peuple en liesse
Noyait son souci dans les pots.
Ésope seul trouvait que les gens étaient sots
De témoigner tant d'allégresse.
« Le soleil, disait-il, eut dessein autrefois
De songer à l'hyménée.
Aussitôt on ouït d'une commune voix
Se plaindre de leur destinée
Les citoyennes des étangs.
« Que ferons-nous s'il lui vient des enfants?
« Dirent-elles au Sort: un seul soleil à peine
« Se peut souffrir : une demie-douzaine
« Mettra la mer à sec et tous ses habitants.
« Adieu joncs et marais : notre race est détruite.
« Bientôt on la verra réduite
« A l'eau du Styx ». Pour un pauvre animal,
Grenouilles, à mon sens, ne raisonnaient pas mal.



MẶT-TRỜI VÀ LOÀI ẾCH

Vua ngược-ác một hôm lấy vợ,
Cả bàn-dân mừng rỡ yến diên,
Duy *Ê-dốp* bảo là điên.
Ô hay! lũ ngốc tự-nhiên mừng xằng!
Bèn đem chuyện kể rằng: Khi trước,
Vừng Thái-dương muốn rước dâu về.
Chuôm ao ếch nhái sợ mê,
Inh tai chẫng-chuộc, trong khe dưới ngòi:
— Than ôi! nếu Mặt-trời sinh đẻ,
Ếch nhái ta hồ dễ ở yên,
Một Mặt-trời đã nóng điên,
Ví bằng nửa tá bể liền cạn khô.
Cá và ếch biết vô đâu ở?
Cói với lau biết nở nơi nào?
Loài ta biết tính thế nào?
Nước-nôi khô ráo, sống sao phen này?
Lời nói phải mà hay đáo-để!
Ếch khôn-ngoan người dễ đã tầy.



LE LION, LE LOUP ET LE RENARD

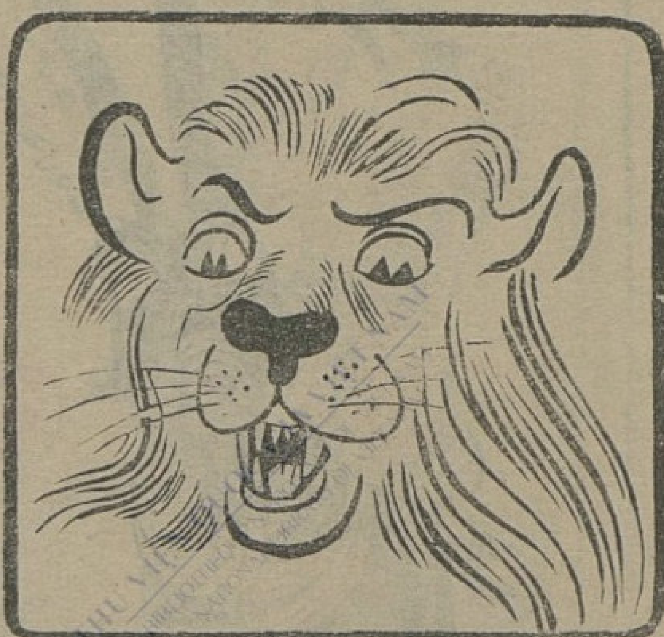
Un lion décrépit, gouteux, n'en pou-
[vant plus,
Voulait que l'on trouvât remède à la
[vieillesse.
Alléguer l'impossible aux rois, c'est
[un abus.
Celui-ci parmi chaque espèce
Manda des médecins : il en est de
[tous arts.
Medecins au lion viennent de toutes
[parts ;
De tous côtés lui vient des donneurs
[de recettes.
Dans les visites qui sont faites,
Le renard se dispense, et se tient
[clos et coi.
Le loup en fait sa cour, daube, au
[coucher du roi
Son camarade absent : le prince tout
[à heure
Veut qu'on aille enfumer renard dans
[sa demeure,

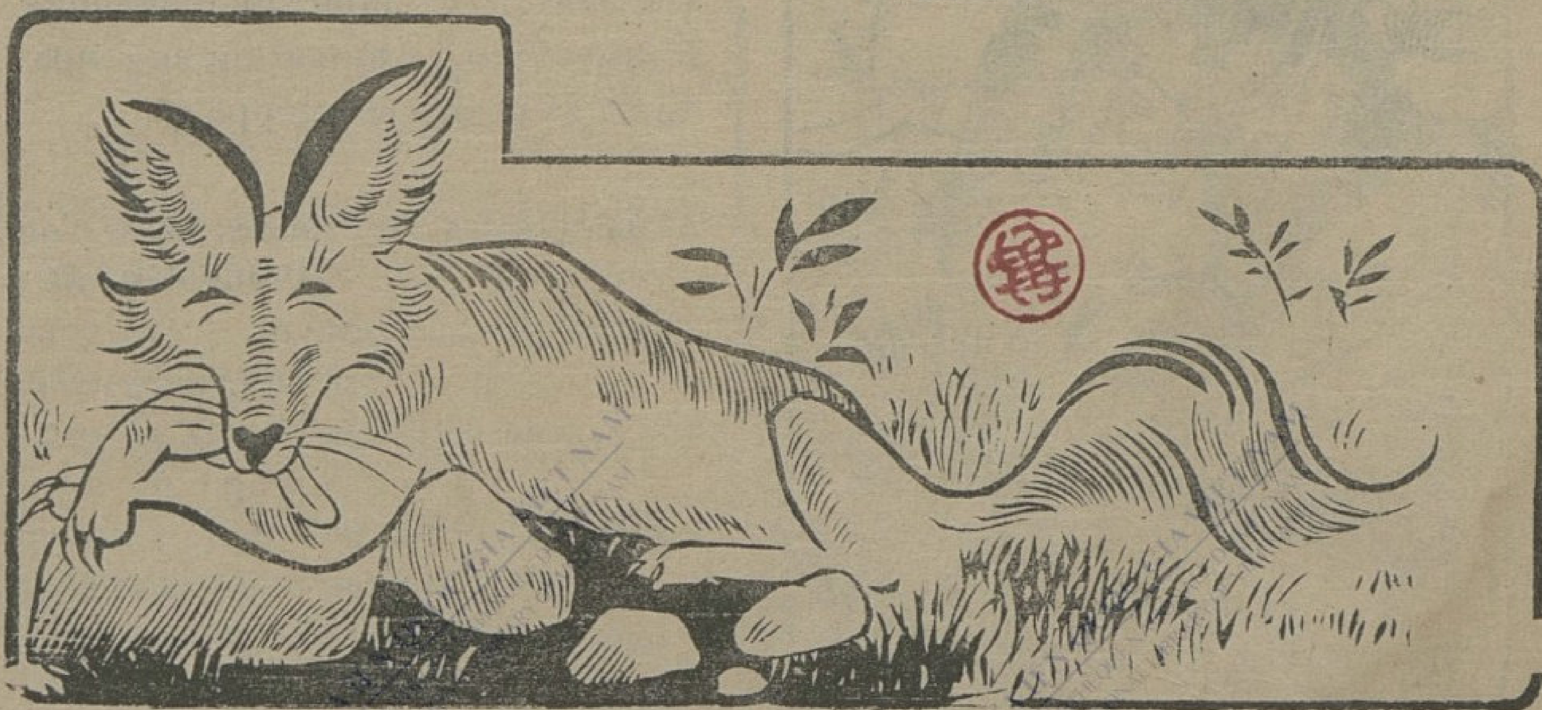




SƯ-TỬ, CON LANG VÀ CON HỒ

Sư-tử sọm lại đau phong-thấp,
Muốn tìm thầy cứu-cấp bệnh già.
Lệnh vua đã tỏ ý ra,
Dẫu làm chẳng được ai mà từ-nan.
Vua Sư-tử phán toàn các giống,
Kén lương-y đem cống tại triều.
Thôi thì cầm-thú bao nhiêu,
Thợ thầy đã lắm lại nhiều thuốc [thiêng.
Duy Hồ xấc dám kiêng không đến;
Ở lỳ nhà một chuyến mà chơi!
Lang ta hiến nịnh tức thời,
Quì tâu Hồ nọ mệnh Trời dám sai.
Sư-tử thoát nghe bài sớ tấu,
Cơn giận đâu nổi ngậu ngay lên:
— Bá quan vâng thửa lệnh truyền:
Nã Hồ đem đến Ngự-tiền mau đây!



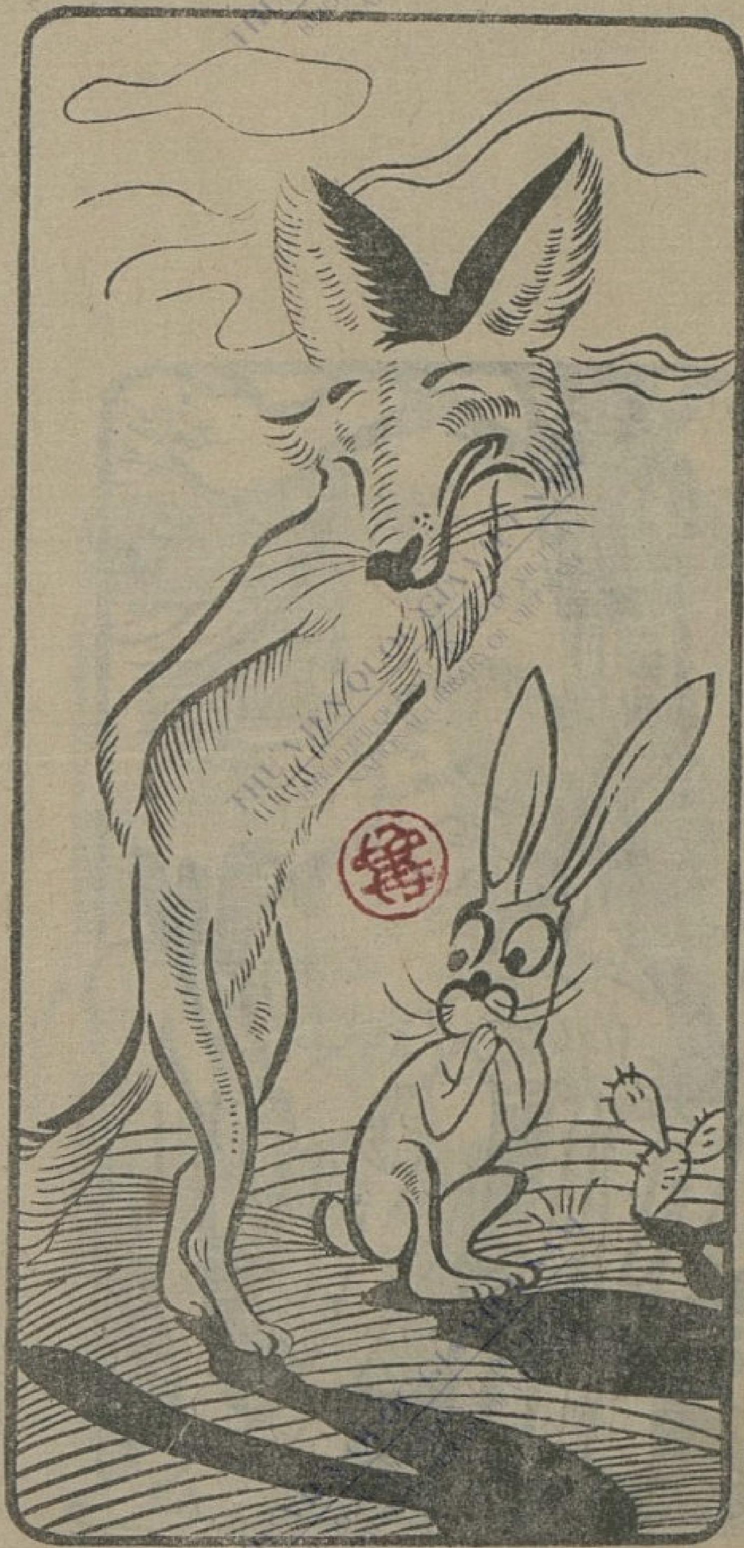




Qu'on le fasse venir. Il vient, est
[présenté;
Et, sachant que le loup lui faisait
[cette affaire :
« Je crains, Sire, dit-il, qu'un rapport
[peu sincère
Ne m'ait à mépris imputé
D'avoir différé cet hommage :
Mais j'étais en pélerinage,
Et m'acquittais d'un vœu fait pour
[votre santé.
Même j'ai vu dans mon voyage
Gens experts et savants, leur ait dit
[la langueur
Dont Votre Majesté craint à bon
[droit la suite.
Vous ne manquez que de chaleur ;
Le long âge en vous l'a détruite.
D'un loup écorché vif appliquez-vous
[la peau
Toute chaude et toute fumante ;
Le secret sans doute en est beau
Pour la nature défaillante.
Messire loup vous servira,
S'il vous plaît, de robe de chambre».
Le roi goûte cet avis-là ;
On écorche, on taille, on démembre
Messire loup. Le monarque en soupa,
Et de sa peau s'enveloppa.

Messieurs les courtisans, cessez de
[vous détruire ;
Faites, si vous pouvez, votre cour
[sans vous nuire.
Le mal se rend chez vous au qua-
[druple du bien.
Les daubeurs ont leur tour, d'une ou
[d'autre manière :
Vous êtes dans une carrière
Où l'on ne se pardonne rien.

Hồ biết ý, nghĩ ngay chước cãi:
— Dạ! Muôn tâu Quảng-Đại Cao [Minh.
Hạ-thần quả thật oan tình,
Vốn đang tìm chốn anh-linh khấn-[cầu.
Nên chưa kịp vào chầu trước Điện,
Nay mới về xin hiến phương hay.
Hạ-thần may đã gặp thầy,
Dạy rằng Thánh-thể bệnh này dễ [yên.
Kém chân Hỏa là tên trong sách;
Vị tuổi già, huyết mạch khí suy.
Bây giờ họa có lang-bì,
Dùng làm áo phủ tức thì bệnh yên.
Lang-thần muốn ghi tện trong sử,
Nghĩa vua tôi nên giữ phen này.
Thôi thì da nọ lột ngay,
Cho đòi phùng-tượng vào may áo [liền.
Phương thuốc lạ, Ngự khen Hồ [giỏi,
Truyền:
— Bá quan, đem trói Lang-thần.
Thịt kia nướng chả Trẫm ăn;
Da kia may áo làm chăn Trẫm nằm.
Nghĩ câu truyện nên ngâm mãi [mãi.
Bọn nịnh-thần chớ hại lẫn nhau
Nịnh mà hưởng phúc dễ đâu,
Nịnh mà nên họa là câu nói thường.
Ai ôi! nên biết thương nhau mấy:
Kẻ gièm-pha chớ cậy chi mình!
Lạ gì những thói triều-đình.



LA MORT ET LE BUCHERON



Un pauvre bûcheron, tout couvert de
[ramée,
Sous le faix du fagot aussi bien que
[des ans
Gémissant et courbé, marchait à pas
[pesants,
Et tâchait de gagner sa chaumine
[enfumée.
Enfin, n'en pouvant plus, d'effort et
[de douleur,
Il met bas son fagot, il songe à son
[malheur.
Quel plaisir a-t-il eu depuis qu'il est
[au monde?
En est-il un plus pauvre en la ma-
[chine ronde?
Point de pain quelquefois, et jamais
[de repos:
Sa femme, ses enfants, les soldats,
[les impôts,
Le créancier et la corvée,
Lui font d'un malheureux la pein-
[ture achevée.
Il appelle la Mort. Elle vient sans
[tarder,
Lui demande ce qu'il faut faire.
« C'est, dit-il, afin de m'aider
A recharger ce bois ; tu ne tarderas
[guère »

Le trépas vient tout guérir ;
Mais ne bougeons d'où nous sommes
Plutôt souffrir que mourir,
C'est la devise des hommes.

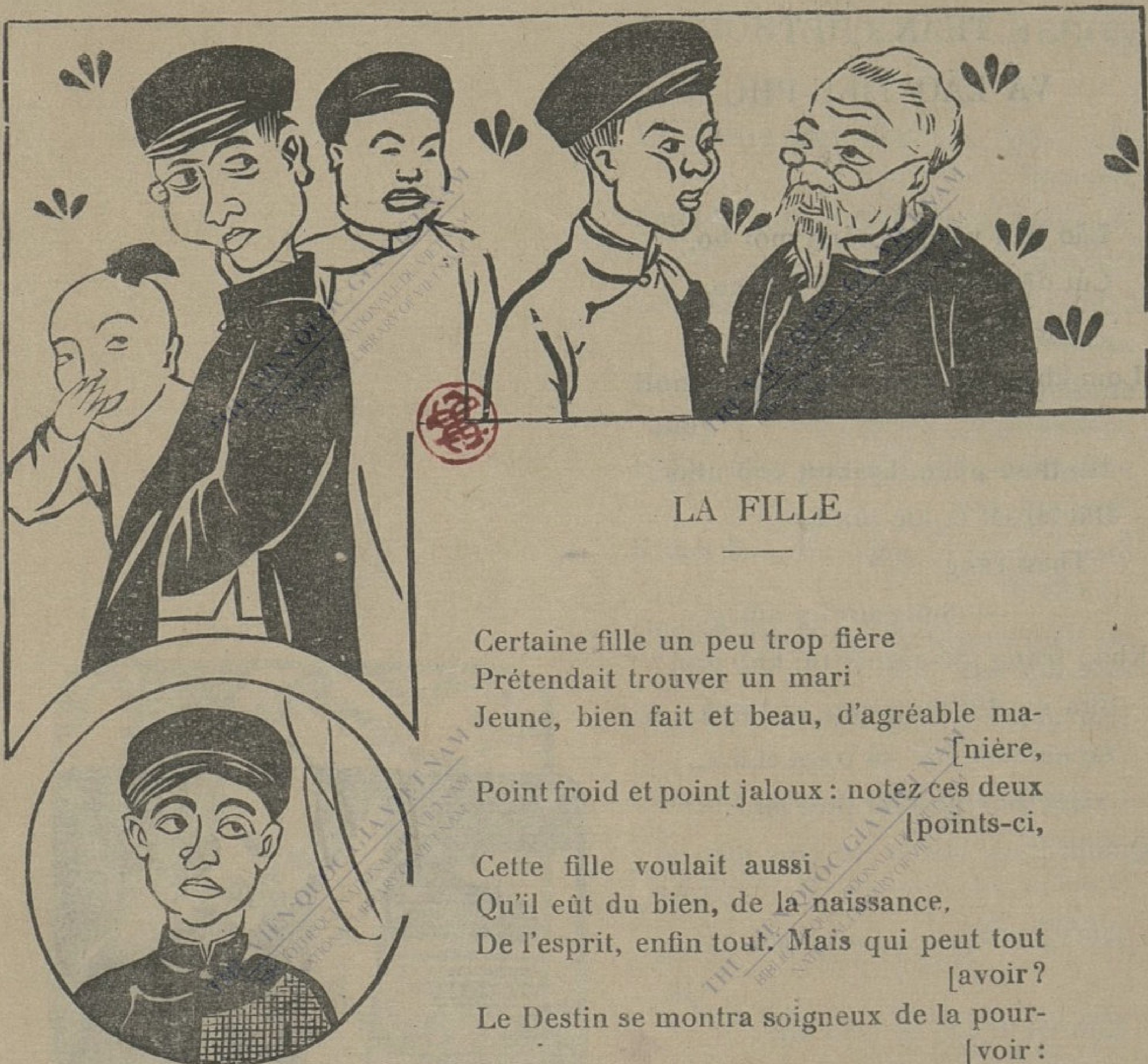
THẦN CHẾT
VÀ LÃO TIỀU-PHU

Lão tiều vác củi cành một bó,
Củi đã nhiều, niên-số lại cao,
Lặc-lè chân đá chân xiêu,
Lom-khom về chốn thảo-mao khói
[mù.
Tủi thân-phận, kỳ-khu khó nhọc,
Đặt bó sài ở dọc lối đi,
Than rằng:
— Sung-sướng nỗi gì,
Khắp trong thế-giới ai thì khổ hơn?
Bữa no đói luôn cơn buồn-bã:
Vợ nào con vất-vả trăm chiều,
Hết thuế lính lại thuế sưu.
Quanh năm khách nợ còn điều gì
[vinh?
Hỡi thần Chết thương tình chăng
[tá,
Đến lôi đi cho đã một đời.
Chết đâu dẫn lại tức thời,
— Hỏi già khi nãy kêu vời lão chi?
Lão-tiều thấy cơ nguy cuống sợ:
— Nhờ tay ngài nhắc đỡ lên vai.

Thơ rằng:

Đành chết là hết nợ,
Sao mà ai cũng sợ?
Mới hay bụng thế-gian;
« Khổ mà sống còn '





LA FILLE

Certaine fille un peu trop fière
Prétendait trouver un mari
Jeune, bien fait et beau, d'agréable ma-
[nière,
Point froid et point jaloux : notez ces deux
[points-ci,
Cette fille voulait aussi
Qu'il eût du bien, de la naissance,
De l'esprit, enfin tout. Mais qui peut tout
[avoir ?
Le Destin se montra soigneux de la pour-
[voir :
Il vint des partis d'importance.
La belle les trouva trop chétifs de moitié :
« Quoi ! moi ? quoi ! ces gens-là ? L'on ra-
[dote, je pense.
A moi les proposer ! Hélas ! ils font pitié.
Voyez un peu la belle espèce ! »
L'un n'avait en l'esprit nulle délicatesse ;
L'autre avait le nez fait de cette façon-là ;
C'était ceci, c'était cela ;
C'était tout : car les précieuses
Font dessus tout les dédaigneuses.
Après les bons partis, les médiocres gens



GIÀ KÉN KẸN HOM



Cô ả nọ làm cao khí quá,
Định kén chồng được gã giỏi trai,
Có mầu, có vẻ, có tài;
Chẳng ghen cũng chẳng như ai lạnh-lùng,
Lại còn muốn con rồng cháu phượng,
Của rõ nhiều sung-sướng nhất đời;
Tài-hoa, học-thức tuyệt-vời,
Trăm hay muốn cả. Nhưng ai tốt đều?
Ông trời nọ cũng chiều nết khó,
Lại xui nên vô-số kẻ dòm
Nhưng ai cô cũng chê om:
« Gớm người thế ấy dám dòm đến ta! »
Anh kia đã chê là cục-kệch;
Anh này thì mũi lệch khó coi;
Thế này, thế nọ, lôi-thôi,
Thôi thì chẳng thiếu chi lời bẻ-bai,
Ngẫm gái hợm ra ai cũng vậy,
Ai cũng rằng:
— Đồ bậy ra gì?

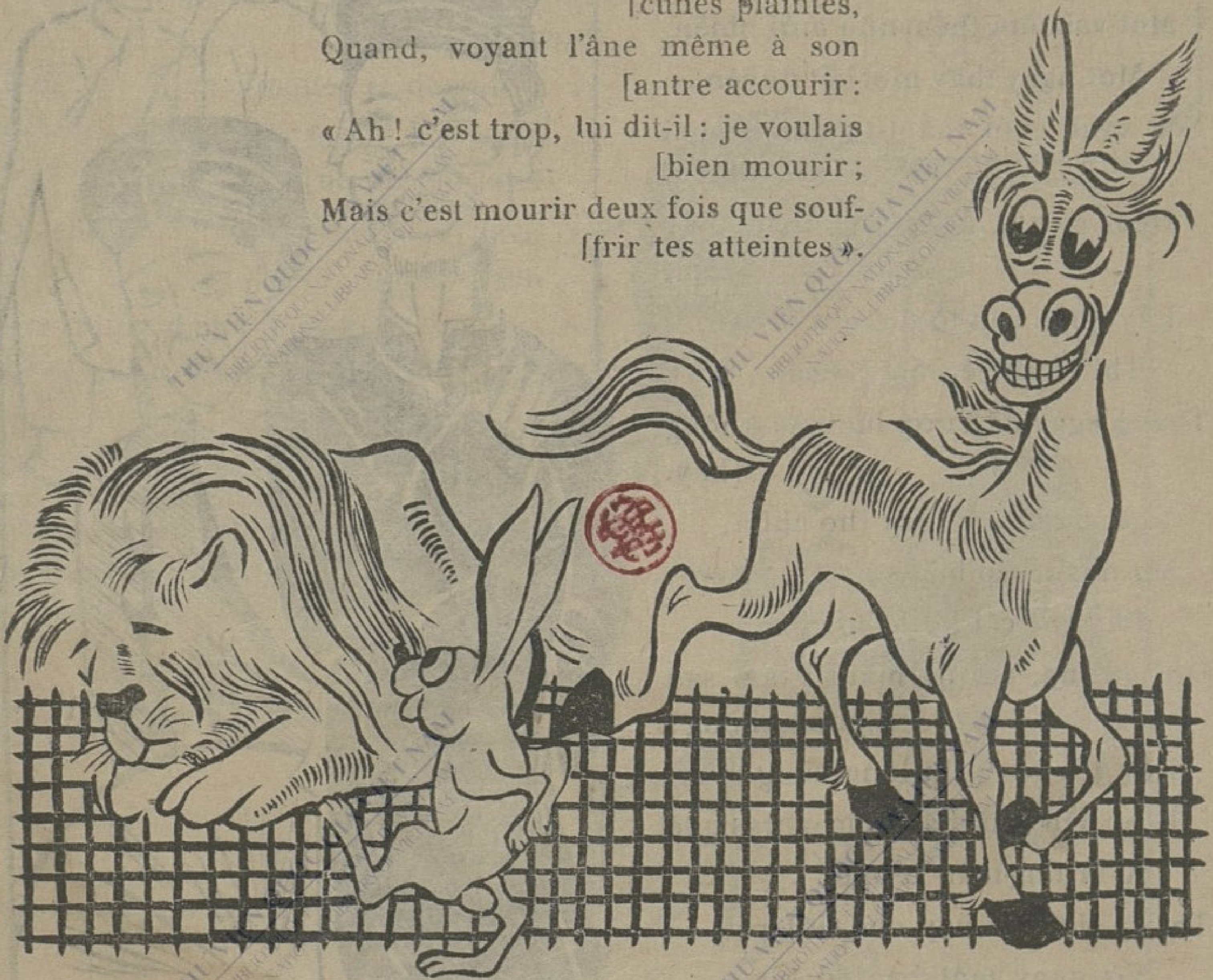
Vinrent se mettre sur les rangs.
Elle de se moquer. « Ah ! vraiment je suis [bonne
De leur ouvrir la porte : ils pensent que [je suis
Fort en peine de ma personne:
Grâce à Dieu, je passe les nuits
Sans chagrin, quoique en solitude ».
La belle se sut gré de tous ces sentiments.
L'âge la fit déchoir ; adieu tous les amants.
Un an se passe, et deux, avec inquiétude:
Le chagrin vient ensuite : elle sent chaque [jour
Déloger quelques ris, quelques jeux, puis [l'amour ;
Puis ses traits choquer et déplaire ;
Puis cent sortes de fards. Ses soins [ne purent faire
Qu'elle échappât au Temps, cet insi- [gne larron.
Les ruines d'une maison
Se peuvent réparer : que n'est cet [avantage
Pour les ruines du visage !
Sa préciosité changea lors de langage.
Son miroir lui disait : « Prenez vite [un mari .»
Je ne sais quel désir le lui disait aussi:
Le désir peut loger chez une préci- [euse.
Celle-ci fit un choix qu'on n'aurait [jamais cru,
Se trouvant à la fin tout aise et tout [heureuse
De rencontrer un malotru.

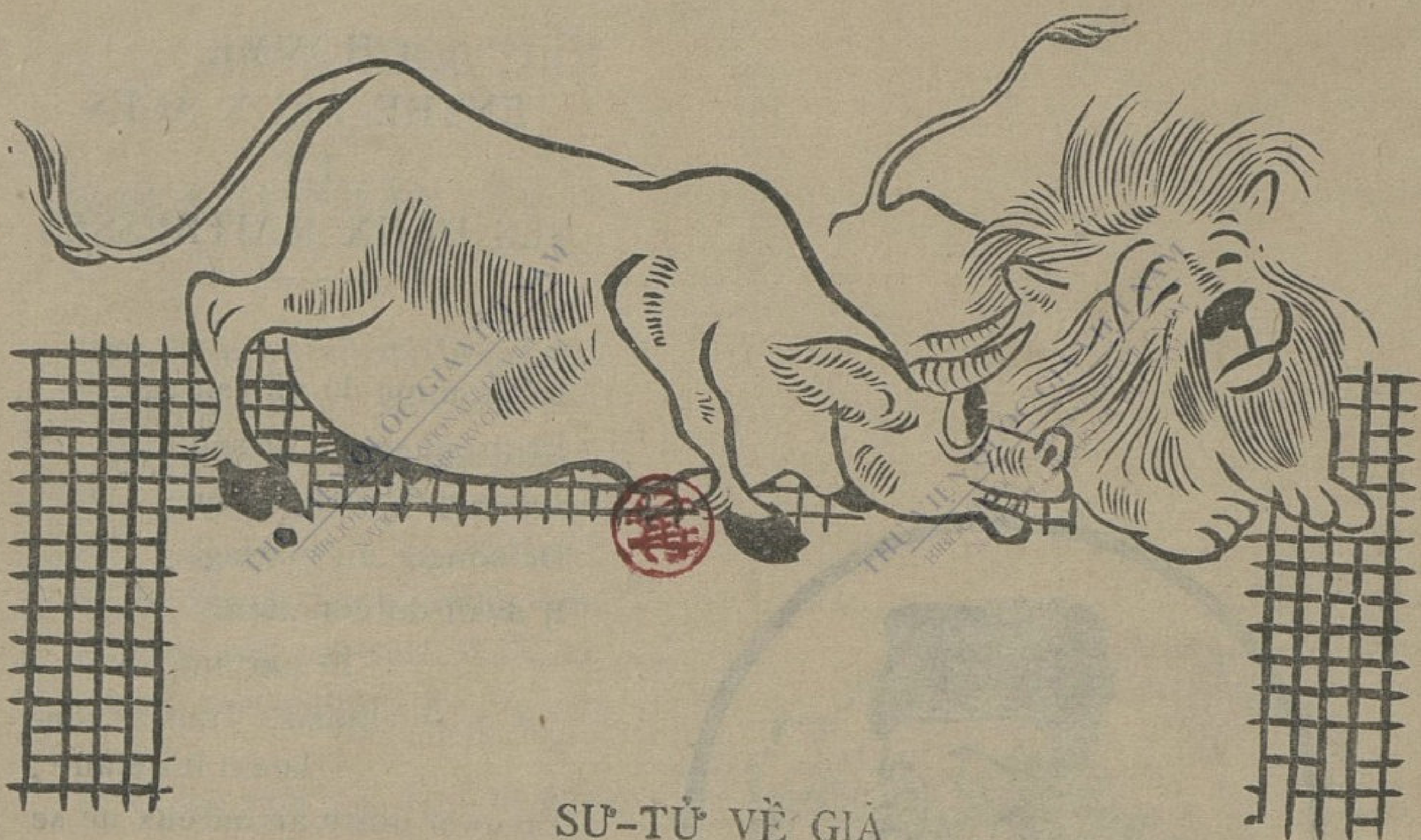
Đám hay hết thảy đuổi đi,
Rồi ra đến bọn xẳng-xì đưa tin.
Môi cô ả tớn lên càng dữ,
Biết bọn này mở cửa làm chi?
Quân này thường dễ có khi,
Tưởng ta ế muộn, lỡ thì chi đây!
Nhờ trời phó gái này can-đảm.
Dẫu riêng chăn cũng cám tấm lòng;
Khăng khăng một mực nằm [không,
Cái già sồng-sộc thoắt trông thấy [gần.
Thì chẳng mãnh bước chân vào [cửa;
Một vài năm thêm nữa mới phiền.
Một ngày thấy một hết duyên,
Tóc xanh môi thắm tự-nhiên phai [dần.
Đem gương ngắm lẩn-thẩn thấy [kém,
Lấy phấn son tô-điểm mãi vào.
Thì ra duyên hết từ bao,
Tháng ngày đã cướp lúc nào không [hay.
Nhà kia đổ còn tay thợ chữa,
Má này nheo biết sửa làm sao?
Bấy giờ cái hợm bớt cao,
Hỏi gương, gương mắng: làm sao [chưa chồng?
Hỏi đến lòng thì lòng cũng giục:
Hợm đến đâu chẳng lúc ngứa nghề
Ả ta tẩn-mẩn tê-mê,
Thì ra tính cũ hay chê bớt rồi,
Vớ ngay một bác đồ tồi.



LE LION DEVENU VIEUX

Le lion, terreur des forêts,
Chargé d'ans et pleurant son antique
[prouesse,
Fut enfin attaqué par ses propres
[sujets,
Devenus forts par sa faiblesse.
Le cheval s'approchant lui donne un
[coup de pied.
Le loup un coup de dent; le bœuf un
[coup de corne.
Le malheureux lion, languissant, tris-
[te et morne,
Peut à peine rugir, par l'âge estropié.
Il attend son destin, sans faire au-
[cunes plaintes,
Quand, voyant l'âne même à son
[antre accourir:
« Ah ! c'est trop, lui dit-il : je voulais
[bien mourir ;
Mais c'est mourir deux fois que souf-
[frir tes atteintes ».





SƯ-TỬ VỀ GIÀ

Sư-tử trên rừng ai cũng sợ;
Lúc tuổi già ngồi nhớ oai xưa
Khóc than thân-phận già nua.
Vì chưng ta yếu bây giờ chúng khinh,
Con ngựa đến đá mình một móng;
Chó rừng vào há họng cắn chơi;
Con bò đến húc, Trời ơi!
Muốn gầm một tiếng, hết hơi mất [rồi.
Sư rầu-rĩ đành ngồi thúc-thủ,
Thôi cũng đành đợi số cho xong,
Thân tàn chết cũng cam lòng.
Con lừa đâu cũng vô trong hang [mình.
Sư thấy thế làm thinh chẳng được,
Than:
— Thế này đã nhuốc bay chưa!
Sống mà chịu tủi với lừa,
Chết đi chết lại cũng như khác gì!

L'HOMME ENTRE DEUX ÂGES ET SES DEUX MAITRESSES



Un homme de moyen âge,
Et tirant sur le grisón,
Jugea qu'il était saison
De songer au mariage.
Il avait du comptant,
Et partant
De quoi choisir. Toutes vou-
[laient lui plaire ;
En quoi notre amoureux ne se
[pressait pas tant.
Bien adresser n'est pas petite
[affaire.
Deux veuves sur son cœur
[eurent le plus de part :
L'une encor verte, et l'autre un
[peu bien mûre,
Mais qui réparait par son art
Ce qu'avait détruit la nature.
Ces deux veuves en badinant,
En riant, en lui faisant fête,

ANH CHÀNG ĐỨNG TUỔI VỚI HAI CHỊ NHÂN-NGÃI

Anh chàng nọ tuổi đà đứng trạc,
Trên mái đầu tóc bạc hoa râm.
Bấy giờ bụng mới nghĩ thầm:
Nếu không vợ mãi đêm nằm [với ai?
Trong tay gã tiền tài cũng lắm,
Kẻ lăn lưng mớ-nằm thiếu gì.
Này tương-thức, nọ tương-[tri,
Ai không săn-sóc, hắn thì mần [thinh.
Việc kén vợ phân-minh là phải.
Trong mấy người đi lại chạ-[chung.
Có hai chị ả góa chồng,
Xem trong ý gã ra lòng yêu [thương.
Một thím nọ xuân đương vừa [độ,
Còn thím kia khi *mõ* mất rồi.
Nhưng mà son phấn khéo [nhồi.
Phai đâu tô đó coi người cũng [xinh.





L'allaient quelquefois testonnant,
C'est-à-dire ajustant sa tête.
La vieille, à tous moments, de sa part emportait
Un peu du poil noir qui restait,
Afin que son amant en fût plus à sa guise.
La jeune saccageait les poils blancs à son tour.
Toutes deux firent tant que notre tête grise
Demeura sans cheveux, et se douta du tour.
« Je vous rends, leur dit-il, mille grâces, les belles,
Qui m'avez si bien tondu ;
J'ai plus gagné que perdu :
Car d'hymen, point de nouvelles.
Celle que je prendrais voudrait qu'à sa façon
Je vécusse et non à la mienne.
Il n'est tête chauve qui tienne :
Je vous suis obligé, belles, de la leçon ».

Trong những lúc mặn tình gần-
[gui,
Ả đua nhau sửa búi củ-hành.
Tóc râm còn mấy đám xanh,
Nàng thì nhổ tuột cho nhanh
[bao-giờ.
Còn tóc bạc phơ-phơ trên mái.
Thì nàng kia cũng lại nhổ
[phăng,
Để cho đũa lệch hóa bằng,
Bỗng dưng có tóc ra thẳng trụi-
[trơn.
Chàng biết ý nổi cơn tức giận.
Đoan-quyết ngay từ bận này
[chừa :
Thôi thôi đừng khéo ỡm-ờ!
Tôi can các chị đừng vờ thương
[yêu.
Đây đã trải bấy-nhiêu ý-tứ,
Đã biết đường cư-xử các bà.
Đành rằng không vợ đến già,
Đầu này dẫu trụi nhưng đà
[biết khôn.



LA COUR DU LION



Sa majesté Lionne un jour voulut
[connaître
De quelles nations le Ciel l'avait fait
[maître.
Il manda donc par députés
Ses vassaux de toute nature,
Envoyant de tous les côtés
Une circulaire écriture
Avec son sceau. L'écrit portait
Qu'un mois durant le roi tiendrait
Cour plénière, dont l'ouverture
Devait être un fort grand festin,
Suivi des tours de Fagotin.
Par ce trait de magnificence
Le prince à ses sujets étalait sa puis-
[sance.
En son Louvre il les invita.
Quel Louvre ! un vrai charnier, dont
[l'odeur se porta
D'abord au nez des gens. L'ours bou-
[cha sa narine
Il se fût bien passé de faire cette mine.
Sa grimace déplut. Le monarque
[irrité
L'envoya chez Pluton faire le dé-
[goûté.
Le singe approuva fort cette sévérité,

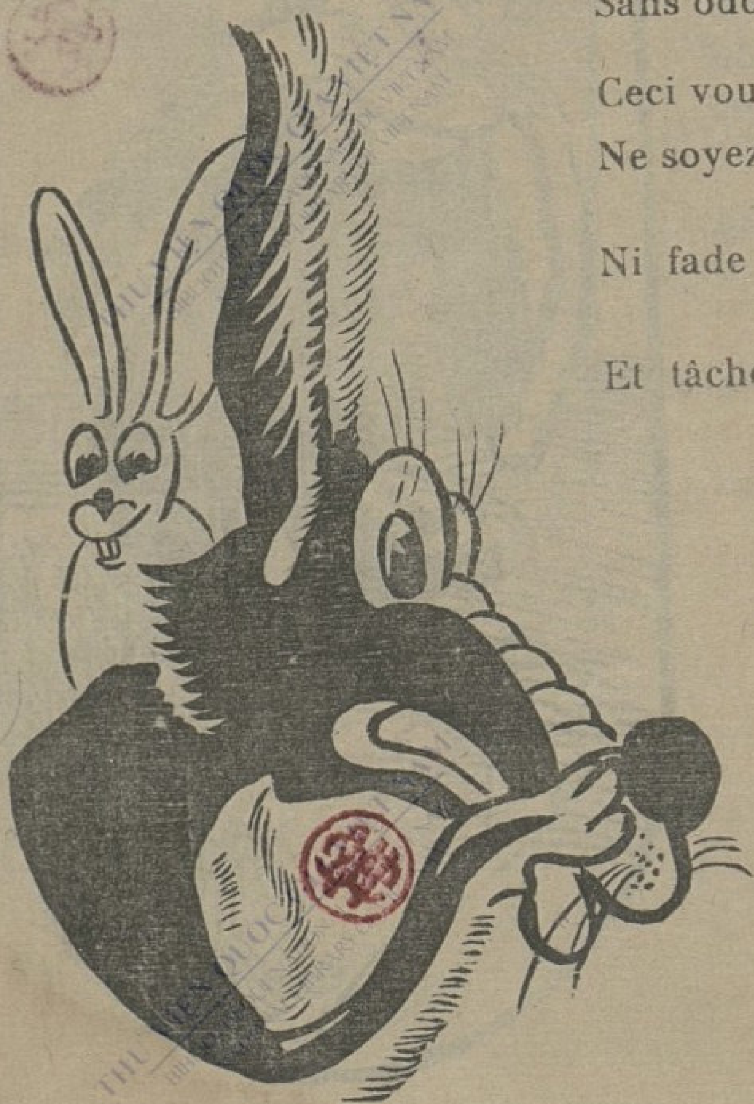
TRIỀU-ĐÌNH VUA SƯ-TỬ

Một ngày kia, Mãnh-sư Hoàng-đế,
Muốn thử xem quyền-thế tầy bao,
Bèn vời bách-thú lâm trào;
Mỗi loài phái một viên vào Long-
[cung.
Sắc vàng tống đi cùng một đạo,
Đóng ấn son Quốc-bảo rõ ràng.
Chiếu rằng suốt một tháng tràng,
Hội bàn trước chốn Ngai Vàng liên-
[miên.
Lúc mở hội khai diên tứ yến,
Có phường tuồng nhân-tiện làm
[trò.
Mãnh-sư có ý làm to,
Để đem quyền-thế mà phô chư-hầu.
Truyền hội-nghị ở lầu Ngũ-phung,
Những thịt xương lủng-củng bốn
[bề.
Sực nồng hôi-hám gớm-ghê,
Gấu kia bưng mũi đường chê nặng
[mùi.
Ngự hiểu ý, giận sôi sùng-sục,
Cho xuống ngay Địa-ngục mà chê.
Khỉ ta hiến nịnh tức thì:



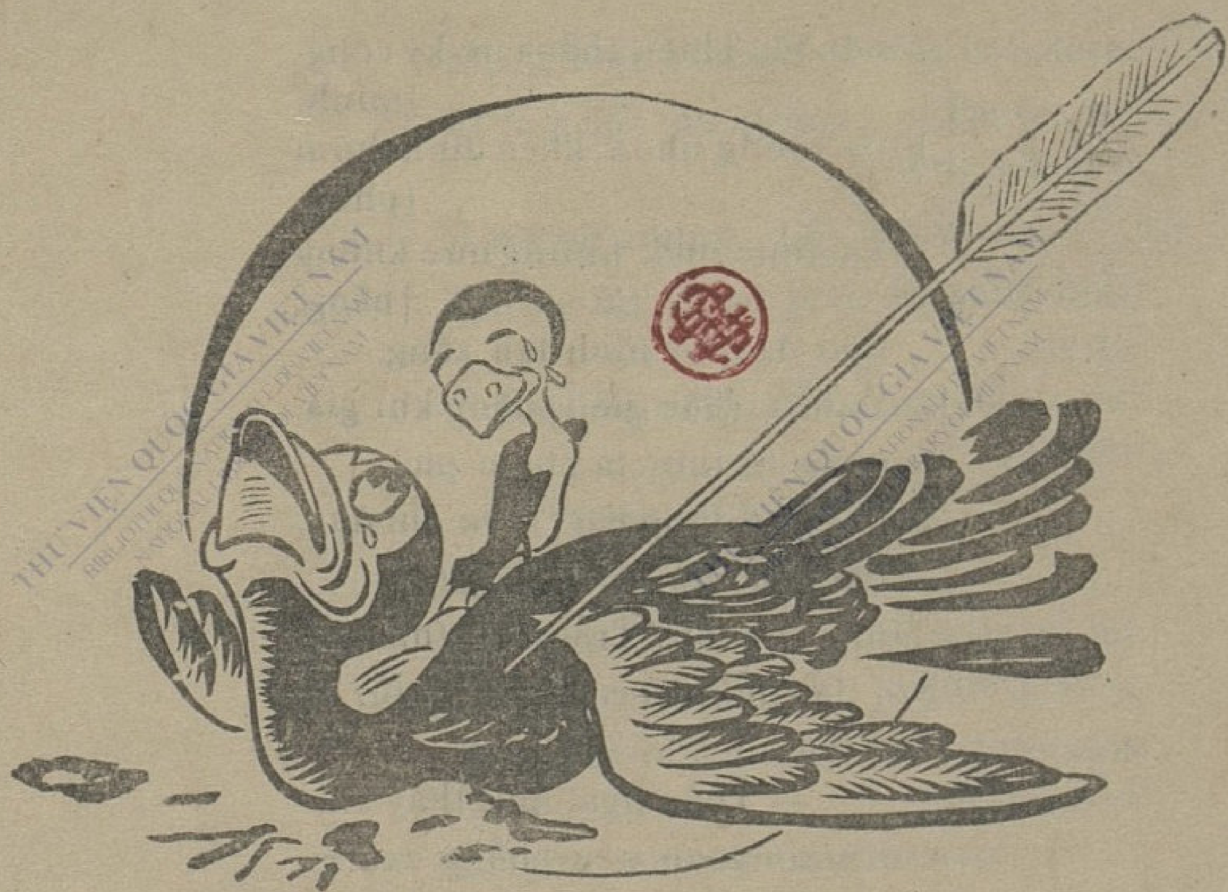
Et, flatteur excessif, il loua la colère
Et la griffe du prince, et l'antre et
[cette odeur :
Il n'était ambre, il n'était fleur,
Qui ne fût ail au prix. Sa sotte flat-
[terie
Eut un mauvais succès, et fut encor
[punie:
Ce monseigneur du lion-là
Fut parent de Caligula.
Le renard étant proche : « Or çà, lui
[dit le sire,
Que sens-tu ? dis-le moi. Parle sans
[déguiser. »
L'autre aussitôt de s'excuser,
Alléguant un grand rhume : il ne
[pouvait que dire
Sans odorat. Bref il s'en tire.

Ceci vous sert d'enseignement.
Ne soyez à la cour, si vous voulez y
[plaire,
Ni fade adulateur, ni parleur trop
[sincère,
Et tâchez quelquefois de répondre
[en Normand.



— Muôn tâu Thiên-thảo cực-kỳ công-
[minh.
Khen móng nhọn, khen dinh thơm
[phức,
Trăm thức hoa, hương nức không
[bằng.
Ngờ đâu lời nịnh tán xằng,
Mãnh-sư lại giận giết phăng khỉ già.
Vua Sư-tử thực là phàm-phũ,
Hẳn cũng dòng Kiệt, Trụ chi đây.
Lại gần chó sói hỏi ngay:
— Mùi gì tâu thực Trẫm hay thử nào!
Sói đại-thần trí-cao khéo chối.
Cúi tâu:
— Thần ngạt mũi thấy chi!
Khôn-ngoan nên chẳng can gì.
Chuyện hay đã dạy, nên ghi vào
[lòng.
Ai muốn vững Triều trung quyền-
[chức,
Nịnh không nên, cương-trực cũng
[đừng;
Cứ làm ra mặt người rừng.





L'OISEAU BLESSÉ
D'UNE FLÈCHE

Mortellement atteint d'une flèche
[empennée,
Un oiseau déplorait sa triste destinée,
Et disait, en souffrant un surcroît
[de douleur :
« Faut-il contribuer à son propre
[malheur !
Cruels humains, vous tirez de nos
[ailes
De quoi faire voler ces machines
[mortelles !
Mais ne vous moquez point, engeance
[sans pitié :
Souvent il vous arrive un sort comme
[le nôtre.
Des enfants de Japet toujours une
[moitié
Fournira des armes à l'autre ».

CON CHIM PHẢI TÊN

Con chim nọ phải tên gần chết,
Than mấy câu giãi hết nỗi niềm.
Nói ra thêm não thêm phiền:
Giết chim lại bởi lông chim lạ-lùng!
Trách nhân-loại lòng hung dạ độc,
Nhổ cánh này làm đốc tên kia,
Nhưng loài bất đức hợm chi.
Vạ này hẳn cũng có khi vào mình.
Xem trong đám sinh-linh đồng loại.
Cũng cánh này làm hại cánh kia!



LE VIEILLARD ET LES TROIS JEUNES HOMMES

Un octogénaire plantait.
« Passe encor de bâtir; mais planter
[à cet âge ! »
Disaient trois jouvenceaux, enfants
[du voisinage :
Assurément il radotait.
Car, au nom des dieux, je vous prie,
Quel fruit de ce labeur pouvez-vous
[recueillir ?
Autant qu'un patriarche il vous fau-
[drait vieillir.
A quoi bon charger votre vie
Des soins d'un avenir qui n'est pas
[fait pour vous ?
Ne songez désormais qu'à vos er-
[reurs passées ;
Quittez le long espoir et les vastes
[pensées :
Tout cela ne convient qu'à nous.
— Il ne convient pas à vous-mêmes,
Repartit le vieillard. Tout établis-
[sement
Vient tard et dure peu. La main des
[Parques blêmes
De vos jours et des miens se joue
[également.
Nos termes sont pareils par leur
[courte durée.
Qui de nous des clartés de la voûte
[azurée





ÔNG CỤ GIÀ VÀ BA NGƯỜI TRAI TRẺ

Cụ tám-mươi đương trồng cây cối,
Có ba chàng trẻ tuổi cười rằng:
— Làm nhà họa có nên chăng;
Trồng cây thì thực lố-lăng mất rồi!
Khoan đã! cụ già ơi, con hỏi:
Quả ai ăn, cụ nói con hay?
Họa may Bành-tổ lên đây,
Chứ như đại-lão, phỏng ngày còn [bao!
Làm chi thế công-lao cho uổng
Thóc người ăn, cày ruộng hơi đâu!
Thôi thôi, cụ bấy tuổi đầu
Chi bằng ngồi khềnh vuốt râu ngắm [đời;
Hối những sự lầm sai thuở nhỏ,
Còn ước xa đã có chúng tôi.
Rằng:
— Con cũng quá buổi rồi,
Phàm chưng muôn việc của người [làm ra
Kiên-nhẫn khó xong mà dễ hỏng.
Cái chết đâu vẫn ngóng bên ngoài.
Thọ là ai, yểu là ai?
Lão già, con trẻ vắn dài khác chi.

TABLE DES MATIÈRES

MỤC-LỤC

Trang

SÁCH NÀY IN XONG NGÀY 15 MARS 1943 TẠI NHÀ IN TRUNG-BẮC TÂN-VĂN, 36, HENRI D'ORLÉANS, HANOI. IN RA 15.000 CUỐN BẰNG GIẤY THƯỜNG, 150 CUỐN BẰNG GIẤY ĐẠI-LA IMPÉRIAL ĐÁNH SỐ TỪ 1 ĐẾN 150 VÀ 8 CUỐN BẰNG GIẤY THĂNG-LONG IMPÉRIAL ĐÁNH SỐ TỪ I ĐẾN VIII

Số 35